



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

Tập 2



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN
NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

**HƯỚNG DẪN
NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN**

Tập 2

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy định số 45-QĐ/TW, ngày 1-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương về *Thi hành Điều lệ Đảng*, Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 5-1-2012 của Ban Bí thư về *Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng khóa XI*, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 17-5-2012 về Một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên và lập biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng.

Nhằm giúp các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có tài liệu để thực hiện tốt nghiệp vụ công tác đảng viên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản văn bản nói trên thành sách: ***Hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng viên***, gồm hai tập:

- *Tập 1: Phần thứ nhất*: Về nghiệp vụ công tác đảng viên.

- *Tập 2: Phần thứ hai*: Biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần thứ hai
BIỂU THỐNG KÊ CƠ BẢN
TRONG HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Mục đích

Thực hiện biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng nhằm tổng hợp số lượng, cơ cấu, chất lượng của hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, cung cấp kịp thời cho cấp ủy, cơ quan tổ chức các cấp của Đảng, làm cơ sở đánh giá, nhận xét, đề ra chủ trương, biện pháp phát huy mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt trong việc xây dựng hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nội dung công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm thống nhất về nội dung báo cáo trong các biểu thống kê đã quy định.
- Số liệu thống kê phải được tổng hợp từ cơ sở lên và chính xác, đầy đủ, kịp thời.

3. Chế độ báo cáo

a) Thời điểm tổng hợp số liệu thống kê

- Thời điểm tổng hợp số liệu thống kê về tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ chủ chốt của Đảng:

+ Báo cáo 6 tháng tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm báo cáo.

+ Báo cáo năm tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo. Riêng biểu số 7A, 7B-TCTW thì tính đến thời điểm ngày 31-1 của năm kế tiếp.

- Thời điểm tổng hợp số liệu bầu cử cấp ủy, được tính ngay sau khi có kết quả bầu cử và phân công cấp ủy.

b) Thời gian gửi báo cáo thống kê

- Thời gian gửi báo cáo thống kê về tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ chủ chốt của Đảng sau khi kết thúc kỳ báo cáo như sau:

+ Cấp ủy cơ sở báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp: Sau 10 ngày.

+ Ban tổ chức huyện ủy (và tương đương) báo cáo ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương): Sau 20 ngày.

+ Ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương) báo cáo Ban Tổ chức Trung ương: Sau 30 ngày.

- Thời gian gửi báo cáo thống kê về bầu cử cấp ủy như sau:

+ Huyện ủy (và tương đương) báo cáo tỉnh ủy (và tương đương): Sau 10 ngày.

+ Tỉnh ủy (và tương đương) báo cáo Trung ương (qua Ban Tổ chức Trung ương): Sau 20 ngày.

c) Phạm vi và trách nhiệm thực hiện biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng

- *Phạm vi tổng hợp số liệu thống kê*: Tất cả đảng viên, tổ chức đảng, cán bộ chủ chốt, số lượng cấp ủy... có trong một đảng bộ do một cấp ủy trực tiếp chỉ đạo thì cơ quan tổ chức của cấp ủy đó lập các biểu mẫu thống kê theo quy định, bảo đảm mỗi đảng viên, tổ chức đảng... nêu trên chỉ thống kê một lần và chỉ một nơi thống kê và báo cáo theo biểu mẫu quy định.

- *Cấp ủy cơ sở*:

+ Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu: danh sách đảng viên, phiếu đảng viên, phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, các phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức, đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, đảng viên từ trần.

+ Định kỳ (6 tháng, 1 năm) đối khớp danh sách đảng viên giữa tổ chức đảng cấp dưới với tổ chức đảng cấp trên trực tiếp.

+ Đáp ứng các yêu cầu theo chỉ đạo của cấp ủy cấp trên về việc báo cáo các số liệu thống kê có liên quan.

- *Cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cơ sở*:

+ Hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy cơ sở và chỉ đạo

cơ quan tổ chức thực hiện các biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng theo quy định.

+ Cơ quan tổ chức của cấp ủy trước khi lập và ký duyệt biểu thống kê phải kiểm tra, so sánh, đối chiếu với số liệu kỳ trước và liên hệ với tình hình thực tế để phát hiện những chỉ tiêu tăng, giảm không hợp lý, nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực của các chỉ tiêu thống kê.

- *Tỉnh ủy (và tương đương):*

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy cấp dưới và cơ quan tổ chức thực hiện biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng theo quy định.

+ Hằng năm tổ chức sơ kết công tác thống kê trong hệ thống tổ chức đảng của đảng bộ để rút kinh nghiệm và báo cáo Trung ương (qua Ban Tổ chức Trung ương).

II. HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU THỐNG KÊ

1. Báo cáo đảng viên và tổ chức đảng

Gồm 12 biểu, từ Biểu số 1-TCTW đến Biểu số 11-TCTW (Biểu số 7 có hai biểu 7a và 7b).

Biểu số 1-TCTW:

BÁO CÁO TĂNG GIẢM ĐẢNG VIÊN

Làm báo cáo 6 tháng đầu năm ghi: "*6 tháng đầu năm*" vào dòng (...) và ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20.....).

Làm báo cáo năm ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20.....), dòng (...) phía trên, bỏ trống.

Nội dung các cột trong biểu:

Cột 1: Thứ tự các chỉ tiêu cần thống kê và tổng hợp.

Cột 2: Thống kê số đảng viên tăng, giảm xảy ra trong kỳ báo cáo.

Cột 3: Lấy theo số liệu báo cáo cùng kỳ năm trước chuyển sang.

Cột 4: Chia tỷ lệ (%) cột 2 cho cột 3, theo từng chỉ tiêu, chú ý lấy 2 số thập phân.

Cách ghi các mục trong biểu:

Mục A: Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo

- Đảng viên trong danh sách là tổng số đảng viên đã thống kê được theo danh sách đảng viên và các tài liệu khác có liên quan do tổ chức cơ sở đảng quản lý.

- Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo: là số đảng viên có trong danh sách đến cuối kỳ báo cáo (kỳ trước liền kề) chuyển sang.

Mục B: Đảng viên tăng trong kỳ

1. *Kết nạp:* Là số đảng viên mới được kết nạp trong kỳ báo cáo.

2. *Chuyển đến:* Là số đảng viên ở các đảng bộ khác đã giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức chuyển đến đảng bộ, cụ thể:

a) Tỉnh ủy (và tương đương) khác chuyển đến: Thống kê số đảng viên được chuyển đến từ các đảng bộ tỉnh (và tương đương) khác.

b) Huyện ủy (và tương đương) khác trong tỉnh chuyển đến: Là số đảng viên được chuyển đến từ các đảng bộ nói trên trong phạm vi đảng bộ tỉnh (và tương đương).

3. *Phục hồi đảng tịch* (nếu có): Là số đảng viên trước đây đã bị tổ chức đảng khai trừ, xoá tên, nay được cấp ủy có thẩm quyền công nhận quyền đảng viên trong kỳ báo cáo.

Mục C: Đảng viên giảm trong kỳ

1. *Từ trần*: Là số đảng viên từ trần trong kỳ báo cáo.

2. *Khai trừ*: Là số đảng viên bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng trong kỳ báo cáo (theo Điều 35 - Điều lệ Đảng).

3. *Xoá tên*: Là số đảng viên dự bị, bị xoá tên khỏi danh sách đảng viên (theo Điều 5 - Điều lệ Đảng) và số đảng viên chính thức bị xoá tên (theo Điều 8 - Điều lệ Đảng) trong kỳ báo cáo.

4. *Xin ra khỏi Đảng*: Là số đảng viên tự nguyện làm đơn xin ra khỏi Đảng đã được cấp ủy có thẩm quyền quyết định cho ra khỏi Đảng (theo Điều 8 - Điều lệ Đảng).

5. *Chuyển đi*: Là số đảng viên được đảng bộ

giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức chuyển đi đảng bộ khác trong kỳ báo cáo, cụ thể:

a) Đi tỉnh ủy (và tương đương) khác: Là số đảng viên chuyển đi các đảng bộ tỉnh (và tương đương) khác.

b) Đi huyện ủy (và tương đương) khác trong tỉnh: Là số đảng viên chuyển đi các đảng bộ huyện (và tương đương) khác, trong cùng đảng bộ tỉnh (và tương đương).

Mục D: Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo

Là tổng số đảng viên của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo (ngày 31-12 năm báo cáo):

Được tính theo công thức: $D = A + B - C$

Trong đó: D là số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo.

A là số đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo.

B là số đảng viên tăng lên trong kỳ báo cáo.

C là số đảng viên giảm đi trong kỳ báo cáo.

Ở huyện ủy và tương đương:

Tính số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo:

$$D = A + B - C$$

Trong đó: Mục B (đảng viên tăng trong kỳ) = $1 + 2(a + b) + 3$

Mục C (đảng viên giảm trong kỳ) = $1 + 2 + 3 + 4 + 5 (a + b)$

Mục E và G: Ban tổ chức huyện ủy (và tương đương) không phải tổng hợp.

Ở tỉnh ủy và tương đương:

Tính số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo cũng thực hiện theo công thức: $D = A + B - C$

Trong đó, ***Mục A: Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo:*** Là tổng số mục A trong báo cáo của tất cả các đảng bộ huyện và tương đương trực thuộc đảng bộ. Đây cũng chính là số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo (mục D - báo cáo kỳ trước liên kê) chuyển sang.

Mục B: Đảng viên tăng trong kỳ

1. ***Kết nạp:*** Là tổng số đảng viên mới kết nạp của tất cả các đảng bộ trực thuộc đảng bộ tỉnh (và tương đương).

2. ***Chuyển đến:*** Ở tỉnh ủy (và tương đương), mọi trường hợp chuyển đến xảy ra trong phạm vi một đảng bộ tỉnh (và tương đương) thì chỉ tiêu 2(b): ***đảng viên từ đảng bộ huyện (và tương đương) khác trong tỉnh chuyển đến*** đều không làm ảnh hưởng tới tổng số đảng viên trong danh sách của toàn đảng bộ. Do vậy khi tỉnh ủy (và tương đương)

tổng hợp chỉ tiêu chuyển đến, chỉ cần xem xét đến chỉ tiêu 2a (đảng viên từ đảng bộ tỉnh và tương đương khác chuyển đến đảng bộ).

Riêng chỉ tiêu 2b (đảng viên từ đảng bộ huyện và tương đương khác trong tỉnh chuyển đến - do huyện ủy và tương đương báo cáo lên) sẽ dùng làm căn cứ để tính mục G (đảng viên có mặt cuối kỳ báo cáo).

3. Phục hồi đảng tịch: Là tổng số đảng viên được phục hồi đảng tịch của tất cả các huyện ủy (và tương đương) báo cáo lên.

Mục C: Đảng viên giảm trong kỳ

1. Các chỉ tiêu: từ trần, khai trừ, xóa tên, xin ra khỏi Đảng: Nội dung như đã hướng dẫn trong biểu tổng hợp tại huyện ủy (và tương đương). Ở tỉnh ủy (và tương đương) tiến hành tổng hợp chung theo báo cáo của các huyện ủy (và tương đương) trực thuộc báo cáo lên. Chú ý đảng viên bị khai trừ cần liên hệ với ủy ban kiểm tra các cấp ủy để thống nhất số liệu.

2. Chuyển đi: Ở cấp ủy tỉnh (và tương đương) tiến hành tổng hợp Biểu số 1-TCTW, thì chỉ tiêu: đảng viên chuyển đi đảng bộ huyện (và tương đương) khác trong tỉnh (chỉ tiêu 5b) không ảnh hưởng đến tổng số đảng viên trong danh sách của đảng bộ. Do vậy, khi tính mục D (đảng viên trong

danh sách có đến cuối kỳ báo cáo) chỉ xét đến chỉ tiêu 5a (đảng viên chuyển đi các đảng bộ tỉnh và tương đương khác trực thuộc Trung ương).

Riêng chỉ tiêu 5b (đảng viên chuyển đi đảng bộ huyện và tương đương khác trong đảng bộ trực thuộc Trung ương) do các huyện ủy (và tương đương) báo cáo lên sẽ được tổng hợp chung toàn đảng bộ trực thuộc Trung ương và lấy làm căn cứ để tính mục G (đảng viên có mặt cuối kỳ báo cáo).

Mục D: Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo

Ở cấp ủy trực thuộc Trung ương, chỉ tiêu "D" được tính:

"D" sẽ bằng " Σ " chỉ tiêu "D" của các đảng bộ huyện (và tương đương) trực thuộc tỉnh (và tương đương).

Mục E: Tính theo công thức: $E = 5b - 2b$.

Cụ thể:

- 5b là số đảng viên chuyển đi các đảng bộ huyện (và tương đương) khác trong nội bộ đảng bộ trực thuộc Trung ương.

- 2b là số đảng viên chuyển đến các đảng bộ huyện (và tương đương) khác trong nội bộ đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Mục E phản ánh số đảng viên đang trên đường làm thủ tục di chuyển từ nơi cũ đến nơi mới trong phạm vi một đảng bộ trực thuộc Trung ương quản lý, tại thời điểm làm báo cáo.

Mục G: Đảng viên có mặt đến cuối kỳ báo cáo

Ở cấp ủy trực thuộc Trung ương, mục G được tính theo công thức:

$$G = D + E$$

Trong đó: D và E đã được xác định như trên.

Ở cấp Trung ương:

Mục A: Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo

Là tổng số mục A trong báo cáo của cấp ủy trực thuộc Trung ương. Đó cũng là tổng số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo (mục D) của báo cáo kỳ trước liên kế chuyển sang.

Mục B: Đảng viên tăng trong kỳ

+ ***Kết nạp và phục hồi đảng tịch:*** Tổng hợp 2 chỉ tiêu này của các cấp ủy trực thuộc Trung ương sẽ phản ánh số đảng viên tăng trong kỳ báo cáo.

+ ***Chuyển đến:*** Ở góc độ tổng hợp chung toàn Đảng thì mọi biến động chuyển đến theo 2 chỉ tiêu (a, b) ghi trong biểu đều không làm ảnh hưởng đến tổng số đảng viên trong danh sách của toàn

Đảng. Do vậy, mục B (đảng viên tăng trong kỳ báo cáo) ở cấp Trung ương được tổng hợp:

$$B = 1 + 3 \text{ (không có chỉ tiêu 2 - chuyển đến)}$$

Mục C: Đảng viên giảm trong kỳ

+ *Từ trần, khai trừ, xóa tên, xin ra khỏi Đảng:*
Tổng hợp các chỉ tiêu này trong các báo cáo của cấp ủy trực thuộc Trung ương sẽ phản ánh số đảng viên giảm trong kỳ báo cáo.

+ *Chuyển đi:* Tất cả mọi trường hợp chuyển đi (theo 2 chỉ tiêu a, b ghi trong biểu) đều không làm ảnh hưởng đến tổng số đảng viên trong danh sách của toàn Đảng. Mục C ở cấp Trung ương sẽ được xác định theo cách tính:

$$C = 1 + 2 + 3 + 4 \text{ (không có chỉ tiêu 5 chuyển đi)}$$

Mục D: Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo

Ở Trung ương, mục này được tính: "D" sẽ bằng "Σ" mục "D" của các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Mục E = 5a - 2a (đảng viên chuyển đi đảng ủy trực thuộc Trung ương khác (5a) trừ đi đảng viên từ đảng ủy trực thuộc Trung ương khác chuyển đến (2a).

Mục E phản ánh số đảng viên tại thời điểm làm báo cáo, đang làm thủ tục di chuyển từ nơi cũ sang nơi mới trong phạm vi các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Mục G: Đảng viên có mặt đến cuối kỳ báo cáo

$$G = D + E$$

Trong đó D và E đã được xác định như trên.

Cần chú ý:

Khi tổng hợp Biểu số 1, những chỉ tiêu có liên quan tới các ban, ngành... khác, cần được đối chiếu, bàn bạc và thống nhất về số liệu trước khi đưa vào biểu tổng hợp chung của toàn đảng bộ từ cấp huyện, quận, thị ủy trở lên.

Biểu số 2-TCTW:

BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

.....

Năm 20.....

Báo cáo gồm 2 trang.

Trang 1: Phân tích số đảng viên mới kết nạp theo cơ cấu, độ tuổi, trình độ học vấn phổ thông, chuyên môn nghiệp vụ và số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo.

Trang 2: Phân tích đảng viên mới kết nạp chia theo dân tộc và trong các tôn giáo.

Làm báo cáo 6 tháng đầu năm ghi: "6 tháng đầu" vào dòng (...) và ghi năm làm báo cáo vào dòng (năm 20...).

Làm báo cáo cả năm, ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20...). Dòng (...) phía trên, để trống.

Cách ghi các mục trong biểu:

Trang 1:

I. Đảng viên mới kết nạp

Thống kê toàn bộ số đảng viên mới kết nạp trong kỳ báo cáo. Số liệu này phải thống nhất với số liệu kết nạp tại điểm 1, mục B - Biểu số 1-TCTW, cùng kỳ báo cáo.

Sau khi có tổng số đảng viên mới kết nạp, tiến hành phân tích tổng số theo một số chỉ tiêu: Đảng viên được kết nạp lại; phụ nữ; dân tộc thiểu số; tôn giáo; là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; cán bộ, công chức nhà nước; viên chức hoạt động sự nghiệp; viên chức; công nhân lao động trong các thành phần kinh tế; nông dân; sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an; sinh viên, học sinh.

Trường hợp đảng viên mới kết nạp, có tên dân tộc thiểu số hoặc tôn giáo không thích hợp với tên dân tộc và tôn giáo đã ghi trong biểu, thống kê vào dòng: *Dân tộc khác và tôn giáo khác*. Sau đó *ghi chú* cụ thể tên dân tộc, tôn giáo của đảng viên mới kết nạp đó xuống cuối biểu.

II. Phân tích đảng viên mới kết nạp

1. Tuổi đời: Đảng viên mới được kết nạp,

phân tích theo 4 nhóm tuổi khác nhau như đã ghi trong biểu, sau đó tính tuổi bình quân. Cách tính tuổi bình quân như sau:

- Tính trị số giữa cho từng nhóm tuổi, theo cách tính: Lấy (tuổi đầu nhóm + tuổi cuối nhóm) chia cho 2, cụ thể:

+ Nhóm tuổi đầu (18 đến 30 tuổi).

$$\text{Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là: } \frac{(18 + 30)}{2} = 24$$

Theo cách tính trên, trị số giữa của nhóm tuổi: 31-40 là 35,5 tuổi; 41-50 là 45,5 tuổi.

+ Nhóm cuối, 51 tuổi trở lên: quy ước tuổi cuối nhóm là 60, trị số giữa sẽ là 55,5 tuổi.

- Tuổi bình quân: Ký hiệu là \overline{X} được tính theo công thức:

$$\overline{X} = \frac{\sum x'f}{\sum f}$$

Trong đó: x' là trị số giữa của mỗi nhóm tuổi.

f là số đảng viên mới được kết nạp của mỗi nhóm tuổi.

Ví dụ: số đảng viên được kết nạp trong kỳ là 105 đồng chí.

Trong đó: + Độ tuổi từ 18-30, có 61 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 31-40, có 35 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 41-50, có 8 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 51 tuổi trở lên có 1 đồng chí.

$$\text{Áp dụng công thức } \overline{X} = \frac{\sum x'f}{\sum f}$$

Tuổi bình quân sẽ là:

$$X = \frac{(24 \times 61) + (35,5 \times 35) + (45,5 \times 8) + (55,5 \times 1)}{105}$$
$$= \frac{3126}{105} = 29,77 \text{ tuổi}$$

2. Trình độ học vấn phổ thông, gồm:

- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

- Tiểu học: Là số đảng viên đã học xong, hoặc còn đang học chương trình tiểu học. Tiểu học tính từ lớp 1 đến lớp 5 (hệ 12 năm); từ lớp 1 đến lớp 4 (hệ 10 năm).

- Trung học cơ sở: Là số đảng viên đã học xong hoặc còn đang học chương trình trung học cơ sở. Trung học sơ sở tính từ lớp 6 đến lớp 9 (hệ 12 năm); từ lớp 5 đến lớp 7 (hệ 10 năm).

- Trung học phổ thông: Là số đảng viên đã học xong hoặc còn đang học chương trình trung học phổ thông. Trung học phổ thông tính từ lớp 10 đến hết lớp 12 (hệ 12 năm); từ lớp 8 đến lớp 10 (hệ 10 năm).

Chú ý: Tổng cộng các trình độ học vấn phổ thông nêu trên phải bằng tổng số đảng viên mới kết nạp.

3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, gồm:

- *Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ*: Là số đảng viên đã có bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận đã tốt nghiệp các trường lớp dạy nghề hoặc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ dưới trình độ trung học chuyên nghiệp.

- *Trung học chuyên nghiệp*: Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp.

- *Trình độ cao đẳng*: Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp các trường đào tạo bậc cao đẳng.

- *Trình độ đại học*: Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp đào tạo bậc đại học.

- *Trình độ thạc sĩ*: Là số đảng viên có bằng thạc sĩ.

- *Trình độ tiến sĩ*: Là số đảng viên có bằng tiến sĩ.

- *Trình độ tiến sĩ khoa học*: Là số đảng viên có bằng tiến sĩ khoa học.

Tổng số đảng viên được phân tích theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ nêu trên sẽ bằng hoặc nhỏ hơn tổng số đảng viên mới được kết nạp.

Chú ý: Những đảng viên có nhiều bằng cấp (ví dụ vừa có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, vừa có bằng tốt nghiệp đại học), để khỏi thống kê trùng, chỉ thống kê bằng cấp cao nhất (ở ví dụ trên là "đại học").

III. Số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo

Được phân tích thành 2 phần: Số đơn vị chưa có

tổ chức cơ sở đảng và số đơn vị đã có tổ chức cơ sở đảng, nhằm theo dõi việc thực hiện Điều 10 Điều lệ Đảng "Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước".

Chú ý: Trong tổng số đơn vị cơ sở đã có tổ chức cơ sở đảng ghi cụ thể số đơn vị có tổ chức cơ sở đảng mà 100% cán bộ công chức đều là đảng viên (không có quần chúng) và số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên trong kỳ báo cáo.

Trang 2:

Đưa danh mục 54 dân tộc và dân tộc khác; 6 tôn giáo và tôn giáo khác vào biểu, để việc tổng hợp các dân tộc và tôn giáo trên máy tính được thống nhất.

Như vậy, toàn bộ đảng viên mới kết nạp, được phân tích theo 54 dân tộc và dân tộc khác, nên "đảng viên chia theo dân tộc" mục I trang 2 cũng là số "đảng viên mới kết nạp" (ghi ở mục I, cột 2, trang 1, Biểu số 2-TCTW) chuyển sang.

Biểu số 3-TCTW:

BÁO CÁO ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Có đến 31-12-20.....

Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo: Là tổng số đảng viên của mục D trong

Biểu số 1-TCTW (kỳ báo cáo cả năm) của huyện ủy và tương đương; tỉnh ủy và tương đương.

Tổng số đảng viên trên được phân tích theo một số chỉ tiêu: Đảng viên dự bị; phụ nữ; dân tộc thiểu số; tôn giáo; đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; quân nhân xuất ngũ; được miễn công tác, sinh hoạt đảng. Thống kê số đảng viên được miễn công tác, sinh hoạt đảng theo đúng quy định tại Điều 7 - Điều lệ Đảng.

Phân tích đội ngũ đảng viên:

1. Tuổi đời: Là số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo, được phân tích theo 5 nhóm tuổi như đã ghi trong biểu. Khi tổng hợp, các cấp ủy phải căn cứ vào hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên để tính tuổi cho từng đảng viên. Tuổi bình quân cũng được tính như hướng dẫn tại Biểu số 2-TCTW.

Chú ý: Nhóm tuổi từ 61 tuổi trở lên: Quy ước lấy độ tuổi cuối nhóm là 80. Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là: $(61 + 80) : 2 = 70,0$ tuổi.

2. Thời gian kết nạp vào Đảng: Được phân tích thành 4 khoảng thời gian, mỗi khoảng thời gian phản ánh một giai đoạn lịch sử nhất định của Đảng.

Khi thống kê, phải căn cứ vào ngày kết nạp của đảng viên ghi trong lý lịch đảng viên.

3. Đảng viên có đủ 30, 40, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90 năm tuổi đảng: Thống kê số đảng viên có đủ 30 năm hoặc 40, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90 năm tuổi đảng. Tuổi đảng của đảng viên được công nhận là đảng viên chính thức tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp (trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng theo quy định tại điểm 11.2 Quy định số 45-QĐ/TW).

4. Trình độ học vấn phổ thông (Xem giải thích ở Biểu số 2-TCTW).

5. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ (Xem giải thích ở Biểu số 2-TCTW).

6. Chức danh khoa học là số đảng viên được Nhà nước phong là phó giáo sư, giáo sư; nếu 1 đảng viên được phong cả 2 chức danh khoa học thì thống kê chức danh khoa học cao nhất.

7. Trình độ lý luận chính trị: Được phân tích ở 3 loại trình độ lý luận: sơ cấp; trung cấp và cao cấp, cử nhân. Tổng hợp số đảng viên đã được cấp bằng tốt nghiệp các bậc học theo quy định. Những đảng viên đã tốt nghiệp nhiều bằng cấp từ thấp đến cao thì thống kê theo bằng cấp cao nhất.

Chú ý: Biểu số 3-TCTW là một trong những biểu rất quan trọng trong hệ thống biểu báo cáo này. Do vậy, để bảo đảm chính xác, các cấp ủy đảng phải đối chiếu với lý lịch đảng viên và thực hiện việc cập nhật những thay đổi của đảng viên trên máy tính để theo dõi tổng hợp.

***Biểu số 4-TCTW: BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN CHIA
THEO DÂN TỘC VÀ TRONG CÁC TÔN GIÁO***

Có đến 31-12-20.....

Biểu này dùng để tổng hợp và phân tích
2 chỉ tiêu:

- Đảng viên có đến cuối kỳ báo cáo chia theo dân tộc: Là số liệu lấy từ mục "D" Biểu số 1-TCTW báo cáo năm chuyển vào.

- Đảng viên trong các tôn giáo.

Dân tộc: Được chia ra 54 dân tộc đã được Nhà nước công nhận, các dân tộc khác còn lại được ghi chung vào dòng: "*Dân tộc khác*" (56).

Quốc tịch gốc nước ngoài: Thống kê số đảng viên là người nước ngoài, đã nhập quốc tịch Việt Nam, sau đó ghi chú tên quốc tịch gốc của những đảng viên đó xuống cuối biểu.

Tôn giáo: Thống kê 6 tôn giáo chính được Nhà nước công nhận, các tôn giáo khác được tổng hợp chung vào dòng "*Tôn giáo khác*" (7).

Việc thống kê trong các tôn giáo, như sau:

- *Đạo Thiên chúa:* Những đảng viên đã "*Chịu phép rửa tội*" theo quy định của đạo Thiên chúa thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Phật:* Những đảng viên đã được "*Quy y tam bảo*" hoặc được cấp "*Sớ điệp*" theo quy định của đạo Phật thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Tin Lành*: Những đảng viên "*Chịu phép Báp têm*" theo quy định của đạo Tin Lành thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Cao Đài*: Những đảng viên đã được cấp "*Sớ cầu đạo*" theo quy định của đạo Cao Đài thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Hoà Hảo*: Những đảng viên đã được cấp "*Thẻ hội viên*", trong nhà có thờ Trần Điều hoặc ảnh giáo chủ Huỳnh Phú Sổ.

- *Đạo Hồi*: Những đảng viên khai là theo đạo Hồi Ixlam và đã làm lễ "*Xu Nát*" đối với nam, hay đã làm lễ "*Xuong tóc*" đối với nữ; hoặc khai là theo đạo Hồi BNi và trong nhà có thờ "*Thần lợn*" thì thống kê theo đạo này.

Ngoài ra, những đảng viên được tổ chức đảng phân công tham gia sinh hoạt trong giáo hội, cũng được thống kê theo tôn giáo tương ứng.

Đảng viên trong các tôn giáo (Mục II biểu này) phải bằng tổng số đảng viên trong các tôn giáo của Biểu số 3-TCTW cột 2.

Chú ý: Quá trình tổng hợp Biểu số 4-TCTW, các cấp ủy cần căn cứ vào lý lịch của đảng viên và trao đổi với các ngành có liên quan để thống nhất về tên các dân tộc thiểu số và tôn giáo có trong đảng bộ.

***Biểu số 5-TCTW: BÁO CÁO TỔ CHỨC CƠ SỞ
ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG CÁC LOẠI
CƠ SỞ***

Có đến 31-12-20.....

1. Xã: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở ở nông thôn nước ta hiện nay.

2. Phường: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở trực thuộc quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Thị trấn: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính trung tâm cấp cơ sở trực thuộc huyện.

4. Doanh nghiệp nhà nước: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất - kinh doanh do các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương như: Chính phủ, bộ, ngành, ủy ban nhân dân, sở... thành lập, đầu tư vốn và quản lý. Có 100% vốn hoặc chung vốn của các thành phần và tổ chức kinh tế khác, nhưng Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, gồm: các nhà máy, xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, công ty, tổng công ty; công, nông, lâm trường... có tư cách pháp nhân (hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản và con dấu riêng, được ký kết các hợp đồng kinh tế). Chia ra:

a) *Công nghiệp các loại:* Là số tổ chức cơ sở

đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất công nghiệp do các bộ, ngành địa phương trực tiếp quản lý và các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý.

b) Giao thông, vận tải, bưu điện: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở làm giao thông, vận tải, bưu điện (không kể các đơn vị sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương nghiệp trực thuộc ngành giao thông, vận tải, bưu điện).

c) Xây dựng: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở hoạt động xây dựng thuộc ngành xây dựng và các ngành, các địa phương quản lý (không kể các đơn vị sản xuất công nghiệp, giao thông, thương nghiệp thuộc ngành xây dựng).

d) Nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi.

e) Thương nghiệp, dịch vụ, du lịch: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở hoạt động thương nghiệp, dịch vụ, du lịch.

Tổng cộng số lượng từ a đến e, phải bằng tổng số ở chỉ tiêu 4 (doanh nghiệp nhà nước).

5. Doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh do các cơ quan

Nhà nước ở Trung ương và địa phương thành lập và quản lý có 100% vốn do các cổ đông (là cán bộ, công nhân, nhân viên của doanh nghiệp) góp vốn đầu tư và chỉ đạo doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, có đủ tư cách pháp nhân. Tổng số này cũng được phân tích theo 5 loại như ở doanh nghiệp Nhà nước (chỉ tiêu 4 biểu này).

6. Hợp tác xã, tổ hợp: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở làm kinh tế tập thể như hợp tác xã, tổ hợp sản xuất - kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ... có đủ tư cách pháp nhân.

Chú ý: Không thống kê vào mục này các hợp tác xã, tổ hợp... trực thuộc xã, phường, thị trấn.

7. Doanh nghiệp tư nhân: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp tư nhân của người Việt Nam có mức vốn theo pháp định; tư nhân đầu tư vốn và quản lý, đã được Nhà nước cấp phép đăng ký kinh doanh.

8. Công ty trách nhiệm hữu hạn: Là tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp do một thành viên hoặc từ 2 đến 50 thành viên (thành viên có thể là tổ chức hoặc cá nhân) góp vốn. Các doanh nghiệp này đã được Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh.

9. Công ty cổ phần tư nhân: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp do các thành viên góp vốn (tư nhân, tập thể, người nước ngoài). Các doanh nghiệp này đã đăng ký kinh doanh và được nhà nước cấp giấy phép kinh doanh.

10. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các công ty, xí nghiệp có 100% vốn, hoặc phần lớn vốn của người nước ngoài, do người nước ngoài làm chủ, đã được Nhà nước cấp giấy phép đăng ký kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài.

11. Cơ sở sự nghiệp: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở hoạt động sự nghiệp như: viện và trung tâm nghiên cứu khoa học; các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung học phổ thông; các cơ sở y tế như trung tâm y tế, bệnh viện, viện điều dưỡng; các đơn vị xuất bản, báo chí, văn học nghệ thuật; các cơ sở, đơn vị thuộc ngành thể dục thể thao... (không kể các trường, trạm, trại... thuộc xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý).

Chú ý: Khi tổng hợp ở các đơn vị doanh nghiệp nhà nước, công ty, tổng công ty, xí nghiệp, nhà máy lớn... nếu có các cơ sở hoạt động sự nghiệp như trên và được xác định là cấp cơ sở đều phải tách và thống kê riêng vào mục này.

Sau khi tổng hợp chung ở mục 11, tiến hành phân tích riêng một số loại hình:

- Viện, trung tâm nghiên cứu khoa học.
- Trường đại học, cao đẳng.
- Trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Trường trung học phổ thông.
- Bệnh viện.

Tổng số của 5 loại hình nêu trên, có thể bằng hoặc nhỏ hơn tổng số của chỉ tiêu 11 (cơ sở sự nghiệp).

12. Cơ quan hành chính: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở là cơ quan hành chính của Đảng, chính quyền, đoàn thể, tòa án, viện kiểm sát... ở 3 cấp (Trung ương; tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã).

13. Quân đội: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở thuộc hệ thống quân đội chính quy trực thuộc các cấp Trung ương; tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã.

14. Công an: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở của ngành công an trực thuộc các cấp Trung ương; tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã. Không kể các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, cơ sở doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trong ngành công an và đơn vị công an trực thuộc cấp xã, phường, thị trấn.

15. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước: Là tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở ở ngoài nước, trực thuộc Đảng ủy Ngoài nước.

16. Cơ sở khác: Là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở chưa thống kê vào 15 loại cơ sở trên, tổng hợp vào mục 16 (cơ sở khác). Phần cuối biểu ghi chú rõ những tên đơn vị cơ sở đó.

Cộng (1 + ... + 16) phản ánh toàn bộ số đảng viên và tổ chức cơ sở đảng của đảng bộ. Tổng số đảng viên ở biểu này phải thống nhất với tổng số đảng viên có trong danh sách đến cuối kỳ báo cáo của Biểu số 1-TCTW (mục D). Tổng số tổ chức cơ sở đảng trong biểu này phải bằng số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối kỳ báo cáo (mục III - Biểu số 2-TCTW).

Chú ý:

1. Tổng số đảng viên ở mỗi loại hình cơ sở (cột 10), bao gồm tất cả đảng viên làm các ngành, nghề khác nhau cùng sinh hoạt trong một đảng bộ cơ sở.

Ví dụ: Ở xã, bao gồm đảng viên làm nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, sự nghiệp, cán bộ hưu trí...; ở các doanh nghiệp, bao gồm cả đảng viên làm công tác quản lý, gián tiếp, đảng viên là công nhân lao động trực tiếp sản xuất.

2. Mỗi loại hình cơ sở đảng đều thống kê đầy đủ các cột đã ghi trong biểu, trong đó:

- Cột 2: Tổng số đơn vị cơ sở.

- Cột 3: Tổng số đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng, được thống kê như sau: sau khi có được tổng số đơn vị cơ sở (cột 2) tiến hành phân tích: Trong tổng số đơn vị cơ sở đó, có bao nhiêu đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng: thống kê vào cột

3. Chỉ tiêu này phải thống nhất với chỉ tiêu III (1) trong Biểu số 2-TCTW - báo cáo đảng viên mới kết nạp (báo cáo năm).

- Cột 4: Từ tổng số đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng vừa tổng hợp, tiếp tục phân tích: trong đó có bao nhiêu đơn vị cơ sở đã có đảng viên để thống kê vào cột 4 (trong đó số đơn vị cơ sở đã có đảng viên).

Đây là số đơn vị cơ sở đã có đảng viên, nhưng chưa có tổ chức cơ sở đảng, vì số đảng viên có nhưng chưa đủ để thành lập tổ chức đảng.

***Biểu số 6-TCTW: BÁO CÁO PHÂN TÍCH
ĐẢNG VIÊN THEO NGHỀ NGHIỆP VÀ
CÔNG TÁC***

Có đến 31-12-20.....

Mục "Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo": Là số đảng viên trong danh sách của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo, số liệu này bằng tổng số đảng viên ở mục D của Biểu số 1-TCTW nêu trên và phân tích theo hai mục dưới đây:

I. Đảng viên đang làm việc và công tác:

Là số đảng viên đang làm việc và công tác của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo, số liệu này được phân tích theo 15 tiêu chí (từ 1 đến 15):

1. Cán bộ đảng chuyên trách: Là số đảng viên của đảng bộ đang làm cán bộ đảng chuyên trách từ Trung ương đến địa phương, do ngân sách của Đảng trả lương và số đảng viên làm cán bộ đảng chuyên trách trong các doanh nghiệp do doanh nghiệp trả lương.

2. Cán bộ các đoàn thể chuyên trách: Là số đảng viên của đảng bộ làm cán bộ chuyên trách các đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, do ngân sách của các đoàn thể trả lương và số đảng viên làm cán bộ đoàn thể chuyên trách ở các doanh nghiệp do doanh nghiệp trả lương.

Riêng số đảng viên là công nhân các nghề như: lái xe, thợ điện, nước..., công nhân viên phục vụ cơ quan trong các cơ quan đảng, đoàn thể không thống kê vào hai chỉ tiêu 1 và 2 nêu trên, mà đưa vào chỉ tiêu số 8 (*công nhân, nhân viên phục vụ cơ quan*).

3. Cán bộ dân cử (bầu cử): Là số đảng viên của đảng bộ được hội đồng nhân dân các cấp bầu theo Luật bầu cử, được Nhà nước trả lương.

4. Cán bộ công chức nhà nước: Là số đảng viên của đảng bộ làm công chức nhà nước được tuyển dụng và bổ nhiệm theo Nghị định số 169/HĐBT ban hành ngày 25-5-1991 về công chức nhà nước, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước (không tính số cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đã thống kê ở chỉ tiêu số 13 dưới đây).

Riêng số đảng viên hoạt động trong các ngành sự nghiệp như: giáo dục, y tế, hoạt động khoa học, phóng viên báo chí, phát thanh truyền hình, văn nghệ sĩ, thể dục thể thao... trong các tổ chức nhà nước, không thống kê vào chỉ tiêu này mà được thống kê vào chỉ tiêu 5 (*cán bộ hoạt động sự nghiệp*).

5. Cán bộ hoạt động sự nghiệp: Đảng viên của đảng bộ là cán bộ, nhân viên làm việc trong các trường học, trung tâm y tế, bệnh viện, cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ quan xuất bản, báo chí (cả biên tập và phát hành), cơ quan phát thanh truyền hình, các đoàn nghệ thuật, nhà hát, rạp xiếc..., các trung tâm thể dục thể thao... (cả trong và ngoài biên chế nhà nước).

6. Cán bộ quản lý, cán bộ gián tiếp trong các doanh nghiệp: Đảng viên của đảng bộ là cán bộ quản lý các doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa, hợp tác xã, các loại doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (như các thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc; giám đốc, phó giám đốc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã; trưởng, phó phòng, quản đốc, phó quản đốc phân xưởng... đảng viên là cán bộ, nhân viên ở các phòng ban như: tổ chức, kế hoạch, kỹ thuật, tài vụ, vật tư, điều độ...).

7. Công nhân, lao động trong các thành phần kinh tế: Là số đảng viên của đảng bộ là công nhân và lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh ở tất cả các thành phần kinh tế (không kể cán bộ quản lý, cán bộ gián tiếp đã thống kê ở chỉ tiêu 6 nêu trên), số liệu này được phân tích theo các yếu tố (a, b, c, d, đ, e, g) sau đây:

a) *Doanh nghiệp nhà nước:* Là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp nhà nước (kể cả những doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý trực tiếp).

b) *Doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước:* Là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước.

c) *Hợp tác xã, tổ hợp tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ:* Là số đảng viên làm xã viên trong các đơn vị cơ sở kinh tế tập thể như hợp tác xã, tổ hợp (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của hợp tác xã, tổ hợp và đảng viên làm việc tại hợp tác xã và tổ hợp, nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

d) *Doanh nghiệp tư nhân:* Là số đảng viên làm công nhân lao động trong các doanh nghiệp tư nhân (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của doanh nghiệp tư nhân và đảng viên làm việc tại doanh nghiệp tư nhân, nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

đ) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân: Là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của công ty và đảng viên làm việc tại công ty nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

e) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của doanh nghiệp và đảng viên làm việc tại doanh nghiệp nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

g) Lao động cá thể, tiểu thương: Là số đảng viên lao động cá thể, tiểu thương chủ yếu sinh hoạt trong các xã, phường, thị trấn...

8. Công nhân viên phục vụ trong cơ quan: Đảng viên là công nhân, nhân viên phục vụ trong các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể từ cấp huyện trở lên như: lái xe, thợ điện, nước, nhân viên đánh máy, lao công tạp vụ...

9. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi: Là số đảng viên của đảng bộ lao động trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi, hưởng thu nhập chủ yếu bằng nghề đó (không tính số đảng viên đang sinh hoạt ở xã, phường,

đang lao động trong các ngành nghề được thống kê ở chỉ tiêu số 10; là cán bộ chuyên trách hưởng chế độ phụ cấp theo định suất ở các xã, phường... thống kê ở chỉ tiêu số 13; số đảng viên đã nghỉ làm việc và công tác thống kê ở Mục II dưới đây; số đảng viên đang sinh hoạt chi bộ của xã, phường... nhưng làm trong lĩnh vực sự nghiệp đã thống kê ở chỉ tiêu số 5; đang làm việc trong các thành phần kinh tế đã thống kê ở chỉ tiêu số 7 nêu trên). Số liệu này được phân tích qua 4 yếu tố (a, b, c, d) sau đây:

a) *Nông nghiệp*: Là số đảng viên làm nông nghiệp và sống chính bằng nghề nông nghiệp.

b) *Lâm nghiệp*: Là số đảng viên làm lâm nghiệp và sống chính bằng nghề lâm nghiệp.

c) *Ngư nghiệp*: Là số đảng viên làm ngư nghiệp và sống chính bằng nghề ngư nghiệp.

d) *Thủy lợi*: Là số đảng viên làm thủy lợi và sống chính bằng nghề thủy lợi.

10. Lao động trong các tổ chức xã hội nghề nghiệp: Là số đảng viên của đảng bộ lao động trong các tổ chức xã hội nghề nghiệp như: Hội làm vườn, Hội nuôi ong...

11. Sĩ quan, chiến sĩ quân đội: Là số đảng viên của đảng bộ là sĩ quan, chiến sĩ trong quân đội kể cả bộ đội biên phòng (không tính số công nhân quốc phòng đã thống kê ở chỉ tiêu 7a

nêu trên và chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn).

12. Sĩ quan, chiến sĩ công an: Là số đảng viên của đảng bộ là sĩ quan, chiến sĩ trong ngành công an từ cấp cơ sở trở lên, hưởng lương từ ngân sách nhà nước (không tính số trưởng công an xã, phường, thị trấn).

13. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn: Là số đảng viên của đảng bộ làm cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22-10-2009 của Chính phủ.

14. Học sinh, sinh viên chuyên nghiệp: Là số đảng viên của đảng bộ là học sinh, sinh viên đang học tập, tập trung dài hạn ở các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, sinh hoạt tại các đảng bộ, chi bộ nhà trường.

15. Lao động các nghề khác: Là đảng viên của đảng bộ còn lại, không phân tích vào những nghề nghiệp và công tác ở 14 chỉ tiêu nêu trên.

II. Đảng viên đã nghỉ làm việc, công tác:
Là số đảng viên của đảng bộ đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức; được miễn sinh hoạt và công tác; nghỉ làm việc, công tác, số liệu này được phân tích theo 3 chỉ tiêu (1, 2, 3) dưới đây:

1. Đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức theo chế độ:
Là số đảng viên của đảng bộ đã được nghỉ hưu,

nghỉ mất sức, theo chế độ nhà nước quy định. Đối tượng này nếu lại tiếp tục làm việc và công tác thì thống kê vào các lĩnh vực hoạt động tương ứng đã nêu trên, không thống kê ở chỉ tiêu này.

2. Được miễn sinh hoạt đảng và công tác:

Là số đảng viên của đảng bộ do tuổi già, sức yếu hoặc do hoàn cảnh khác, đã được chỉ bộ, đảng bộ cơ sở cho miễn sinh hoạt và công tác theo Điều 7 Điều lệ Đảng.

3. Nghỉ làm việc, công tác: Là số đảng viên làm nội trợ cho gia đình; mất khả năng lao động, không làm việc gì do điều kiện sức khỏe; không có nhu cầu làm việc.

Chú ý:

- Tất cả các chỉ tiêu đều được thống kê trong năm báo cáo, có so sánh và tính tỷ lệ với năm trước.

- Các chỉ tiêu 7, 8, 9, 10, 13, 15 đều tách riêng số đảng viên đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức.

- Đảng viên đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức của đảng bộ sẽ là tổng số của Mục II (1) cộng với các chỉ tiêu số 7, 8, 9, 10, 13, 15 Mục I biểu này.

**Biểu 7a, 7b-TCTW: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN**

Thực hiện Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW của

Ban Tổ chức Trung ương ngày 11-10-2011 về "Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên", cấp ủy huyện (và tương đương), cấp ủy trực thuộc Trung ương tiến hành thống kê tổng hợp và báo cáo lên cấp ủy cấp trên về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, sau khi kết thúc năm báo cáo.

Nội dung báo cáo như sau:

***Biểu 7a-TCTW: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG TCCS ĐẢNG
Năm 20.....***

A. Số TCCS đảng có đến cuối năm: Số liệu này thống nhất với số liệu trong cột 5, Biểu số 5-TCTW nêu trên.

1. Thống kê số tổ chức cơ sở đảng đã được đánh giá chất lượng.

Từ tổng số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng, phân tích kết quả đánh giá thành 4 mức theo nội dung khoản 4 (phần B) Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11-10-2011 của Ban Tổ chức Trung ương như sau:

a) Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh: Là tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy cấp trên trực tiếp xét, quyết định xếp loại này. Trong đó: trong sạch, vững mạnh tiêu biểu là tổ chức cơ sở đảng

được lựa chọn không quá 20% trong tổng số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh để đề nghị khen thưởng theo quy định.

b) Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ: Là số tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy cấp trên trực tiếp xét, quyết định xếp loại này.

c) Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ: Là số tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy cấp trên trực tiếp xét, quyết định xếp loại này.

d) Tổ chức cơ sở đảng yếu kém: Là số tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy trực tiếp xếp loại này.

2. Thống kê số tổ chức cơ sở đảng chưa được đánh giá chất lượng.

B. Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở: số liệu này thống nhất với số liệu trong cột 9 Biểu số 5-TCTW nêu trên.

Trong số chi bộ trực thuộc được đánh giá chất lượng: Kết quả đánh giá được đảng ủy cơ sở xét, quyết định xếp thành 4 mức.

a) Trong sạch, vững mạnh (trong đó, lựa chọn không quá 20% chi bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu để đề nghị khen thưởng theo quy định).

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Hoàn thành nhiệm vụ.

d) Yếu kém.

Chú ý: Tổng số tổ chức cơ sở đảng và chi bộ được đánh giá theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng từ

cột 4 đến cột 14 trong biểu, tổng số của các cột trên bằng số lượng ghi ở cột 2.

Biểu 7b-TCTW: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN
Năm 20.....

Đảng viên có đến thời điểm đánh giá chất lượng là số liệu mục "D" Biểu số 1-TCTW cộng thêm số đảng viên ở đảng bộ khác chuyển đến sinh hoạt tạm thời (nếu có).

Tổng số đảng viên trên được phân tích:

1. Đảng viên được miễn đánh giá chất lượng:
Là tổng số của số đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng và số đảng viên chuyển sinh hoạt tạm thời đến đảng bộ khác (nếu có).

2. Đảng viên chưa được đánh giá chất lượng: Là những đảng viên thuộc diện đánh giá nhưng tới thời điểm đánh giá chất lượng không có mặt để đánh giá vì những lý do như: đi công tác, hoặc đi học tập, đi làm xa, ốm đau phải điều trị...

3. Đảng viên đã được đánh giá chất lượng:

Từ tổng số đảng viên được đánh giá chất lượng, tổng hợp kết quả đánh giá thành 4 mức theo nội dung tại Mục II, Phần B, Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11-10-2011 của Ban Tổ chức Trung ương, như sau:

A. Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Là số đảng viên được cấp ủy cơ sở xét, quyết định xếp loại này.

Số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 15% tổng số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ và đề nghị cấp trên khen thưởng,

B. Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ: Là số đảng viên được cấp ủy cơ sở xét, quyết định xếp loại này.

C. Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ: Là số đảng viên được cấp ủy cơ sở xét, quyết định xếp loại này.

Trong đó: **Đủ tư cách** nhưng có mặt còn hạn chế, được phân tích theo những hạn chế sau:

- 1) Chưa tận tụy với công việc...
- 2) Còn khuyết điểm trong công tác, sinh hoạt đảng...
- 3) Là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy... chưa hoàn thành nhiệm vụ.

D. Đảng viên vi phạm tư cách hoặc không hoàn thành nhiệm vụ: Là số đảng viên được cấp ủy cơ sở xét, quyết định xếp loại này. Số đảng viên này được phân tích như sau:

- 1) Bị thi hành kỷ luật của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong năm.

2) Cơ quan quản lý; chi bộ đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

3) Không chấp hành sự phân công, gây mất đoàn kết.

4) Qua kiểm điểm, phát hiện thấy vi phạm tư cách đảng viên.

Chú ý: Tổng số đảng viên được đánh giá theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng từ cột 4 đến cột 14 trong biểu, tổng số các cột nêu trên bằng số lượng ghi ở (cột 2).

Biểu số 8-TCTW:

BÁO CÁO KHEN THƯỞNG ĐẢNG VIÊN

Năm 20.....

I. Các danh hiệu: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích, công lao bảo vệ và xây dựng đất nước đã được Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý, số liệu trên được phân tích theo các chỉ tiêu (1, 2, 3, 4, 5, 6) dưới đây:

1. Danh hiệu anh hùng: Là số đảng viên của đảng bộ được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng các loại, số liệu này được phân tích theo 3 danh hiệu (a, b, c) sau đây:

a) *Anh hùng Lực lượng vũ trang:* Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích trong chiến đấu,

phục vụ chiến đấu được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

b) Anh hùng Lao động: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích trong lao động sản xuất xây dựng đất nước, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

c) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Đảng viên của đảng bộ là những phụ nữ Việt Nam có con, có chồng hy sinh trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

2. Cán bộ lão thành cách mạng và cán bộ tiền khởi nghĩa: Là số đảng viên của đảng bộ đã có công lao hoạt động cách mạng trước ngày 19-8-1945 được Đảng và Nhà nước công nhận.

a) Cán bộ lão thành cách mạng: Là số đảng viên hoạt động cách mạng từ trước ngày 01-01-1945.

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa: Là số đảng viên hoạt động cách mạng từ ngày 01-01-1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa 19-8-1945.

3. Nghệ sĩ nhân dân: Là số đảng viên của đảng bộ đã có nhiều đóng góp vào nền nghệ thuật quốc gia, được Nhà nước phong tặng Nghệ sĩ nhân dân.

4. Nhà giáo nhân dân: Là số đảng viên của đảng bộ đã có nhiều đóng góp vào nền giáo dục

quốc gia, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân.

5. *Thầy thuốc nhân dân:* Là số đảng viên của đảng bộ, đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, được nhà nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân.

6. *Gia đình có công với cách mạng:* Là số đảng viên của đảng bộ mà bản thân hoặc người thân trong gia đình (ông, bà, bố mẹ, vợ hoặc chồng...) đã có công nuôi, giấu cán bộ hoạt động cách mạng hoặc cơ sở hội họp của tổ chức cách mạng trong thời kỳ chống kẻ thù xâm lược đất nước, được Nhà nước công nhận Gia đình có công với cách mạng.

7. *Gia đình liệt sĩ:* Là số đảng viên của đảng bộ có người thân (ông, bà, bố, mẹ, con, vợ hoặc chồng, anh, chị em ruột) hy sinh trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh và an toàn xã hội, được Nhà nước phong tặng là Gia đình liệt sĩ.

II. *Được khen thưởng:* Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương các loại, số hiệu này được phân tích theo 4 mức (a, b, c, d) dưới đây:

1. *Huân chương các loại*

a) *Huân chương bậc cao:* Là số đảng viên của đảng bộ có nhiều thành tích xuất sắc được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương bậc cao

gồm: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Lao động theo các hạng (nhất, nhì, ba).

b) Huân chương Kháng chiến: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến các hạng (nhất, nhì, ba).

c) Huân chương Chiến công: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc trong một chiến dịch, một mặt trận hoặc một trận đánh, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

d) Huân chương Chiến sĩ vẻ vang: Là số đảng viên trong đảng bộ có thành tích tốt trong quá trình công tác, phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Huy chương các loại: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huy chương các loại theo các hạng (nhất, nhì, ba).

3. Huy hiệu Đảng các loại: Là số đảng viên của đảng bộ có quá trình hoạt động lâu năm trong tổ chức của Đảng, được Đảng Cộng sản Việt Nam tặng thưởng Huy hiệu Đảng các loại, số liệu này được phân tích theo 11 mức sau đây:

+ *Huy hiệu 90 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 90 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 90 năm.

+ *Huy hiệu 85 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 85 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 85 năm.

+ *Huy hiệu 80 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 80 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 80 năm.

+ *Huy hiệu 75 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 75 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 75 năm.

+ *Huy hiệu 70 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 70 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 70 năm.

+ *Huy hiệu 65 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 65 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 65 năm.

+ *Huy hiệu 60 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 60 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 60 năm.

+ *Huy hiệu 55 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 55 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 55 năm.

+ *Huy hiệu 50 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 50 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 50 năm.

+ *Huy hiệu 40 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có 40 năm tuổi đảng được tặng Huy hiệu 40 năm.

+ *Huy hiệu 30 năm*: Là số đảng viên của đảng bộ có đủ 30 năm tuổi đảng, được tặng Huy hiệu 30 năm.

4. Bằng khen: Là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc được Đảng, Nhà nước, các tổ chức quần chúng tặng Bằng khen.

5. Các hình thức khen thưởng khác: Gồm giấy khen các loại, kỷ niệm chương.

***Biểu số 9-TCTW: BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN BỊ
XỬ LÝ KỶ LUẬT VÀ ĐẢNG VIÊN
RA KHỎI ĐẢNG
Năm 20.....***

Từ cấp huyện ủy (và tương đương) trở lên, tiến hành tổng hợp Biểu số 9-TCTW trong đảng bộ. Khi tổng hợp, các đảng bộ cần trao đổi thống nhất về số liệu với ủy ban kiểm tra cùng cấp trước khi ghi vào biểu. Cụ thể:

Mục A: Đảng viên bị xử lý kỷ luật.

Tiến hành phân tích chỉ tiêu này theo những nội dung:

1. Bốn hình thức kỷ luật

Khi phân tích đảng viên vi phạm theo 4 hình thức kỷ luật, cần chú ý:

- Hình thức khai trừ: Tổng số đảng viên ghi ở đây phải bằng số đảng viên bị khai trừ đã thống kê ở Biểu 1-TCTW, Mục C (2) kỳ báo cáo năm.

- Tổng số của 4 hình thức kỷ luật: Phải bằng tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật (Mục A nói trên).

2. Nội dung vi phạm

Phân tích đảng viên vi phạm kỷ luật theo nội dung vi phạm: Tổng số của 6 nội dung vi phạm phải bằng tổng số đảng viên vi phạm kỷ luật.

3. Cấp ủy viên vi phạm

Phân tích riêng số đảng viên là cấp ủy viên bị

xử lý kỷ luật trong tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật nói chung. Trong số đảng viên là cấp ủy viên bị kỷ luật lại phân tích theo cấp ủy viên các cấp như ghi trong biểu.

4. Đảng viên bị xử lý theo pháp luật

Phân tích riêng số đảng viên bị xử lý theo pháp luật trong tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật nói chung. Số này được phân tích theo 3 mức: tù giam, tù án treo và cảnh cáo trước pháp luật.

Mục B: Tổng số đảng viên ra khỏi Đảng

Đảng viên ra khỏi Đảng là những người tính đến thời điểm báo cáo không còn đảng số của đảng bộ. "Đảng viên ra khỏi Đảng" là chỉ tiêu tổng hợp của 3 đối tượng:

- Đảng viên bị khai trừ: Đảng viên bị khai trừ ghi ở đây phải thống nhất với số đảng viên bị khai trừ ghi ở điểm 1, Mục A tại báo cáo này.

- Đảng viên bị xoá tên.

- Đảng viên xin ra khỏi Đảng.

Số đảng viên bị xoá tên và đảng viên xin ra khỏi Đảng: Phải bằng số liệu đảng viên bị xoá tên và đảng viên xin ra khỏi Đảng ở Biểu số 1-TCTW (báo cáo năm).

Trong số đảng viên xin ra khỏi Đảng, tách riêng số người xin giấy xác nhận tuổi Đảng, ghi vào dòng cuối biểu báo cáo.

***Biểu số 10-TCTW: BÁO CÁO VỀ NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN***

Năm 20.....

Biểu này dùng cho ban tổ chức của cấp ủy huyện (và tương đương), cấp ủy trực thuộc Trung ương thống kê và báo cáo ban tổ chức cấp ủy cấp trên (định kỳ một năm một lần).

Chú ý:

- Những chỉ tiêu có thêm cụm từ "*trong năm*":
Thống kê số liệu thực hiện được trong năm báo cáo.

- Những chỉ tiêu khác còn lại: Thống kê số thực tế, có đến thời điểm báo cáo.

***Biểu số 11-TCTW: BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SỬ DỤNG TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN
QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN***

Năm 20.....

Biểu này dùng cho ban tổ chức của cấp ủy huyện (và tương đương), cấp ủy trực thuộc Trung ương thống kê và báo cáo ban tổ chức của cấp ủy cấp trên (định kỳ năm một lần).

Chú ý: Các phương tiện làm thẻ đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương chỉ cấp lần đầu cho các huyện ủy (và tương đương) trở lên (kể cả số mới

được thành lập sau này); trong quá trình sử dụng cần thay thế, sửa chữa thì liên hệ trực tiếp với nơi sản xuất và kinh phí do các đảng bộ chi.

2. Báo cáo cán bộ chủ chốt và bầu cử cấp ủy:

Gồm 6 biểu: Biểu số 12A-TCTW, 12B-TCTW, 12C-TCTW, 12D-TCTW, 12E-TCTW, 12G-TCTW.

Sáu biểu này nhằm tổng hợp một số chức danh cán bộ chủ chốt ở Trung ương; ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương, các đảng bộ huyện hoặc tương đương và cơ sở. Đồng thời phân tích tình hình cấp ủy viên các cấp.

Biểu số 12A-TCTW: BÁO CÁO MỘT SỐ CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT Ở TRUNG ƯƠNG

Do các đảng ủy khối, ban, ngành, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương thực hiện, để thống kê và báo cáo Trung ương tổng hợp một số chức danh cán bộ chủ chốt sau:

- a) Trưởng, phó các ban đảng và tương đương.
- b) Bộ, thủ trưởng và tương đương.
- c) Trưởng, phó các cục, vụ, viện và tương đương.
- d) Trong các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Trung ương quản lý, báo cáo các chức danh:

+ Cán bộ chủ chốt làm công tác đảng: Bí thư đảng uỷ.

+ Cán bộ chủ chốt làm công tác chính quyền, bao gồm chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc.

Sau khi có tổng số cán bộ theo các chức danh nói trên, tiến hành phân tích theo một số chỉ tiêu về: đảng viên, phụ nữ, dân tộc ít người, thành phần xuất thân là công nhân, nghỉ hưu trong năm.

Phân tích tổng số theo:

- Thời gian kết nạp vào Đảng.
- Tuổi đời.
- Trình độ học vấn phổ thông.
- Trình độ chuyên môn kỹ thuật.
- Chức danh khoa học.
- Trình độ lý luận chính trị.
- Trình độ quản lý.

Phân tích số cán bộ chủ chốt bị xử lý kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước trong năm.

Biểu số 12B-TCTW: BÁO CÁO MỘT SỐ CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

Do các cấp uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện, để thống kê một số cán bộ chủ chốt sau:

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

- Bí thư, phó bí thư.
- Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân.
- Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân.
- Trưởng, phó các ban đảng, đoàn thể.
- Giám đốc, phó giám đốc các sở, ngành.
- Giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc tỉnh, thành phố.
- Bí thư đảng ủy các doanh nghiệp trực thuộc tỉnh, thành phố.

Sau khi có tổng số cán bộ theo các chức danh nói trên, tiến hành phân tích một số chỉ tiêu như Biểu số 12A-TCTW nêu trên.

Biểu số 12C-TCTW: BÁO CÁO MỘT SỐ CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ

Do cấp ủy huyện (và tương đương) thực hiện, để thống kê một số cán bộ chủ chốt sau:

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ.
- Bí thư, phó bí thư.
- Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân.
- Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân.

Sau khi có tổng số cán bộ theo các chức danh nói trên, tiến hành phân tích một số chỉ tiêu như Biểu số 12A, 12B-TCTW nêu trên.

***Biểu số 12D-TCTW: BÁO CÁO MỘT SỐ CHỨC
DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN***

Do cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn thực hiện,
để thống kê một số cán bộ chủ chốt sau:

- *Bí thư, phó bí thư.*
- *Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân.*
- *Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân*

Sau khi có tổng số cán bộ theo các chức danh
nói trên, tiến hành phân tích một số chỉ tiêu như
Biểu số 12A, 12B và 12C-TCTW nêu trên.

***Biểu số 12E-TCTW: BÁO CÁO BẦU CỬ
CẤP ỦY CƠ SỞ....***

Nhiệm kỳ.....

Biểu dùng cho huyện ủy (và tương đương) tổng
hợp kết quả bầu cử cấp ủy cơ sở, theo từng loại cấp
ủy như sau:

1. Cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn.
2. Cấp ủy cơ sở các loại hình doanh nghiệp.
3. Cấp ủy cơ sở cơ quan hành chính.
4. Cấp ủy cơ sở sự nghiệp.
5. Cấp ủy cơ sở trong lực lượng vũ trang (Quân
đội và Công an).

Nếu đại hội ở cấp cơ sở không tiến hành trong

cùng một thời điểm, thì phải thống kê làm nhiều lần. Vì vậy trong phần "**chú ý**" Mục C cuối trang 1 của Biểu số 12E-TCTW cần ghi rõ số liệu có đến thời điểm từng lần báo cáo.

Quá trình tổng hợp Biểu số 12E-TCTW được chia làm 2 phần:

Phần I: Cấp ủy khoá trước không tham gia khoá này

Phân tích cho cả 3 đối tượng: cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư.

1. Tổng số: Là tổng số cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và bí thư thuộc cấp ủy khoá trước không tham gia khoá này. Sau đó tiến hành phân tích một số chỉ tiêu: được giới thiệu tái cử khoá này, nhưng không trúng cử; nữ; dân tộc ít người; trực tiếp sản xuất; cán bộ hưu trí; thủ trưởng đơn vị; chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; bí thư chi bộ trong tổng số cấp ủy viên đã tổng hợp.

Chú ý: Số cấp ủy viên được giới thiệu tái cử cấp ủy khoá này nhưng không trúng cử cũng được tổng hợp vào phần: cấp ủy khoá trước không tham gia khoá này, nhưng phân tích riêng như đã hướng dẫn nêu trên.

2. Phân tích tổng số cấp ủy viên khoá trước không tham gia khoá này, theo 5 lý do:

- *Bị xử lý kỷ luật đảng, hành chính, pháp luật:*
Thống kê số cấp ủy viên bị kỷ luật theo những nội

dung vi phạm khác nhau như: tham nhũng, vi phạm nguyên tắc tổ chức kỷ luật, vi phạm pháp luật Nhà nước, vi phạm đạo đức cách mạng.

- *Năng lực yếu*: Thống kê số cấp ủy viên do trình độ kém, năng lực yếu, không đảm đương được nhiệm vụ của tổ chức giao phó.

- *Tín nhiệm thấp*: Thống kê cấp ủy viên do có nhiều dư luận tiêu cực, hoặc có đơn thư tố cáo, nhưng chưa được xem xét, kết luận và xử lý.

Số đưa vào danh sách bầu cử cấp ủy khoá này nhưng không trúng cử cần được phân tích rõ lý do để tổng hợp vào "*năng lực yếu*" hay "*tín nhiệm thấp*" hoặc lý do khác cho phù hợp.

- *Tuổi cao, sức yếu*: Thống kê số cấp ủy viên không tham gia khoá này vì tuổi cao, sức khoẻ yếu, ốm đau, bệnh tật hoặc chuẩn bị nghỉ hưu.

- *Lý do khác*: Thống kê cấp ủy viên không tham gia khoá này vì bị chết, hoặc điều chuyển làm công tác khác.

Tổng số của 5 lý do trên, bằng số cấp ủy viên khoá trước không tham gia khoá này (dòng tổng số - đầu biểu) theo từng đối tượng: cấp ủy viên; ủy viên ban thường vụ, bí thư.

Phần II: So sánh cấp ủy khoá trước với cấp ủy khoá này

1. Đối tượng so sánh

+ Cấp ủy viên.

+ Ủy viên ban thường vụ.

+ Bí thư.

2. Nội dung so sánh: Theo danh mục các chỉ tiêu đã ghi trong biểu.

3. Hướng dẫn cách ghi một số chỉ tiêu

a) *Thành phần xuất thân công nhân:* Những đồng chí đã trực tiếp làm công nhân sản xuất có thời gian từ 3 năm trở lên.

b) *Cách tính tuổi bình quân:* Xem hướng dẫn tại Biểu số 2-TCTW.

4. Khi tổng hợp cấp ủy viên cần chú ý

a) Tổng số cấp ủy viên, ban thường vụ, bí thư khoá trước: Là số liệu khi được bầu vào cấp uỷ, ban thường vụ và bí thư của khoá trước. Không phải số liệu hiện có của cấp uỷ khoá mới.

b) Khi tổng hợp Phần I và Phần II của biểu, cần kiểm tra, đối chiếu, cân đối số liệu giữa 2 phần.

Cách kiểm tra số liệu như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Cấp ủy viên} \\ \text{khóa trước} \\ \text{không tham gia} \\ \text{khóa này} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Cấp ủy} \\ \text{viên khóa} \\ \text{trước} \end{array} - \left[\begin{array}{l} \text{Cấp ủy} \\ \text{viên khóa} \\ \text{này} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Cấp ủy} \\ \text{viên mới} \\ \text{trúng} \end{array} \right]$$

Hoặc:

$$\begin{array}{l} \text{Cấp ủy viên khóa} \\ \text{trước tái cử} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Cấp ủy viên} \\ \text{mới trúng} \\ \text{khóa này} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Cấp ủy viên} \\ \text{khóa này} \end{array}$$

Trong đó:

<i>Cấp ủy viên khóa</i>	<i>Cấp ủy</i>	<i>Cấp ủy viên khóa</i>
<i>trước tái cử</i>	<i>= viên khóa</i>	<i>- trước không tham</i>
	<i>trước</i>	<i>gia khóa này</i>

Biểu số 12G-TCTW: BÁO CÁO BẦU CỬ CẤP ỦY

(*).....

Nhiệm kỳ

(*) Biểu này dùng để tổng hợp chung cho cả 2 cấp:

- Cấp ủy trực thuộc Trung ương.
- Cấp ủy huyện (và tương đương).

Sau khi bầu cử và phân công công tác cho cấp ủy viên, ban tổ chức cấp ủy huyện (và tương đương) tổng hợp báo cáo theo biểu mẫu này và gửi về ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương). Ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương) kiểm tra lại kết quả tổng hợp báo cáo của cấp dưới, sau đó làm báo cáo tổng hợp chung cho toàn đảng bộ, gửi báo cáo lên Ban Tổ chức Trung ương theo thời gian quy định.

Các đảng ủy trực thuộc Trung ương, sau khi tiến hành đại hội, cũng báo cáo kết quả về Ban Tổ chức Trung ương theo Biểu số 12G-TCTW.

Phần I: Cấp ủy khoá trước không tham gia khoá này

Thống kê như đã hướng dẫn tại Biểu số 12E-TCTW.

Phần II: Phân công cấp ủy sau khi bầu

- Cấp ủy sau khi bầu, được phân tích theo 2 đối tượng là ủy viên ban chấp hành và ủy viên ban thường vụ. Công tác được phân công theo 6 lĩnh vực:

- + Công tác đảng.
- + Công tác dân vận.
- + Công tác chính quyền.
- + Công tác trong doanh nghiệp.
- + Công tác trong đơn vị sự nghiệp.
- + Công tác an ninh, quốc phòng.

- Trong quá trình phân công công tác của cấp ủy viên, một đồng chí có thể được phân công phụ trách một số việc khác nhau. Để tránh trùng, sót khi tổng hợp biểu này, yêu cầu chỉ thống kê mỗi cấp ủy viên phụ trách một công việc chính, sao cho khi cộng lại, phải bằng tổng số cấp ủy viên.

Phần III: So sánh cấp ủy viên khoá trước với khoá này (trang 2 - Biểu số 12G-TCTW)

Tiến hành tổng hợp tương tự như đã hướng dẫn ở Biểu số 12E-TCTW.

5. Toàn bộ hệ thống biểu mẫu (gồm: 11 biểu báo cáo về đảng viên và tổ chức đảng; 6 biểu báo cáo về cán bộ chủ chốt và bầu cử cấp ủy) được thể hiện tại Phụ lục II kèm theo Hướng dẫn này.

*

* *

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW ngày 21-6-2007 của Ban Tổ chức Trung ương; được phổ biến đến chi bộ và thực hiện kể từ ngày ký.

Quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, các cấp ủy phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương xem xét, hướng dẫn.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Nguyễn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC I
CÁC MẪU TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC
ĐẢNG VIÊN
(Kèm theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW
ngày 17-5-2012)

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
	I. TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN VÀ CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC	
1	Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng	CN-NTVĐ
2	Đơn xin vào Đảng	Mẫu 1-KNĐ
3	Lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 2-KNĐ
4	Giấy giới thiệu người vào Đảng	Mẫu 3-KNĐ
5	Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng	Mẫu 4-KNĐ
6	Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng	Mẫu 4A-KNĐ
7	Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng	Mẫu 5-KNĐ
8	Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên (của chi bộ)	Mẫu 6-KNĐ
9	Báo cáo đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng ủy bộ phận)	Mẫu 7-KNĐ

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
10	Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng ủy cơ sở)	Mẫu 8-KNĐ
11	Quyết định kết nạp đảng viên (của cấp ủy có thẩm quyền)	Mẫu 9-KNĐ
12	Quyết định kết nạp lại người vào Đảng (của cấp ủy có thẩm quyền)	Mẫu 9A-KNĐ
13	Quyết định kết nạp đảng viên (của đảng ủy cơ sở được ủy quyền)	Mẫu 9B-KNĐ
14	Giấy chứng nhận học lớp đảng viên mới	CN-ĐVM
15	Bản tự kiểm điểm đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng viên dự bị)	Mẫu 10-KNĐ
16	Bản nhận xét đảng viên dự bị (của đảng viên được phân công giúp đỡ)	Mẫu 11-KNĐ
17	Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với đảng viên dự bị	Mẫu 12-KNĐ
18	Nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của chi bộ)	Mẫu 13-KNĐ
19	Báo cáo đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng ủy bộ phận)	Mẫu 14-KNĐ
20	Nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng ủy cơ sở)	Mẫu 15-KNĐ
21	Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp ủy có thẩm quyền)	Mẫu 16-KNĐ
22	Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp ủy cơ sở được ủy quyền)	Mẫu 16A-KNĐ

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
23	Giấy chứng nhận người vào Đảng đang trong thời gian được tổ chức đảng giúp đỡ, xem xét kết nạp của cấp ủy cơ sở	Mẫu 17-KNĐ
24	Công văn của cấp ủy cơ sở nơi người vào Đảng đã được chi bộ, đảng ủy cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng	Mẫu 17A-KNĐ
25	Công văn của ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền giới thiệu người vào Đảng đã được cấp ủy cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp đảng	Mẫu 17B-KNĐ
26	Công văn của cấp ủy có thẩm quyền giới thiệu người vào Đảng đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp Đảng	Mẫu 17C-KNĐ
27	Công văn giới thiệu người vào Đảng đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp vào Đảng nhưng chuyển ra ngoài đảng bộ huyện (và tương đương)	Mẫu 17D-KNĐ
28	Sổ đảng viên dự bị (của chi ủy cơ sở trở lên sử dụng)	Mẫu 18-KNĐ
29	Giấy giới thiệu (của đảng ủy - chi ủy cơ sở) cử đảng viên hoặc cấp ủy viên đi thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 19-KNĐ
30	Công văn đề nghị thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 20-KNĐ
31	Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của cấp ủy có thẩm quyền)	Mẫu 21-XTĐV

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
32	Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của đảng ủy cơ sở được ủy quyền)	Mẫu 21A-XTĐV
II. PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN		
1	Thẻ đảng viên	
2	Danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên (của cấp ủy cơ sở) và chi bộ	Mẫu 1
3	Danh sách phát thẻ đảng viên (của cấp ủy huyện và tương đương)	Mẫu 1-TĐV
4	Danh sách đề nghị cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp ủy cơ sở) và chi bộ	Mẫu 1A
5	Danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp ủy huyện và tương đương)	Mẫu 1A-TĐV
6	Danh sách đề nghị đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp ủy cơ sở) và chi bộ	Mẫu 1B
7	Danh sách đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp ủy huyện và tương đương)	Mẫu 1B-TĐV
8	Quyết định phát thẻ đảng viên (hoặc cấp lại thẻ bị mất hoặc đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng)	Mẫu 2-TĐV
9	Quyết định phát thẻ cho cá nhân đảng viên	Mẫu 3-TĐV
10	Quyết định cấp lại thẻ đảng viên bị mất cho cá nhân đảng viên	Mẫu 4-TĐV
11	Quyết định đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng cho cá nhân đảng viên	Mẫu 4A-TĐV
12	Sổ phát thẻ đảng viên	Mẫu 5-TĐV
13	Sổ giao nhận thẻ đảng viên và danh sách phát thẻ đảng viên	Mẫu 6-TĐV

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
III. QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN		
1	Lý lịch đảng viên	Mẫu 1-HSĐV
2	Phiếu đảng viên	Mẫu 2-HSĐV
3	Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên	Mẫu 3-HSĐV
4	Phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức	Mẫu 4-HSĐV
5	Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 5-HSĐV
6	Phiếu báo đảng viên từ trần	Mẫu 6-HSĐV
7	Sổ danh sách đảng viên	Mẫu 7-HSĐV
8	Sổ đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 8-HSĐV
9	Sổ đảng viên từ trần	Mẫu 9-HSĐV
10	Sổ giao nhận hồ sơ đảng viên	Mẫu 10-HSĐV
11	Sổ cho mượn tài liệu trong hồ sơ đảng viên để nghiên cứu	Mẫu 11-HSĐV
12	Mục lục tài liệu trong hồ sơ đảng viên	Mẫu 12-HSĐV
IV. GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG		
1	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức (loại 10 ô)	Mẫu 1-SHĐ
2	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời (loại 8 ô)	Mẫu 2-SHĐ
3	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra ngoài nước (loại 2 ô)	Mẫu 3-SHĐ
4	Phiếu công tác chính thức ngoài nước	Mẫu 3A-SHĐ
5	Phiếu công tác tạm thời ngoài nước	Mẫu 3B-SHĐ
6	Báo cáo danh sách đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài nước	Mẫu 3C-SHĐ

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
7	Báo cáo danh sách đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời ra ngoài nước	Mẫu 3D-SHD
8	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ (loại 5 ô)	Mẫu 4-SHD
9	Giấy giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ nơi cư trú (loại 1 ô)	Mẫu 5-SHD
10	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ cơ sở	Mẫu 6-SHD
11	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở chia tách hoặc sáp nhập ngoài phạm vi đảng bộ cơ sở	Mẫu 6A-SHD
12	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ huyện và tương đương	Mẫu 7-SHD
13	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập ngoài phạm vi đảng bộ huyện và tương đương	Mẫu 7A-SHD
14	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện và tương đương chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương	Mẫu 8-SHD
15	Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện và tương đương chia tách hoặc sáp nhập ngoài phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương	Mẫu 8A-SHD

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
16	Quyết định tiếp nhận tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện và tương đương chia tách hoặc sáp nhập ngoài phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương	Mẫu 8B-SHĐ
17	Biên bản giao nhận sổ danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập	Mẫu 9-SHĐ
18	Biên bản giao nhận sổ danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập do ban tổ chức lập	Mẫu 9A-SHĐ
19	Sổ giới thiệu sinh hoạt đảng	Mẫu 10-SHĐ
20	Phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức	Mẫu 11-SHĐ
21	Công văn giới thiệu đảng viên do yêu cầu phải chuyển sinh hoạt tiếp	Mẫu 12-SHĐ
	V. XOÁ TÊN ĐẢNG VIÊN VÀ ĐẢNG VIÊN XIN RA KHỎI ĐẢNG	
1	Quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên (theo Điều 8 Điều lệ Đảng)	Mẫu 1-XTĐV
2	Quyết định của huyện ủy (quận, thị ủy) cho đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 2-CRĐ
3	Quyết định của cấp ủy có thẩm quyền cho đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 2A-CRĐ
4	Giấy xác nhận tuổi Đảng	Mẫu 4-XNTĐ
	VI. TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG	
1	Mẫu Huy hiệu Đảng 90, 85, 80, 75, 70, 65, 60, 55, 50, 40, 30 năm tuổi đảng	

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
2	Giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 1-HHĐ
3	Quyết định tặng Huy hiệu Đảng (chung)	Mẫu 2-HHĐ
4	Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3-HHĐ
5	Quyết định cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3A-HHĐ
6	Quyết định truy tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3B-HHĐ
7	Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 4-HHĐ
8	Danh sách đảng viên đề nghị cấp lại Huy hiệu Đảng	Mẫu 4A-HHĐ
9	Danh sách đảng viên đề nghị truy tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 4B-HHĐ
10	Sổ tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 5-HHĐ
11	Tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 6-HHĐ
VII. KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN, CÁN BỘ NGHIỆP VỤ		
1	Mẫu cờ	Mẫu 1-KT
2	Bằng khen	Mẫu 2-KT
3	Giấy khen	Mẫu 3-KT
4	Sổ theo dõi khen thưởng	Mẫu 4-KT
5	Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Mẫu 5-KT
6	Quyết định công nhận chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở trong sạch, vững mạnh	Mẫu 6-KT
7	Báo cáo danh sách cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên	

*** Ghi chú:**

1. Sử dụng các mẫu tài liệu

- Các mẫu tài liệu trong Phụ lục I được thực hiện từ ngày ban hành Hướng dẫn này; riêng lý lịch người xin vào Đảng, lý lịch đảng viên được sử dụng mẫu cũ đến ngày 31-12-2012.

- Ngày vào Đảng, ngày công nhận chính thức trong hồ sơ đảng viên (lý lịch đảng viên, phiếu đảng viên, giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng...), thẻ đảng viên giữ như cũ.

- Trong quá trình sử dụng thấy có mẫu nào chưa hợp lý thì ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu bổ sung, sửa đổi; trong thời gian chờ văn bản bổ sung của Ban Tổ chức Trung ương, các tổ chức đảng không được tự ý sửa đổi mẫu tài liệu đã quy định.

2. Các thành phần thể thức văn bản (tiêu đề, số và ký hiệu văn bản, thể thức đề ký, chức vụ người ký...) trong các biểu mẫu thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

**I- CÁC TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ KẾT NẠP
ĐẢNG VIÊN VÀ CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN
CHÍNH THỨC**

**1. Giấy chứng nhận học lớp nhận thức về
Đảng (nền hoa văn)**

**1.1. Mẫu (CN-NTVĐ) dùng cho Trung tâm
bồi dưỡng chính trị cấp huyện**

...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số/CN	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
*	----
GIẤY CHỨNG NHẬN	
Chứng nhận đồng chí: Sinh ngày ... / ... /....	
Nơi sinh	
Chức vụ	
Đơn vị	
Là cảm tình Đảng của Chi bộ.....	
<i>Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nhận thức về Đảng theo quy định của Trung ương</i>	
Do	
Tổ chức từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày ... tháng ... năm ...	
Kết quả học tập đạt loại	
....., ngày ... tháng ... năm ...	
GIÁM ĐỐC	
<i>(họ tên, chữ ký, đóng dấu)</i>	

a) Sử dụng:

- Do trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp, đồng chí giám đốc trung tâm ký và đóng dấu của trung tâm.

b) Cách viết:

- Sinh ngày: Ghi đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Nơi sinh: Ghi xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố.

- Là cảm tình Đảng của Chi bộ: Ghi rõ tên chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở, huyện ủy, tỉnh ủy...

- Do: Ghi tên trung tâm bồi dưỡng chính trị tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

1.2. Mẫu (CN-NTVĐ) dùng khi cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng

ĐẢNG BỘ ...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số/CN

*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận đồng chí: Sinh ngày ... / ... /...

Nơi sinh

Chức vụ

Đơn vị

Là cảm tình Đảng của Chi bộ.....

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nhận thức về Đảng theo quy định của Trung ương

Do

Tổ chức từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày ... tháng ... năm ...

Kết quả học tập đạt loại

....., ngày ... tháng ... năm ...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(họ tên, chữ ký, đóng dấu)

a) Sử dụng:

- Mẫu này dùng cho cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, đồng chí thay mặt ban thường vụ cấp ủy, từ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên ký và đóng dấu của cấp ủy.

b) Cách ghi:

- Sinh ngày: Ghi đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Nơi sinh: Ghi xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố.

- Là cảm tình Đảng của Chi bộ: Ghi rõ tên chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở, huyện ủy, tỉnh ủy...

- Do: Ghi tên đảng ủy cấp huyện và tương đương trở lên tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

2. Đơn xin vào Đảng (Mẫu 1-KNĐ)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƠN XIN VÀO ĐẢNG

Kính gửi: Chi uỷ¹:.....

Đảng uỷ:.....

Tôi là:....., sinh ngày.... tháng... năm....

Nơi sinh:

Quê quán:.....

Dân tộc:..... Tôn giáo:

Trình độ học vấn:.....

Nơi cư trú² :.....

.....

.....

Nghề nghiệp:

Đơn vị công tác:

Chức vụ chính quyền, đoàn thể:.....

.....

Vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

ngày... tháng... năm... tại.....

.....

1. Nơi không có chi uỷ thì ghi chi bộ.

2. Ghi nơi thường trú, hoặc nơi tạm trú.

Được xét là cảm tình Đảng ngày... tháng... năm...
tại chi bộ

.....
.....
.....
Qua nghiên cứu Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
được sự giáo dục, bồi dưỡng của chi bộ, của tổ chức
Đoàn, Công đoàn (nếu có) tôi đã nhận thức được:

.....
.....
.....
.....
.....
Tôi nguyện trung thành với lý tưởng và mục tiêu
cách mạng của Đảng, phấn đấu hoàn thành tốt
nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đảng viên của
Đảng Cộng sản Việt Nam.

....., ngày... tháng... năm 20...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

3. Lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 2-KNĐ)

<div>Mẫu 2-KNĐ</div> <div><u>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</u></div> <div>LÝ LỊCH CỦA NGƯỜI XIN VÀO ĐẢNG</div> <div>Họ và tên đang dùng :..... Họ và tên khai sinh : Quê quán :</div> <div>Số lý lịch:</div>
--

- Kích thước: 14,5 x 20,5 cm
- Nội dung trong lý lịch của người xin vào Đảng (gồm 32 trang) cụ thể như sau:

- * Trang 1: Sơ lược lý lịch;
- * Trang 2-8: Lịch sử bản thân và những công tác đã qua;
- * Trang 9: Đặc điểm lịch sử;
- * Trang 10: Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua và đi nước ngoài;
- * Trang 11: Khen thưởng và kỷ luật;
- * Trang 12-24: Hoàn cảnh gia đình;
- * Trang 25: Tự nhận xét và cam đoan;
- * Trang 26: Nhận xét của chi ủy và chứng nhận của cấp ủy cơ sở;
- * Trang 27-32: Nhận xét của cấp ủy hoặc tổ chức có thẩm quyền nơi đến thăm tra lý lịch của người xin vào Đảng.

4. Giấy giới thiệu người vào Đảng (Mẫu 3-KNĐ)

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

GIẤY GIỚI THIỆU

Người vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ.....
.....

Tôi là:....., sinh ngày.... tháng...
năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm..., chính thức
ngày... tháng... năm...

Chức vụ trong Đảng hiện nay:.....,
chức vụ chính quyền.....

Quê quán:.....

Đang sinh hoạt tại Chi bộ:

Ngày... tháng... năm... được Chi bộ phân công
giáo dục, giúp đỡ quần chúng.....
phấn đấu vào Đảng; nay xin báo cáo với Chi bộ
những vấn đề chủ yếu về người phấn đấu vào
Đảng như sau:

- Về lý lịch:

Những đặc điểm chính cần lưu ý:..... ..

.....
.....

- Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng).....

.....
.....
.....
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, tôi giới thiệu với Chi bộ xem xét, đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng về sự giới thiệu của mình.

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐẢNG VIÊN GIỚI THIỆU

(ký, ghi rõ họ và tên)

**5. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú
vào Đảng (Mẫu 4-KNĐ)**

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

TỈNH, TP.....

BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN, ngày... tháng... năm...

.....(*)

Số..... - NQ/ĐTN

NGHỊ QUYẾT

Giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ.....

Đảng ủy.....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I Điều lệ
Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban
chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên ưu tú
vào Đảng.

- Xét nghị quyết của Chi đoàn.....

- Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
..... họp ngày... tháng... năm... nhận thấy:

Đoàn viên:..... có những ưu,
khuyết điểm chính (*Về lịch sử chính trị, chính trị
hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính
sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm
chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác,
quan hệ quần chúng*).....

.....
.....
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng ủy xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của.....đ/c (đạt.....%) so với tổng số ủy viên Ban Chấp hành; số không tán thành.....đ/c, với lý do.....

.....
Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

T/M

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

** Ghi chú: Theo Hướng dẫn số 29-HD/TWĐ ngày 20-5-2009 của Trung ương Đoàn TNCSHCM "Hướng dẫn thể thức văn bản của Đoàn TNCSHCM".*

6. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng (Mẫu 4A-KNĐ)

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....(*)
Số..... - NQ/ , ngày.. tháng... năm...

NGHỊ QUYẾT

Giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ.....
Đảng ủy.....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng.

- Xét Nghị quyết của Công đoàn

- Ban Chấp hành Công đoàn

hợp ngày ... tháng... năm... nhận thấy:

Đoàn viên:.....

có những ưu, khuyết điểm chính (*Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng*)

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng ủy xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số ủy viên Ban Chấp hành; số không tán thành..... đồng chí, với lý do.....
.....

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

T/M
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

** Ghi chú: Theo Quyết định số 1014/QĐ-TLĐ ngày 19-8-2011 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam "Ban hành quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của tổ chức công đoàn".*

**7. Tổng hợp ý kiến của tổ chức đoàn thể
chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh
hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào
Đảng (Mẫu 5-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
CHI BỘ....., ngày... tháng.. năm...

TỔNG HỢP Ý KIẾN NHẬN XÉT
Của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi
người vào Đảng sinh hoạt và chi ủy nơi cư
trú đối với người vào Đảng

Căn cứ ý kiến nhận xét của đại diện các đoàn
thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt
và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng

.....

Tên các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi
người vào Đảng sinh hoạt:

.....

.....

....., tổng số có:.....đồng chí.

Tên chi ủy nơi cư trú:.....

có:.....đồng chí.

Chi ủy Chi bộ tổng hợp các ý kiến nhận xét đó
như sau:

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)

.....

.....

Số đồng chí đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội nơi sinh hoạt và chỉ ủy nơi cư trú tán thành kết nạp quần chúng vào Đảng là..... đồng chí, trong tổng số..... đồng chí được hỏi ý kiến (đạt.....%).

Số không tán thành đồng chí (chiếm.....%) với lý do

.....

.....

T/M CHI ỦY

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

**8. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên
của chi bộ (Mẫu 6-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - NQ/CB

NGHỊ QUYẾT
Đề nghị kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Ngày... tháng... năm..., Chi bộ.....
đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng
..... vào Đảng.

Tổng số đảng viên của Chi bộ:.....đảng
viên, trong đó chính thức:..... đồng chí, dự bị:
..... đồng chí.

Có mặt: đảng viên, trong
đó chính thức: đồng chí, dự bị:.....
đồng chí.

Vắng mặt:..... đảng viên, trong đó chính
thức:..... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....

Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Chi bộ thống nhất kết luận về quần chúng..... như sau:

Về lý lịch:
.....

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, số đảng viên chính thức tán thành việc kết nạp quần chúng vào Đảng..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số đảng viên chính thức. Số đảng viên chính thức không tán thành..... đồng chí (.....%) với lý do

Chi bộ đề nghị Đảng ủy xét kết nạp quần chúng vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nơi nhận:

- Đảng ủy.....
- (để báo cáo),
- Lưu chi bộ.

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

**9. Báo cáo của đảng ủy bộ phận thẩm định
nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ
(Mẫu 7-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - BC/ĐU

BÁO CÁO
về việc thẩm định nghị quyết đề nghị
kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày... tháng... năm..., Đảng ủy bộ phận.....
đã họp để thẩm định nghị quyết của Chi bộ
đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành
đồng chí. Có mặt:..... đồng
chí. Vắng mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....
Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-
NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ.....
về việc đề nghị kết nạp quần chúng
vào Đảng, Đảng ủy thống nhất kết luận như sau:

- Chi bộ đã thực hiện đúng (hoặc chưa đúng) thẩm quyền, đúng (hoặc chưa đúng, hoặc còn thiếu) thủ tục quy định.

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng ủy bộ phận..... báo cáo với Đảng ủy cơ sở..... xét (hoặc không) kết nạp quần chúng vào Đảng với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số cấp ủy viên; số không tán thành..... đồng chí (chiếm..... %) với lý do:
.....
.....

Đề nghị Đảng ủy cơ sở:

- Xét kết nạp quần chúng vào Đảng. Chi bộ phải làm lại (hoặc không) thủ tục.....
.....

- (Hoặc không) xét kết nạp quần chúng vào Đảng.

Nơi nhận:

- Đảng ủy.....
- (để báo cáo)
- Lưu chi bộ.

T/M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

**10. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên
của đảng ủy cơ sở (Mẫu 8-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT
Đề nghị kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Ngày... tháng... năm..., Ban Chấp hành Đảng
bộ
đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng
..... vào Đảng.

Tổng số ủy viên Ban chấp hành
đồng chí, có mặt:..... đồng
chí, vắng mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....
.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....
Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-
NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ.....,
Báo cáo số.....-BC/ĐU ngày... tháng... năm...

của Đảng ủy bộ phận.....(nếu có) về việc đề nghị kết nạp quần chúng vào Đảng, Đảng ủy thống nhất kết luận về quần chúng như sau:

Về lý lịch:.....

.....

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; quan hệ quần chúng)

.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng ủy đã xét và biểu quyết kết nạp quần chúng vào Đảng, kết quả như sau:

- Đồng ý kết nạp vào Đảng..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số cấp ủy viên.

- Không đồng ý kết nạp vào Đảng..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do.....

.....

Đề nghị Ban Thường vụ..... xem xét, quyết định kết nạp quần chúng vào Đảng.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ.....

(để báo cáo)

- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**11. Quyết định kết nạp đảng viên của cấp
ủy có thẩm quyền, nền hoa văn (Mẫu 9-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

Số - QĐ/... .., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp đảng viên

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đơn xin vào Đảng của quần chúng.....
- Xét Nghị quyết số..... - NQ/CB
ngày... tháng... năm... của Chi bộ.....,
Nghị quyết số..... - NQ/ĐU ngày...
tháng... năm... của Đảng ủy..... về
việc đề nghị kết nạp quần chúng.....
vào Đảng.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kết nạp quần chúng.....
sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....
vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua
thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tổ
chức lễ kết nạp.

Điều 2: Chi bộ.....
chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp đồng chí
..... vào Đảng theo đúng thủ tục
đã quy định.

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện uỷ,
Đảng uỷ
Chi bộ..... và đồng chí có tên
trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 3.

- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp

Ngày... tháng.. năm...

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

12. Quyết định kết nạp lại đảng viên của cấp ủy có thẩm quyền (huyện ủy và tương đương), nền hoa văn (Mẫu 9A-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
HUYỆN ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp lại người vào Đảng

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; điểm 9 Quy định số 45-QĐ/W ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI;

- Xét đơn xin kết nạp lại vào Đảng của quần chúng

- Xét Nghị quyết số..... - NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Nghị quyết số..... - NQ/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc đề nghị kết nạp lại quần chúng..... vào Đảng.

- Căn cứ Công văn số.....-CV/TU ngày... tháng... năm... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý kết nạp lại quần chúng nói trên vào Đảng.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kết nạp lại quần chúng.....

Sinh ngày ... tháng... năm...

Quê quán:.....
vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua
thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tổ
chức lễ kết nạp lại vào Đảng.

Điều 2: Chi bộ..... chịu trách
nhiệm tổ chức lễ kết nạp lại đồng chí
vào Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,
Đảng ủy....., Chi bộ.....
và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Như Điều 3.

- Lưu hồ sơ đảng viên.

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp

Ngày... tháng.. năm...

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

**13. Quyết định kết nạp đảng viên của
đảng ủy cơ sở được ủy quyền, nền hoa văn
(Mẫu 9B-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp đảng viên

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số.....-QĐ/.....
ngày... tháng... năm... của.....
ủy quyền cho Đảng ủy được quyết định kết nạp và
khai trừ đảng viên;
- Xét đơn xin vào Đảng của quần chúng
-
- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB
ngày... tháng... năm... của Chi bộ.....
về việc đề nghị kết nạp quần chúng.....
vào Đảng.

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kết nạp quần chúng.....

Sinh ngày... tháng ... năm ...

Quê quán:.....

vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp vào Đảng.

Điều 2: Chi bộ..... chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp đồng chí..... vào Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

Điều 3: Văn phòng Đảng ủy, Chi bộ..... và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ..... (ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)
..... (để báo cáo).

- Như Điều 3,

- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp

Ngày... tháng... năm...

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ và tên)

14. Giấy chứng nhận học lớp đảng viên mới (nền hoa văn)

14.1. Mẫu (CN-ĐVM) của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện

TT BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN...	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Số/CN	
*	
GIẤY CHỨNG NHẬN	
Chứng nhận đồng chí: Sinh ngày ... / ... /...	
Nơi sinh:	
Chức vụ:	
Đơn vị:	
Là đảng viên dự bị của Chi bộ:	
<i>Đã hoàn thành chương trình lớp bồi dưỡng đảng viên mới theo quy định của Trung ương.</i>	
Do	
Tổ chức từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày ... tháng ... năm ...	
Kết quả học tập đạt loại	
....., ngày ... tháng ... năm ...	
GIÁM ĐỐC	
<i>(họ tên, chữ ký, đóng dấu)</i>	

a) Sử dụng:

- Do trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp, đồng chí giám đốc trung tâm ký và đóng dấu của trung tâm.

b) Cách viết:

- Sinh ngày: Ghi đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Nơi sinh: Ghi xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố.

- Là đảng viên dự bị của chi bộ: Ghi rõ tên chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở, huyện ủy, tỉnh ủy...

- Do: Ghi tên trung tâm bồi dưỡng chính trị tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới.

14.2. Mẫu (CN-ĐVM) dùng cho cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới

ĐẢNG BỘ ...	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Số/CN	*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận đồng chí: Sinh ngày ... / ... /...

Nơi sinh:

Chức vụ:

Đơn vị:

Là đảng viên dự bị của Chi bộ:

Đã hoàn thành chương trình lớp bồi dưỡng đảng viên mới theo quy định của Trung ương

Do

Tổ chức từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày ... tháng ... năm ...

Kết quả học tập đạt loại

....., ngày ... tháng ... năm ...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(họ tên, chữ ký, đóng dấu)

a) Sử dụng:

- Mẫu này dùng cho cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới, đồng chí thay mặt ban thường vụ cấp ủy, từ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên ký và đóng dấu của cấp ủy.

b) Cách ghi:

- Sinh ngày: Ghi đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Nơi sinh: Ghi xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố.

- Là đảng viên dự bị của chi bộ: Ghi rõ tên chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở, huyện ủy, tỉnh ủy...

- Do: Ghi tên đảng ủy cấp huyện và tương đương trở lên tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới.

**15. Bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị
(Mẫu 10-KNĐ)**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**BẢN TỰ KIỂM ĐIỂM
Của đảng viên dự bị**

Kính gửi: Chi ủy.....
Đảng ủy.....

Tôi là:....., sinh ngày...
tháng... năm...

Quê quán:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng
ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ

Hiện công tác và sinh hoạt tại Chi bộ:.....

.....

.....

.....

Căn cứ tiêu chuẩn đảng viên, quá trình tu
dưỡng, rèn luyện phấn đấu thực hiện nhiệm vụ
đảng viên, tôi tự kiểm điểm như sau:

Ưu điểm:.....

.....

.....

Khuyết điểm:

.....

.....

Biện pháp khắc phục khuyết điểm:.....

.....

.....

.....

Tôi tự nhận thấy có đủ điều kiện trở thành đảng viên chính thức. Đề nghị Chi bộ xét, báo cáo cấp ủy cấp trên quyết định công nhận tôi là đảng viên chính thức.

Tôi xin hứa luôn phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ đảng viên, xứng đáng là đảng viên tốt của Đảng.

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI TỰ KIỂM ĐIỂM

(ký, ghi rõ họ và tên)

16. Bản nhận xét đảng viên dự bị của đảng viên được phân công giúp đỡ (Mẫu 11-KNĐ)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**BẢN NHẬN XÉT
Đảng viên dự bị**

Kính gửi: Chi ủy.....

Tôi là:....., sinh ngày... tháng... năm...

Đang sinh hoạt tại Chi bộ.....

Ngày... tháng... năm... được Chi bộ phân công giúp đỡ đảng viên dự bị:..... được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày... tháng... năm..., phấn đấu trở thành đảng viên chính thức; nay xin báo cáo Chi bộ những vấn đề chủ yếu của đảng viên dự bị như sau:

Ưu điểm:

.....
.....

Khuyết điểm và những vấn đề cần lưu ý:

.....
.....
.....

.....
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn đảng viên và kết quả
phần đấu rèn luyện của đảng viên dự bị, tôi đề nghị
Chi bộ xét, đề nghị công nhận đồng chí.....
trở thành đảng viên chính thức.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng về lời
nhận xét của mình.

....., ngày... tháng... năm...

**ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC PHÂN CÔNG
GIÚP ĐỖ**

(ký, ghi rõ họ và tên)

**17. Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức
đoàn thể chính trị - xã hội nơi đảng viên dự
bị sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với đảng
viên dự bị (Mẫu 12-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ.....
....., ngày... tháng... năm...

**TỔNG HỢP Ý KIẾN NHẬN XÉT
của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi
đảng viên dự bị sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú
đối với đảng viên dự bị**

Căn cứ ý kiến nhận xét của đại diện các đoàn
thể chính trị - xã hội nơi đảng viên dự bị sinh hoạt
và chi ủy nơi cư trú đối với đảng viên dự bị
..... được kết nạp (hoặc kết nạp
lại) vào Đảng ngày... tháng... năm...

Tên tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi
đảng viên dự bị sinh hoạt:
.....
....., tổng số có.....
đồng chí.

Tên chi ủy nơi cư trú:.....,
có..... đồng chí.

Chi ủy Chi bộ tổng hợp các ý kiến nhận xét đó như sau:

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện nhiệm vụ đảng viên).....
.....
.....
.....

Số đồng chí đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội nơi đảng viên dự bị sinh hoạt và trong chi ủy nơi cư trú tán thành đề nghị Chi bộ xét công nhận đảng viên dự bị....., trở thành đảng viên chính thức là..... đồng chí, trong tổng số.....đồng chí được hỏi ý kiến (đạt.....%).

Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do
.....
.....

T/M CHI ỦY

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ, tên)

18. Nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức của chi bộ (Mẫu 13-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - NQ/CB

NGHỊ QUYẾT

Đề nghị công nhận đảng viên chính thức

Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày... tháng... năm..., Chi bộ.
đã họp để xét, đề nghị công nhận đảng viên dự
bị..... được kết nạp (hoặc kết nạp lại)
vào Đảng ngày... tháng... năm..., trở thành đảng
viên chính thức.

Tổng số đảng viên của Chi bộ:
đảng viên, trong đó chính thức..... đồng
chí, dự bị..... đồng chí.

Có mặt:..... đảng viên, trong đó
chính thức..... đồng chí, dự bị.....
đồng chí.

Vắng mặt:..... đảng viên, trong
đó chính thức..... đồng chí, dự bị.....
đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....
Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Chi bộ
thống nhất kết luận về đảng viên dự bị
như sau:

Những ưu, khuyết điểm chính:

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;
năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện
nhiệm vụ đảng viên)*
.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về
tiêu chuẩn đảng viên, số đảng viên chính thức tán
thành công nhận đảng viên dự bị.....
trở thành đảng viên chính thức.....đồng
chí (đạt.....%) so với tổng số đảng viên chính
thức. Số đảng viên chính thức không tán
thành.....đồng chí (chiếm.....%) với
lý do.....

Chi bộ báo cáo Đảng ủy.....
xét, đề nghị công nhận đảng viên dự bị.....
trở thành đảng viên chính thức của Đảng Cộng
sản Việt Nam.

Nơi nhận:

- Đảng ủy.....
- (để báo cáo),
- Lưu chi bộ.

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

19. Báo cáo của đảng ủy bộ phận thẩm định nghị quyết của chi bộ đề nghị công nhận đảng viên chính thức (Mẫu 14-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY

....., ngày... tháng... năm...

Số - BC/ĐU

BÁO CÁO
về việc thẩm định nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức

Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày... tháng... năm..., Đảng ủy bộ phận.....
đã họp để thẩm định nghị quyết của chi bộ
đề nghị công nhận đảng viên chính thức.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành.....
đồng chí. Có mặt:..... đồng chí. Vắng mặt:.....
đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....

Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB
ngày... tháng ... năm... của Chi bộ..... về việc
đề nghị công nhận đảng viên dự bị được

kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày ... tháng ... năm..., trở thành đảng viên chính thức, Đảng ủy thống nhất kết luận như sau:

- Chi bộ đã thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục quy định.

- Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn đảng viên, chúng tôi thấy đảng viên dự bị có đủ (hoặc không đủ) tiêu chuẩn được xét công nhận đảng viên chính thức với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số ủy viên. Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do:

Đảng ủy bộ phận.....
báo cáo Đảng ủy cơ sở
xét, công nhận (hoặc không công nhận) đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức.

Nơi nhận:

- Đảng ủy.....
(để báo cáo),
- Lưu.

T/M ĐẢNG ỦY

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**20. Nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên
chính thức của đảng ủy cơ sở (Mẫu 15-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT

Đề nghị công nhận đảng viên chính thức

Kính gửi: Ban Thường vụ.....

Ngày... tháng... năm..., Ban Chấp hành Đảng
bộ đã họp để xét,
đề nghị công nhận đảng viên dự bị
được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày...
tháng... năm..., trở thành đảng viên chính thức.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành.....
đồng chí. Có mặt:..... đồng chí. Vắng mặt:.....
đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí.....

Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB
ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Báo

cáo số.....-BC/ĐU ngày... tháng... năm... của
Đảng ủy bộ phận..... (nếu
có) về việc đề nghị công nhận đảng viên chính
thức, Đảng ủy thống nhất kết luận về đảng viên
dự bị như sau:

Những ưu, khuyết điểm chính:

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;
năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện
nhiệm vụ đảng viên).....*

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về
tiêu chuẩn đảng viên, Đảng ủy nhận thấy đảng
viên dự bị.....
xứng đáng được xét công nhận đảng viên chính
thức với sự tán thành của..... đồng chí
(đạt.....%) so với tổng số cấp ủy viên. Số
không tán thành..... đồng chí
(chiếm.....%) với lý do.....

Đảng ủy..... đề nghị Ban
Thường vụ..... xét, quyết
định công nhận đảng viên dự bị.....
trở thành đảng viên chính thức của Đảng Cộng
sản Việt Nam.

Nơi nhận:

T/M ĐẢNG ỦY

- Ban Thường vụ..... (ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)
(để báo cáo),
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

21. Quyết định công nhận đảng viên chính thức của cấp ủy có thẩm quyền, nền hoa văn (Mẫu 16-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

Số - QĐ/...., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
công nhận đảng viên chính thức

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Nghị quyết số.....- NQ/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc đề nghị công nhận đảng viên chính thức.

- Xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của đồng chí.....

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận đồng chí.....
Sinh ngày... tháng... năm...
Quê quán:.....
Kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng Cộng sản

Việt Nam ngày... tháng... năm..., được công nhận là đảng viên chính thức kể từ ngày... tháng... năm...

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,
Đảng ủy
Chi bộ.....
và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,

- Lưu hồ sơ đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

22. Quyết định công nhận đảng viên chính thức của đảng ủy cơ sở được ủy quyền, nền hoa văn (Mẫu 16A-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH
công nhận đảng viên chính thức

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số.....-QĐ/..... ngày... tháng... năm... của..... ủy quyền cho Đảng ủy được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên;

- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ..... về việc đề nghị công nhận đảng viên chính thức.

- Xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của đồng chí

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận đồng chí

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày... tháng... năm..., được công nhận là đảng viên chính thức kể từ ngày... tháng... năm...

Điều 2: Văn phòng Đảng ủy, Chi bộ..... và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M ĐẢNG ỦY

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Ban Thường vụ.....
(để báo cáo),
- Như Điều 2,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

23. Giấy chứng nhận người vào Đảng đang trong thời gian được tổ chức đảng giúp đỡ, xem xét kết nạp của cấp ủy cơ sở (Mẫu 17-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/ĐU (CB)

V/v chứng nhận người vào

Đảng đang trong thời gian được

tổ chức đảng xem xét kết nạp

Kính gửi: - Ban Thường vụ.....

- Đảng ủy (Chi ủy).....

Đảng ủy (Chi ủy) cơ sở.....

Chứng nhận đồng chí

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Đang được Đảng ủy (hoặc Chi bộ) chúng tôi giúp đỡ, xem xét kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, đề nghị các đồng chí giao cho chi bộ tiếp tục phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ đồng chí phấn đấu vào Đảng.

Nơi nhận:

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

- Như trên,

BÍ THƯ

- Lưu VP Đảng ủy, (Chi ủy). (*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*)

24. Công văn của cấp ủy cơ sở giới thiệu người vào Đảng đã được chi bộ, đảng ủy cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng (Mẫu 17A-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY (CHI BỘ).....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/

V/v người vào Đảng đã được
chi bộ, đảng ủy cơ sở làm thủ
tục đề nghị kết nạp Đảng

Kính gửi: - Ban Thường vụ.....

Đảng ủy (Chi ủy) cơ sở.....

Giới thiệu đồng chí.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Đã được Chi bộ ra Nghị
quyết số.....-NQ/CB ngày... tháng... năm...;
Báo cáo số..... -BC/ĐU ngày... tháng...
năm... của Đảng ủy bộ phận (nếu có).....
và được Đảng ủy cơ sở ra Nghị
quyết số.....-NQ/ĐU ngày... tháng... năm... đề
nghị kết nạp vào Đảng (hồ sơ đề nghị kết nạp
đảng viên gửi kèm theo).

Đề nghị các đồng chí chỉ đạo cấp ủy đảng trực
thuộc phân công đảng viên chính thức theo dõi,
giúp đỡ và xem xét để kết nạp đồng chí
vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

Nơi nhận:

BÍ THƯ

- Như trên,

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

25. Công văn của cấp ủy có thẩm quyền giới thiệu người vào Đảng đã được cấp ủy cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng (Mẫu 17B-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/HU

*V/v người vào Đảng đã được
cấp ủy cơ sở làm thủ tục đề
nghị kết nạp Đảng*

Kính gửi: - Ban Thường vụ.....

.....

Ban Thường vụ huyện ủy (và tương đương).....

.....

Giới thiệu đồng chí.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Đã được Đảng ủy (Chi ủy) cơ sở
ra Nghị quyết số.....-NQ/ĐU ngày... tháng...
năm... đề nghị kết nạp vào Đảng.

Đề nghị các đồng chí chỉ đạo cấp ủy trực thuộc
phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ
và xem xét để quyết định kết nạp đồng chí
..... vào Đảng Cộng sản

Việt Nam (hồ sơ đề nghị kết nạp Đảng của đồng chí..... gửi kèm theo Công văn này).

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Như trên, *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

**26. Công văn giới thiệu người vào Đảng
đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định
kết nạp vào Đảng (Mẫu 17C-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
HUYỆN ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/...

V/v người vào Đảng đã được

cấp ủy có thẩm quyền ra

quyết định kết nạp vào Đảng

Kính gửi: - Ban Thường vụ.....

.....

Ban Thường vụ huyện ủy (và tương đương).....

.....

Giới thiệu đồng chí.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

.....

Đã được Ban Thường vụ huyện ủy (và tương đương) ra Quyết định số..... QĐ/... ngày... tháng... năm... kết nạp vào Đảng; nhưng chi bộ chưa tổ chức lễ kết nạp do chuyển công tác hoặc học tập hoặc nơi cư trú (kèm theo hồ sơ xét kết nạp Đảng).

Đề nghị các đồng chí chỉ đạo chi bộ nơi chuyển
đến tổ chức lễ kết nạp đồng chí
vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy,
Ban Tổ chức.

Ghi chú Mẫu này dùng để giới thiệu người vào Đảng đã
được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp
nhưng chuyển đến đơn vị công tác, học tập hoặc
nơi cư trú mới thuộc phạm vi lãnh đạo của cấp ủy
có thẩm quyền (trong một đảng bộ huyện và tương
đương).

27. Công văn giới thiệu người vào Đảng đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp vào Đảng nhưng chuyển ra ngoài đảng bộ huyện (và tương đương) (Mẫu 17D-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/...

*V/v giới thiệu người vào Đảng
đã được cấp ủy có thẩm quyền
ra quyết định kết nạp vào Đảng*

Kính gửi: - Ban Thường vụ.....

.....

Ban Thường vụ huyện ủy (và tương đương)

.....

Giới thiệu đồng chí.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Đã được Ban Thường vụ huyện ủy (và tương đương) ra Quyết định số..... -QĐ/... ngày... tháng... năm... kết nạp vào Đảng; nhưng chi bộ chưa tổ chức lễ kết nạp do chuyển công tác hoặc học tập hoặc nơi cư trú (kèm theo hồ sơ kết nạp Đảng).

Đề nghị các đồng chí chỉ đạo chi bộ nơi chuyển
đến tổ chức lễ kết nạp đồng chí
vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Như trên,
- Lưu Văn phòng, Ban Tổ chức.

Ghi chú Mẫu này dùng để giới thiệu người vào Đảng
đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp
nhưng chuyển đến đơn vị công tác, học tập hoặc nơi cư trú
mới ngoài phạm vi lãnh đạo của cấp ủy có thẩm quyền
(đảng bộ huyện và tương đương) trong thời hạn 30 ngày
làm việc, kể từ ngày người được vào Đảng có quyết định
chuyển đi.

28. Sổ đảng viên dự bị

28.1. Mẫu số (Mẫu 18-KNĐ):

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Nam Nữ	Số LL đảng viên	Ngày sinh	KẾT NẠP ĐẢNG			Ngày kết nạp Đảng	Ghi chú
					Số quyết định	Ngày ký	Cấp ủy ra quyết định		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

28.2. Hướng dẫn sử dụng bảo quản:

a) Sử dụng, bảo quản:

+ Sổ đảng viên dự bị do cấp ủy cơ sở và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng lập để nắm số lượng đảng viên dự bị của đảng bộ.

+ Danh sách đảng viên dự bị do đồng chí bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ phụ trách tổ chức hoặc cán bộ tổ chức được cấp ủy giao trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản; khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

b) Khi ghi cần chú ý một số điểm:

+ Cột 1: Ghi số thứ tự theo số lượng đảng viên

dự bị của đảng bộ (kể cả ở đảng bộ khác chuyển đến) theo trình tự thời gian.

+ Cột 2: Ghi họ và tên đảng viên như đã viết trong lý lịch đảng viên.

+ Cột 4: Ghi theo số lý lịch của đảng viên.

+ Cột 9: Ghi ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp đảng viên.

+ Cột 10: Ghi các trường hợp như: kết nạp lại, bị xoá tên khỏi danh sách đảng viên dự bị, hoặc bị từ trần và ngày được công nhận đảng viên chính thức.

Đối với đảng viên dự bị đã được cấp ủy có thẩm quyền quyết định công nhận đảng viên chính thức thì ghi ngày tháng năm chính thức của đảng viên bằng mực đỏ trong cột ghi chú để phân biệt với đảng viên dự bị, không gạch bỏ đảng viên đó trong sổ theo dõi.

29. Giấy giới thiệu cử đảng viên hoặc cấp ủy viên đi thăm tra lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 19-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - GT/

GIẤY GIỚI THIỆU

(Có giá trị đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: - Đảng ủy (hoặc Chi ủy) cơ sở.....

.....

Đảng ủy (hoặc Chi ủy) cơ sở.....

Giới thiệu đồng chí.....

là.....

Đến lấy ý kiến nhận xét của các đồng chí về lý lịch của người xin vào Đảng là.....

Nội dung cần được các đồng chí thẩm định, để nhận xét vào lý lịch của người xin vào Đảng như sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Mong các đồng chí quan tâm giúp đỡ.

T/M

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

30. Công văn đề nghị thẩm tra lý lịch của người vào Đảng (Mẫu 20-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - CV/

**CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ THẨM TRA
lý lịch của người xin vào Đảng**

Kính gửi:.....

Để có cơ sở xem xét, kết nạp vào Đảng đối với
quân chúng..... Sinh ngày...
tháng... năm...

Quê quán:.....

Đang làm việc tại:.....

Đề nghị các đồng chí thẩm định, ghi nhận xét
về lý lịch của người xin vào Đảng vào mục "Nhận
xét của cấp ủy, tổ chức đảng..." trong lý lịch của
người xin vào Đảng (gửi kèm Công văn) theo
những nội dung sau:

.....
.....
.....
.....

Các đồng chí xác nhận, ký tên, đóng dấu vào
lý lịch và gửi lại theo địa chỉ:.....

.....
.....
.....

Nơi nhận:

T/M

- Như trên, *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

**31. Quyết định của cấp ủy có thẩm quyền
xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên
dự bị (Mẫu 21-XTĐV)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Nghị quyết số.....- NQ/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc đề nghị xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên dự bị;

- Xét khuyết điểm của đảng viên dự bị..... đã vi phạm về:.....

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Xóa tên đảng viên.....,

sinh ngày... tháng... năm..., kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....
trong danh sách đảng viên dự bị.

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy, Chi bộ..... và người có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

BÍ THƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**32. Quyết định xóa tên đảng viên trong
danh sách đảng viên dự bị của đảng ủy cơ sở
(Mẫu 21A-XTĐV)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY.....

....., ngày... tháng... năm...

Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH

Xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số..... - QĐ/HU ngày ... tháng ... năm ... của uỷ quyền cho Đảng ủy được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên;

- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ..... về việc đề nghị xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên dự bị;

- Xét khuyết điểm của đảng viên dự bị.....
.....
đã vi phạm về:.....
.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Xóa tên đảng viên.....,
sinh ngày... tháng... năm..., kết nạp (hoặc kết nạp
lại) vào Đảng ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....
trong danh sách đảng viên dự bị.

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Đảng ủy,
Chi bộ và người có tên
trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,

- Lưu hồ sơ đảng viên.

T/M ĐẢNG ỦY

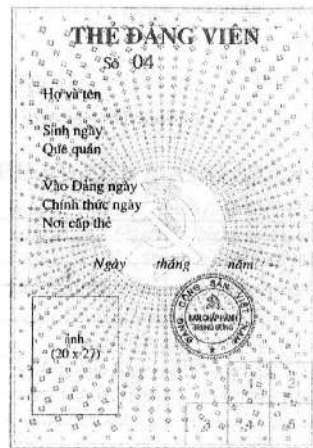
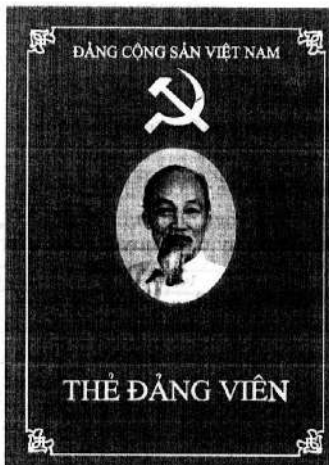
BÍ THƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

II. PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

1. Thẻ đảng viên và cách trình bày trong thẻ đảng viên

1.1- Mẫu thẻ đảng viên



1.2- Cách trình bày các yếu tố trong thẻ đảng viên

Sử dụng Bộ Chương trình quản lý thẻ đảng viên nhập các yếu tố của đảng viên vào thẻ đảng viên như sau:

- Bên trái: Dùng phông chữ "Times New Roman" thường, đứng, cỡ 9.
- Bên phải: Là yếu tố thực của đảng viên, dùng phông chữ "Times New Roman" thường,

đứng, cỡ 10; riêng họ và tên đảng viên dùng phong chữ "*Times New Roman*" hoa, cỡ 10 đứng, đậm.

Cụ thể:

+ Dòng "Họ và tên": Đánh vi tính họ và tên đang dùng của đảng viên, bố trí cân đối (center). Nếu họ và tên đảng viên quá dài thì bố trí xuống dòng dưới (không đánh thành 2 dòng).

Thí dụ 1: Họ và tên **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Thí dụ 2: Họ và tên

LÊ NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

+ Dòng "Sinh ngày": Đánh vi tính đầy đủ ngày, tháng, năm sinh theo lý lịch của đảng viên, trình bày cân đối với dòng "Vào Đảng ngày" và "Chính thức ngày" (ngày, tháng, năm đánh dấu gạch nối).

Thí dụ: Sinh ngày 08-02-1952

+ Dòng "Quê quán": Đánh vi tính tên xã, huyện, tỉnh và tương đương, chữ đầu mỗi từ là chữ in hoa; đánh thành 2 dòng, dòng trên là tên xã (hoặc tên phường, thị trấn); dòng dưới là tên huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giữa huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) và tỉnh, thành phố đánh dấu phẩy (,), cuối dòng không có dấu chấm (.). Các từ "xã", "phường", "thị trấn", "huyện", "quận", "thành phố", "tỉnh" được ghi tắt là: "X.", "P.", "T.T", "H.", "Q.", "T.P", "T".

Thí dụ 1: Quê quán X.Cát Minh

H.Phù Cát, T.Bình Định

Thí dụ 2: Quê quán P.Kỳ Bá

T.P Thái Bình, T.Thái Bình

Thí dụ 3: Quê quán P.5

Q.10, T.P Hồ Chí Minh

Thí dụ 4: Quê quán P.Ngọc Trạo

T.P Thanh Hoá, T.Thanh Hoá

Nếu quê quán gốc nước ngoài: Đánh nơi ở hiện nay.

Thí dụ: * Quê quán gốc nước ngoài: Phúc Kiến, Trung Quốc

* Nơi ở hiện nay: Phường 12, Quận 5, T.P Hồ Chí Minh

Trong thẻ, đánh "*nơi ở hiện nay*" là:

Quê quán P.12

..... Q.5, T.P Hồ Chí Minh

+ 2 dòng "Vào Đảng ngày"

"Chính thức ngày"

Trình bày tương tự và cân đối với dòng "Sinh ngày"

Thí dụ 1: Vào Đảng ngày02-10-1965

Chính thức ngày02-07-1966

Nếu kết nạp lại: Sau khi đánh xong hai dòng "Vào Đảng ngày" và "Chính thức ngày" như trên, xuống dòng (Enter), rồi đánh tiếp: "Kết nạp lại ngày... tháng... năm...".

Thí dụ 2: Vào Đảng ngày02-10-1965

Chính thức ngày02-07-1966

Kết nạp lại ngày20-03-2007

Dòng "Nơi cấp thẻ": Đánh tên đảng bộ tỉnh và tương đương hiện nay của nơi quyết định đổi thẻ, phát thẻ. Ghi đầy đủ cụm từ "Đảng bộ" và tên đầy đủ của đảng bộ đó. Nếu quá dài thì các cụm từ "cơ quan" "Trung ương" được ghi tắt là "C.Q", "T.Ư".

Thí dụ 1: Nơi cấp thẻ Đảng bộ T.P Hồ Chí Minh

Nơi cấp thẻ Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương

- *Ngày tháng năm*: Đánh ngày, tháng, năm cấp thẻ, theo kiểu chữ *Times New Roman* thường, nghiêng (*Italic*), cỡ chữ 10.

**2. Danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên
của cấp ủy cơ sở và chi bộ (Mẫu 1)**

2.1- Mẫu danh sách:

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)....., ngày... tháng... năm...
.....

Mẫu 1

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
				Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6
1					
2					
x					

2.2- Cách ghi:

- Cột 1: Ghi số thứ tự đảng viên được đề nghị
phát thẻ của chi bộ, đảng bộ.
- Cột 2: Ghi họ và tên đảng viên theo kiểu
chữ in có dấu:

Ví dụ: NGUYỄN VĂN QUANG

- Các cột 3, 4, 5, 6: Ghi như lý lịch đảng viên.

+ Riêng quê quán chỉ ghi xã, huyện, tỉnh (xã, huyện dòng trên, tỉnh dòng dưới).

+ Cột 5, 6: Ghi ngày vào Đảng, ngày chính thức lần đầu dòng trên; dòng dưới ghi ngày được kết nạp lại và ngày chính thức của lần kết nạp lại gần nhất.

**3. Danh sách phát thẻ đảng viên của
huyện ủy và tương đương (Mẫu 1-TĐV)**

3.1. Mẫu danh sách:

ĐẢNG BỘ.....
BAN TỔ CHỨC

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày... tháng... năm...
Mẫu 1-TĐV

DANH SÁCH PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
				Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

3.2- Cách ghi:

- Cột 1 "Số thẻ đảng viên": Đánh vi tính số thẻ đảng viên (liên tục, từ nhỏ đến lớn).

- Cột 2 "Họ và tên thường dùng": Đánh vi tính họ và tên thường dùng của đảng viên theo lý lịch đảng viên, bằng chữ in hoa có dấu.

- Cột 3 "Ngày, tháng, năm sinh": Đánh vi tính đầy đủ ngày, tháng, năm sinh theo lý lịch của đảng viên.

- Cột 4 "Quê quán": Đánh vi tính đầy đủ xã, huyện và tương đương: dòng trên ghi xã, phường, thị trấn; dòng dưới ghi huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nếu đảng viên có quê gốc nước ngoài thì: Dòng trên ghi quê gốc nước ngoài, dòng dưới ghi nơi ở hiện nay.

- Cột 5, 6 "Ngày vào Đảng" "Ngày chính thức": Đánh vi tính đầy đủ ngày, tháng, năm vào Đảng, chính thức theo lý lịch đảng viên. Nếu đảng viên được kết nạp lại, thì: dòng trên ghi ngày vào đảng, ngày chính thức lần đầu; dòng dưới ghi ngày kết nạp lại, ngày chính thức của lần kết nạp lại gần nhất.

**4. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ đảng viên
bị mất của cấp ủy cơ sở và chi bộ (Mẫu 1A)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
 ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).... , ngày... tháng... năm...

Mẫu 1A

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ
ĐẢNG VIÊN BỊ MẤT**

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....

4.2- Cách ghi:

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Ghi hoặc đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở (Mẫu 1). Số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên.

- Cột 2: Ghi hoặc đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị mất của đảng viên.

**5. Danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất
của huyện ủy và tương đương (Mẫu 1A-TĐV)**

5.1- Mẫu danh sách:

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC , ngày... tháng... năm...

Mẫu 1A-TĐV

DANH SÁCH CẤP LẠI THẺ ĐẢNG VIÊN BỊ MẤT

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

5.2- Cách ghi:

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở Mẫu 1.

- Cột 2: Đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị mất của đảng viên.

6. Danh sách đề nghị đổi thẻ đảng viên bị hỏng của cấp ủy cơ sở và chi bộ (Mẫu 1B)

6.1- Mẫu danh sách:

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).... .., ngày... tháng... năm...

Mẫu 1B

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐỔI THẺ
ĐẢNG VIÊN BỊ HỎNG**

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

6.2- Cách ghi:

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Ghi hoặc đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở Mẫu 1.

- Cột 2: Ghi hoặc đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị hỏng của đảng viên (gửi kèm theo TĐV hỏng lên cấp ủy cấp trên).

**7. Danh sách đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng
của huyện ủy và tương đương (Mẫu 1B-TĐV)**

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC , ngày... tháng... năm...

Mẫu 1B-TĐV

DANH SÁCH ĐỔI THẺ ĐẢNG VIÊN BỊ HỎNG

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

7.2- Cách ghi:

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở Mẫu 1.

- Cột 2: Đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị hỏng của đảng viên (gửi kèm theo TĐV hỏng lên cấp ủy cấp trên).

8. Quyết định phát thẻ đảng viên (hoặc cấp lại thẻ đảng viên bị mất, hoặc đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng) (Mẫu 2-TĐV)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

HUYỆN ỦY....., ngày... tháng... năm 20...

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
Phát thẻ đảng viên

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương "Thi hành Điều lệ Đảng";

- Căn cứ đề nghị của đảng ủy, chi ủy và Ban Tổ chức Huyện ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phát thẻ đảng viên cho đảng viên/cấp lại thẻ đảng viên bị mất/đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng cho đảng viên.

Phát thẻ đảng viên cho đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở (có danh sách kèm theo).

Cấp lại thẻ đảng viên bị mất cho đảng viên (có danh sách kèm theo).

Đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng cho đảng viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Các đảng ủy, chi ủy cơ sở và đảng viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy theo dõi việc thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Ban TVTU (để báo cáo);
- Các tổ chức đảng ở Điều 2, Điều 3;
- Lưu Văn phòng.

Ghi chú: Mẫu này sử dụng phát thẻ đảng viên hoặc cấp lại thẻ đảng viên bị mất, hoặc đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng. Ghi nội dung 1/ 2/ 3 ở Điều 1 phù hợp với loại quyết định phát thẻ đảng viên hoặc cấp lại thẻ đảng viên bị mất, hoặc đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng.

9. Quyết định phát thẻ đảng viên cho cá nhân đảng viên, nền hoa văn (Mẫu 3-TĐV)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HUYỆN ỦY....., ngày... tháng... năm 20...

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
Phát thẻ đảng viên

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương "Thi hành Điều lệ Đảng";

- Căn cứ đề nghị của Đảng ủy và Ban Tổ chức Huyện ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phát thẻ đảng viên cho đảng viên

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đảng viên,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

10. Quyết định cấp lại thẻ đảng viên bị mất cho cá nhân đảng viên, nền hoa văn (Mẫu 4-TĐV)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

HUYỆN ỦY....., ngày... tháng... năm 20...

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Cấp lại thẻ đảng viên bị mất

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương "Thi hành Điều lệ Đảng";

- Căn cứ đề nghị của Đảng ủy và Ban Tổ chức Huyện ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp lại thẻ đảng viên cho đảng viên.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

.....

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,

Đảng ủy

và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đảng viên,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**11. Quyết định đổi lại thẻ đảng viên bị
hỏng cho cá nhân đảng viên, nền hoa văn
(Mẫu 4A-TĐV)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
....., ngày... tháng... năm 20...
Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam
và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm
2011 của Ban Chấp hành Trung ương "Thi hành
Điều lệ Đảng";

Căn cứ đề nghị của Đảng ủy
và Ban Tổ chức Huyện ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đổi lại thẻ đảng viên cho đảng viên.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm...

chính thức ngày... tháng... năm....

Quê quán:.....
.....

Điều 2: Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,
Đảng ủy

và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Đảng viên,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

12. Sổ phát thẻ đảng viên (Mẫu 5-TĐV)

12.1- Mẫu số:

a) Đảng viên được phát thẻ đảng viên tại đảng bộ

Số TT	Ngày cấp số TĐV, Số TĐV	Họ và tên, Ngày sinh	Ngày vào đảng, Ngày chính thức	Tổ chức CSD Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

b) Đảng viên được phát thẻ ở đảng bộ khác chuyển về

Số TT	Ngày cấp số TĐV, Số TĐV	Họ và tên, Ngày sinh	Ngày vào đảng, Ngày chính thức	Được phát TĐV Tại đảng bộ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

12.2- Sử dụng sổ phát thẻ đảng viên

a) Sử dụng

- Sổ phát thẻ đảng viên do các cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng sử dụng để nắm số lượng đảng viên được phát Thẻ đảng viên của đảng bộ. Do cơ quan tổ chức của cấp ủy quản lý, sử dụng, không để hư hỏng, mất mát, khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản bàn giao chặt chẽ.

- Sổ phát Thẻ đảng viên có 2 phần: phần thứ nhất ghi những đảng viên được phát thẻ đảng viên tại đảng bộ; phần thứ hai ghi những đảng viên được phát Thẻ đảng viên ở đảng bộ khác chuyển về.

c) Cách ghi

- Đảng viên được phát thẻ đảng tại đảng bộ: phần này có 6 cột, mỗi đảng viên ghi vào một ô có 2 dòng, cụ thể như sau:

Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên được phát thẻ đảng viên của đảng bộ.

Cột 2: Dòng trên ghi ngày tháng năm đảng viên được cấp sổ thẻ đảng viên.

Dòng dưới ghi số thẻ đảng viên của đảng viên.

Cột 3: Dòng trên ghi họ, tên đảng viên theo kiểu chữ in hoa, ví dụ: VŨ VĂN BIÊN

Dòng dưới ghi ngày tháng năm sinh của đảng viên.

Cột 4: Dòng trên ghi ngày, tháng, năm vào Đảng của đảng viên.

Dòng dưới ghi ngày, tháng, năm, đảng viên được công nhận là đảng viên chính thức.

Cột 5: Dòng trên ghi tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên được phát thẻ đảng viên.

Dòng dưới: Tổ chức đảng ký nhận thẻ đảng viên.

Cột 6: Ghi các trường hợp: đảng viên ra khỏi Đảng, từ trần, mất thẻ đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng đi đảng bộ huyện, thị... khác.

- Đảng viên được phát thẻ ở đảng bộ khác chuyển về:

Cột 1: Ghi số thứ tự theo thời gian đảng viên có thể đảng được cấp ở đảng bộ khác chuyển về.

Cột 2, 3, 4: Ghi tương tự như ở phần thứ nhất.

Cột 5: Ghi tên đảng bộ nơi đảng viên được phát thẻ.

Chú ý: Cần ghi liên tục không để cách trang, cách dòng trong một trang.

13. Sổ giao, nhận thẻ đảng viên (Mẫu 6-TĐV)

13.1- Mẫu số

Ngày tháng năm	PHẦN GIAO											
	Danh sách phát TĐV				DS cấp lại thẻ bị mất		Danh sách làm lại thẻ bị hỏng			Các loại TĐV khác		
	Số tờ	Số đảng viên	Từ số	Đến số	Số tờ	Số đảng viên	Số tờ	Số đảng viên	TĐV hỏng	Thẻ mất tìm thấy	Thẻ viết hỏng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người nhận ký	PHẦN NHẬN					Ghi chú	
	Thẻ đảng viên			TĐV không số	Người giao ký		
	Số lượng	Từ số	Đến số				
	13	14	15	16	17	18	19

13.2- Hướng dẫn sử dụng sổ giao, nhận thẻ đảng viên

Sổ giao, nhận thẻ đảng viên do ban tổ chức của cấp ủy từ cấp huyện trở lên sử dụng để theo dõi việc làm, phát và quản lý thẻ đảng viên của

đảng bộ. Sổ giao, nhận thẻ đảng viên có 2 phần :
Phần giao và phần nhận các tài liệu về thẻ đảng viên như sau:

a) Phần giao: Là những tài liệu về thẻ đảng viên mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương giao về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương, có 13 cột, cụ thể như sau:

- Cột 1: Ghi ngày, tháng, năm giao tài liệu theo trình tự thời gian.

- Các cột từ 2 đến 12: Ghi số lượng từng loại tài liệu tương ứng mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương giao về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 13: Cán bộ ở ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương nhận các tài liệu nêu trên, ký nhận vào sổ lưu của ban tổ chức huyện ủy và tương đương.

b) Phần nhận: Là những tài liệu về thẻ đảng viên mà ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương nhận ở Ban Tổ chức Trung ương. Có 7 cột, ghi cụ thể như sau :

- Từ cột 14 đến 17: Ghi số lượng từng loại tài liệu tương ứng mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương nhận ở ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 18: Cán bộ ở ban tổ chức huyện ủy và tương đương nhận tài liệu nêu trên, ký nhận vào sổ lưu của ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 19: Ghi chú - ghi số lượng thẻ đảng viên bị hỏng của đảng viên đã thu hồi về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương quản lý và xử lý theo quy định; hoặc số lượng tài liệu cần điều chỉnh bổ sung.

III. QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN

1. Lý lịch đảng viên (Mẫu 1-HSĐV)

MẪU 1-HSĐV
<u>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</u>
LÝ LỊCH ĐẢNG VIÊN
Họ và tên đang dùng:.....
Họ và tên khai sinh:.....
Quê quán:.....
Số LL.....
Số TĐV.....

- a) Kích thước: 20,5 x 14,5 cm.
- b) Bìa: Làm bằng giấy trắng loại 150g trên 1 m².
- c) Ruột: Làm bằng giấy trắng.
- d) Nội dung trong lý lịch đảng viên (gồm 24 trang) cụ thể như sau:

- Trang 1: Sơ lược lý lịch.
- Trang 2: Lịch sử bản thân.
- Trang (3 đến 9): Những công tác đã qua.
- Trang 10: Đặc điểm lịch sử.
- Trang 11: Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua.
- Trang 12: Đi nước ngoài.
- Trang 13: Khen thưởng.
- Trang 14: Kỷ luật.
- Trang (15 đến 23): Hoàn cảnh gia đình.
- Trang 24: Cam đoan ký tên và chứng nhận của cấp ủy cơ sở.

2. Phiếu đảng viên (Mẫu 2-HSĐV)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG BỘ TỈNH (tương đương) : SỐ LÝ LỊCH:

ĐẢNG BỘ HUYỆN (tương đương) : SỐ THẺ ĐẢNG VIÊN:

ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ:.....

ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN:.....

CHI BỘ:.....

PHIẾU ĐẢNG VIÊN

Ảnh
(3 x 4)

01) Họ và tên khai sinh:..... 02) Nam, nữ:.....

03) Họ và tên đang dùng:.....

04) Sinh ngày:.../.../...

05) Nơi sinh:

06) Quê quán:

07) Nơi thường trú:.....

Nơi tạm trú:.....

08) Dân tộc:.....

09) Tôn giáo:

10) Thành phần gia đình:.....

11) Nghề nghiệp của bản thân khi vào Đảng:

12) Công việc chính đang làm:

.....

13) Ngày vào Đảng:.../.../... Tại Chi bộ:.....

Người giới thiệu thứ 1:.....

Chức vụ, đơn vị:.....

Người giới thiệu thứ 2:.....

- Chức vụ, đơn vị:.....
- Ngày chính thức:../../... Tại Chi bộ:.....
- 14) Ngày được tuyển dụng làm cán bộ, công chức:../../... Cơ quan tuyển dụng:
- 15) Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:../../... ..
- 16) Tham gia các tổ chức xã hội khác:
-
- 17) Ngày nhập ngũ:../../.... Ngày xuất ngũ, chuyển ngành ../../.....
-
- 18) Trình độ hiện nay:
- Giáo dục phổ thông:.....
 - Giáo dục đại học và sau đại học:
 - Học hàm:.....
 - Tin học:
 - Giáo dục nghề nghiệp:
 - Lý luận chính trị:.....
 - Ngoại ngữ:
 - Tiếng dân tộc thiểu số:
- 19) Tình trạng sức khỏe bản thân:.....
- Thương binh loại:
 - Gia đình liệt sĩ: ☐ - Gia đình có công với cách mạng: ☐
- 20) Số chứng minh ND:.....
- 21) Được miễn công tác và sinh hoạt đảng ngày

22) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC

[illegible]

**23) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN
MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
NGOẠI NGỮ**

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Từ tháng/năm đến tháng/năm	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

24) Khen thưởng: (*Huân chương, huy chương, bằng khen*).

.....

25) Đã được tặng Huy hiệu Đảng: 30 năm ☐ 40 năm ☐ 50 năm ☐ 55 năm ☐ 60 năm ☐ 65 năm ☐ 70 năm ☐ 75 năm ☐ 80 năm ☐ 85 năm ☐ 90 năm ☐

26) Danh hiệu được phong (*chiến sĩ thi đua; anh hùng "lực lượng vũ trang, lao động"; nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc "nhân dân, ưu tú"*):.....

.....

27) Kỷ luật (*Đảng, chính quyền, pháp luật*):

.....

28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

a) Bị xóa tên trong danh sách đảng viên:

Thời gian:..... tại Chi bộ:

b) Được kết nạp lại vào Đảng:

- Ngày vào Đảng lần thứ 2:...../

...../..... Tại chi bộ:.....

Người giới thiệu 1:.....

Chức vụ, đơn vị:.....

Người giới thiệu 2:.....

Chức vụ, đơn vị:.....

- Ngày chính thức lần thứ 2:...../

...../..... Tại chi bộ:.....

c) Ngày được khôi phục đảng tịch:...../

...../..... Tại chi bộ:.....

.....

d) Bị xử lý theo pháp luật (*ngày, tháng, năm; chính quyền nào xử lý; hình thức xử lý, nơi thi hành án...*):

.....

đ) Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (*ngày, tháng, năm; chức vụ; nơi làm việc...*):.....

.....

29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI

a) Đã đi nước ngoài (*nước nào, lý do, thời gian ra nước ngoài...*):

b) Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài:.....
.....

c) Có người thân ở nước ngoài (*tên người, quan hệ gì, ở nước nào?*):
.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

*Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng);
các con; anh chị em ruột*

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nơi ở hiện nay (trong, ngoài nước), nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác

31) HOÀN CẢNH KINH TẾ CỦA BẢN THÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Tổng thu nhập của hộ gia đình (*trong 1 năm*):
..... đồng, bình quân 1 người/hộ: đồng

- Nhà ở: + Được cấp, được thuê, loại nhà,
tổng diện tích sử dụng..... m²
+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà,
tổng diện tích sử dụng m²

- Đất ở : + Đất được cấp:.....m²
+ Đất tự mua: m²

- Hoạt động kinh tế:
Diện tích đất kinh doanh trang trại.....ha.
Số lao động thuê mướnngười
Những tài sản có giá trị (*50 triệu đồng trở lên*):
Tài sản:..... Giá trị đồng.

.....,

ngày... tháng.. năm...

NGƯỜI KHAI	XÁC NHẬN CỦA	XÁC NHẬN CỦA CẤP
Tôi xin cam đoan những	CHI ỦY CHI BỘ	ỦY CƠ SỞ
lời khai trên đây là đúng	(Chức vụ, ký, đóng dấu,	
sự thật	<i>ghi rõ họ và tên</i>)
Ngày... tháng... năm...	Ngày... tháng... năm...	
<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Chức vụ, ký ghi rõ họ tên)</i>	

3. Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (Mẫu 3-HSDV)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (*tương đương*).....

Số LL:

HUYỆN (*tương đương*)..... **PHIẾU BỔ SUNG**

ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ **HỒ SƠ ĐẢNG** Số TĐV:

VIÊN

ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN:..... (Năm.....) Chỉ ghi những mục có

CHI BỘ:..... nội dung thay đổi so

với năm trước nếu

không thay đổi thì ghi

vào mục đó, chữ "K"

Họ và tên (viết chữ in hoa):.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Mới thay đổi nơi ở:.....

Mới thay đổi về nghề nghiệp; đơn vị công tác:

Chức vụ mới được giao:

- Đảng:.....

- Chính quyền:.....

- Đoàn thể:.....

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp:

Mới thay đổi về trình độ học vấn; chuyên môn
nghề nghiệp vụ:

- Giáo dục phổ thông (*lớp mấy*):.....

- Chuyên môn nghiệp vụ:.....

- Học vị (*tiến sĩ, thạc sĩ*):.....

- Học hàm (*giáo sư, phó giáo sư*):.....

- Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....

- Ngoại ngữ (*Anh, Nga, Pháp... Trình độ A,B,C,D*):.....

Hình thức khen thưởng mới trong năm (*từ bằng khen huy chương trở lên và danh hiệu mới được phong: Anh hùng, chiến sĩ thi đua; nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc nhân dân hoặc ưu tú*):
.....

Bị xử lý kỷ luật trong năm (*Đảng, chính quyền, pháp luật*):.....
.....

Gia đình có gì thay đổi trong năm:

- Cha đẻ:.....

- Mẹ đẻ:.....

- Cha (*vợ hoặc chồng*):.....

- Mẹ (*vợ hoặc chồng*):.....

- Vợ hoặc chồng (*họ và tên, kết hôn, ly hôn, từ trần, chức vụ, công việc mới*):.....
.....

- Con (*họ tên con, mới sinh, mới nhận con nuôi, làm gì, ở đâu... ?*):.....
.....

Có thay đổi về kinh tế của bản thân và gia đình trong năm:

- Tổng mức thu nhập của hộ gia đình:.....
đồng, bình quân người/hộ.....đồng

- Nhà ở:.....

- Đất ở:.....

- Hoạt động kinh tế:

.....
- Tài sản mới có giá trị (50 triệu đồng trở lên):
Tên tài sản mới:.....

.....
giá trị..... đồng.....

- Được miễn công tác và sinh hoạt đảng ngày:

.....
- Kết quả đánh giá chất lượng đảng viên trong
năm:.....

....., ngày... tháng... năm...

XÁC NHẬN	XÁC NHẬN	NGƯỜI KHAI
CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ	CỦA CHI ỦY CHI BỘ	(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Ký, đóng dấu,	(Ký, ghi rõ họ và tên)	
ghi rõ họ và tên)		

**4. Phiếu báo đảng viên được công nhận
chính thức (Mẫu 4-HSDV)**

4.1. Mẫu phiếu báo

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (*tương đương*):....., ngày... tháng... năm...
HUYỆN (*tương đương*) :..... Số LL:.....
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Số TĐV:.....
:.....

**PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHÍNH THỨC**

Họ và tên đang dùng:..... Nam, nữ.....
Sinh ngày... tháng... năm...
Vào Đảng ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ.....
.....
Chính thức ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ...
.....

T/M CẤP ỦY CƠ SỞ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

4.2. Cách ghi

a) Sau khi chi bộ công bố quyết định công nhận đảng viên chính thức, cấp ủy cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch

đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chuyển phiếu báo lên cấp trên trực tiếp theo định kỳ (hàng tuần).

b) Cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên, danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo theo thứ tự trong sổ theo dõi đảng viên được công nhận chính thức của đảng bộ để quản lý.

c) Các mục trong phiếu báo ghi như nội dung tương ứng trong lý lịch của đảng viên.

**5. Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng
(Mẫu 5-HSDV)**

5.1. Mẫu phiếu báo

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (tương đương):....., ngày... tháng... năm...

HUYỆN (tương đương):..... Số LL:.....

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Số TĐV:.....

:.....

PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN RA KHỎI ĐẢNG

Họ và tên đang dùng:.....Nam, nữ.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ.....

.....

Chính thức ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ..

.....

Ra khỏi Đảng ngày... tháng... năm...

Hình thức ra khỏi Đảng (*khai trừ, xóa tên, xin ra*):.....

Lý do ra khỏi Đảng (*về lịch sử chính trị; phẩm chất chính trị; nguyên tắc tổ chức; đạo đức lối sống...*):

.....

T/M CẤP ỦY CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

5.2. Cách ghi

a) Sau khi chi bộ công bố quyết định của cấp ủy có thẩm quyền thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên (hoặc quyết định xóa tên, cho đảng viên ra khỏi Đảng), cấp ủy cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ; chuyển phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên của người đó lên cấp ủy cấp trên trực tiếp theo định kỳ (hàng tuần).

b) Cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo và hồ sơ đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên theo thứ tự trong sổ theo dõi đảng viên ra khỏi Đảng của đảng bộ để quản lý.

c) Ghi các mục trong phiếu báo như nội dung tương ứng trong lý lịch đảng viên và quyết định của cấp ủy có thẩm quyền cho đảng viên ra khỏi Đảng theo các hình thức.

6. Phiếu báo đảng viên từ trần (Mẫu 6-HSDV)

6.1. Mẫu phiếu báo

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (tương đương):....., ngày... tháng... năm...
HUYỆN (tương đương):..... Số LL:.....
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Số TĐV:.....
:.....

PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN TỪ TRẦN

Họ và tên đang dùng:.....
Nam, nữ....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ....

.....

Chính thức ngày... tháng... năm..., tại Chi bộ....

.....

Từ trần ngày... tháng... năm...

Lý do từ trần (ốm đau, tai nạn, hy sinh trong
khi làm nhiệm vụ, lý do khác):.....

.....

T/M CẤP ỦY CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

6.2. Cách ghi:

a) Sau khi đảng viên từ trần, cấp ủy cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ; chuyển phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên đó lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

b) Cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo và hồ sơ đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên, danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên từ trần của đảng bộ để quản lý.

c) Ghi các mục trong phiếu báo như nội dung tương ứng trong lý lịch của đảng viên.

7. Sổ danh sách đảng viên (Mẫu 7-HSDV)

7.1. Mẫu số:

Số TT	Họ và tên Họ và tên khai sinh	Nam, nữ, dân tộc, tôn giáo	Quê quán	Văn hoá, lý luận, CMNV, ngoại ngữ	Nghề nghiệp trước khi vào Đảng, Nghề nghiệp hiện nay	Ngày vào Đảng, ngày chính thức
1	2	3	4	5	6	7

Số thẻ đảng viên, số lý lịch đảng viên	Bộ đội, công an, hưu trí	Ngày chuyển đi, đến đảng bộ cơ sở	Ngày chuyển đến, ở đảng bộ cơ sở nào đến	Ngày từ trần, lý do	Ngày ra khỏi Đảng, hình thức ra Đảng	Ghi chú
8	9	10	11	12	13	14

7.2. Sử dụng danh sách đảng viên

a) Sử dụng bảo quản:

- Danh sách đảng viên do chi ủy, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng sử dụng để nắm số lượng đảng viên của chi bộ, đảng bộ.

- Do đồng chí bí thư, phó bí thư, ủy viên phụ trách tổ chức hoặc cán bộ tổ chức được cấp ủy giao trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo quản, kịp thời bổ sung những biến động của đảng viên, 3 tháng một lần đối khớp số lượng đảng viên với tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và cấp trên trực tiếp để thống nhất số lượng.

- Mỗi lần kiểm tra đối khớp số lượng đảng viên của đảng bộ (chi bộ) với cấp trên: Dùng bút mực đỏ, gạch ngang cuối danh sách tại thời điểm đối khớp, ghi rõ số lượng đảng viên có mặt vào thời điểm đó, cấp ủy cấp trên ký tên đóng dấu xác nhận.

- Những đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi, từ trần, ra khỏi Đảng không được gạch bỏ trong danh sách mà chỉ đánh dấu mực đỏ vào các cột 10,12,13 để phân biệt số đảng viên còn sinh hoạt đảng và số đảng viên không còn trong đảng bộ nữa.

- Khi không sử dụng, hoặc thay đổi tổ chức (giải thể, giải tán...) phải bàn giao danh sách đảng viên cho cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý. Khi thay cán bộ quản lý phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

- Người quản lý danh sách đảng viên không thực hiện đúng quy định hoặc để mất, hư hỏng phải được kiểm điểm nghiêm túc, tùy theo mức độ sai phạm mà xét thi hành kỷ luật của Đảng.

b) Cách ghi:

Danh sách đảng viên gồm 14 cột, có 9 dòng kẻ

đậm, mỗi dòng kẻ đậm có 4 dòng kẻ nhỏ để ghi cho một đảng viên, được ghi cụ thể như sau:

Cột 1: Ghi số thứ tự từng đảng viên từ nhỏ đến lớn, không ghi cách dòng, cách trang.

Cột 2: Dòng 1 ghi rõ họ tên trong lý lịch đảng theo kiểu chữ in có dấu.

Dòng 2 ghi họ tên khai sinh.

Dòng 3 ghi ngày tháng năm sinh.

Cột 3: Dòng 1 ghi chữ nam hoặc chữ nữ.

Dòng 2 ghi rõ dân tộc: Kinh, Tày, Nùng...

Dòng 3 ghi rõ tôn giáo: Thiên chúa giáo, Phật giáo...

Cột 4: Ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh... nơi gia đình họ hàng của cha đẻ sinh sống từ nhiều đời; trường hợp cá biệt có thể ghi theo quê quán của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng từ nhỏ.

Cột 5: Dòng 1 ghi rõ trình độ học vấn: Phổ thông, lớp mấy của hệ 10 năm hoặc hệ 12 năm.

Dòng 2 ghi rõ trình độ lý luận: Sơ cấp, trung cấp, cao cấp hoặc cử nhân (chỉ ghi trình độ cao nhất).

Dòng 3 ghi chuyên môn nghiệp vụ: Ghi theo văn bằng được cấp (công nhân kỹ thuật, trung cấp, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ...).

Dòng 4 ghi ngoại ngữ biết thành thạo nhất: Nga văn, Anh văn...

Cột 6 : Dòng 1+2 ghi rõ nghề nghiệp trước khi vào Đảng: công nhân, nông dân...

Dòng 3+4 ghi rõ nghề nghiệp đang làm hiện nay: công nhân, bộ đội, công an, công chức...

Cột 7: Dòng 1 ghi ngày tháng năm được kết nạp vào Đảng.

Dòng 2 ghi ngày tháng năm được công nhận chính thức.

Cột 8: Dòng 1 ghi số thẻ đảng viên (mỗi số ghi vào một ô).

Dòng 2 ghi số lý lịch đảng viên (mỗi số ghi vào một ô, ký hiệu được ghi vào 2 ô cuối).

Cột 9: Dòng 1 ghi bộ đội hoặc công an.

Dòng 2 ghi tại ngũ nếu còn tại ngũ hoặc chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ.

Dòng 3 ghi nghỉ hưu hoặc mất sức...

Cột 10: Dòng 1 ghi ngày tháng năm chi bộ giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi, đến đảng bộ khác.

Dòng 2 + 3 ghi tên tổ chức cơ sở đảng, huyện, tỉnh nơi đảng viên sẽ chuyển sinh hoạt đảng đến.

Cột 11: Dòng 1 ghi ngày tháng năm chi bộ tiếp nhận đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi từ đảng bộ khác về đảng bộ.

Dòng 2 + 3 ghi tên tổ chức cơ sở đảng, huyện, tỉnh nơi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng.

Cột 12: Dòng 1 ghi ngày tháng năm từ trần.

Dòng 2 ghi lý do từ trần: ốm đau, tai nạn lao động...

Các dòng còn lại ghi đã lập danh sách, ngày tháng năm để báo cáo cấp trên.

Cột 13: Dòng 1 ghi ngày tháng năm bị đưa ra khỏi Đảng.

Dòng 2 ghi hình thức ra Đảng (cho ra, xóa tên, khai trừ). Các dòng còn lại ghi đã lập danh sách, ngày tháng năm báo cáo cấp trên.

Cột 14: Ghi chú: Dòng 1 + 2 đảng viên ký nhận thẻ đảng viên. Các dòng còn lại ghi những trường hợp: mất tích, trốn ra nước ngoài, dứt sinh hoạt đảng, bị bắt, bị tù...

8. Sổ đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 8-HSDV)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Ngày quyết định ra đảng	Xin ra	Xóa tên	Khai trừ	Lý do đưa ra
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

9. Sổ đảng viên đã từ trần (Mẫu 9-HSDV)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Ngày từ trần	Lý do từ trần
1	2	3	4	5	6	7	8

10. Sổ giao nhận hồ sơ đảng viên (Mẫu 10-HSDV)

Số TT	Ngày, tháng, năm	Hồ sơ đảng viên của ai ? Các tài liệu trong hồ sơ	Người giao (ký và ghi rõ họ tên)	Người nhận (ký và ghi rõ họ tên)

11. Sổ cho mượn đọc hồ sơ đảng viên (Mẫu 11-HSDV)

Số TT	Ngày, tháng, năm Họ và tên người mượn	Hồ sơ đảng viên của ai ? Các tài liệu trong hồ sơ	Người mượn ký	Đã trả hồ sơ ngày, tháng, năm

12. Mục lục tài liệu trong hồ sơ đảng viên (Mẫu 12-HSDV)

ĐẢNG BỘ ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày... tháng... năm...
.....

MỤC LỤC

Tài liệu trong hồ sơ đảng viên của đồng chí....

TT	Tên tài liệu	Số văn bản	Ngày ra văn bản	Có hoặc không	Lý do không có tài liệu
1	2	3	4	5	6
I	KHI ĐƯỢC KẾT NẠP VÀO ĐẢNG:				
1					
2					
II	KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC:				
1					
2					
III	CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN:				
1	Các bản bổ sung hồ sơ đảng viên hàng năm và khi chuyển công tác, thay đổi nơi ở				
-					
-					
2	Các quyết định của cấp ủy có thẩm quyền (đảng, chính quyền, đoàn thể) về điều động, đề bạt, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, khen thưởng, kỷ luật...				
-					
-					
3	Hệ thống giấy giới thiệu sinh hoạt đảng từ khi vào Đảng đến nay				
-					
-					

4	Các bản tự kiểm điểm của đảng viên hàng năm và khi chuyển sinh hoạt đảng				
-					
-					
5	Các tài liệu khác (nếu có)				

T/M CẤP ỦY QUẢN LÝ

HSDV

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Trong mục tài liệu hồ sơ đảng viên ghi đủ các tài liệu quy định điểm 8 (8.1) Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 05-01-2012 của Ban Bí thư, tài liệu nào không có thì ghi chữ "không" vào cột 5 và ghi lý do không có vào cột 6 bản mục lục.
- Nếu chưa có xác nhận của cấp ủy vào bản mục lục này thì chưa tiếp nhận đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đến.

IV. GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG

1. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức "Loại 10 ô", có nền hoa văn màu xanh lá mạ (Mẫu 1-SHD)

a) Mặt trước giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức:

1. Số SDV..... Số TĐV
- Số TĐV.....
2. Đồng chí
3. Tên đảng bộ (chi bộ) cơ sở chuyển đi.....
-
4. Tên đảng bộ (chi bộ) cơ sở chuyển đến.....

Ngày... tháng... năm...

KÝ TÊN

Viết rõ ràng, lưu lại cuống để
thanh toán với cấp trên

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM CT

ĐẢNG BỘ **GIẤY GIỚI THIỆU** Số TĐV.....

CHI BỘ **SINH HOẠT ĐẢNG** Số LL.....

.....

Số SDV.....

Kính gửi :.....

Đề nghị giới thiệu cho đồng chí.....Bí danh.....

Sinh ngày... tháng... năm... vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm... đã đóng Đảng phí hết tháng... năm...

được sinh hoạt đảng ở đảng bộ (chi bộ) cơ sở.....

.....

Hồ sơ kèm theo.....

Số.....GTSHĐ
KÍNH CHUYỂN

Ngày... tháng... năm...
T.M CHI ỦY CHI
BỘ.....

.....
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng
chí.....

.....
Ngày... tháng... năm...
T.M.....

Số.....GTSHĐ
KÍNH CHUYỂN

.....
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng
chí.....

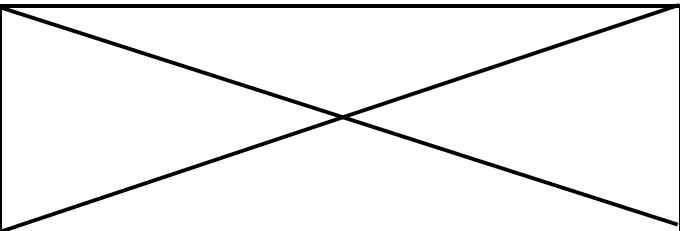
.....
Kèm theo
Ngày... tháng... năm...
T.M.....

Số.....GTSHĐ
KÍNH CHUYỂN

.....
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho
đồng chí.....

.....
Kèm theo
Ngày... tháng... năm...
T.M.....

*b) Mặt sau giấy giới thiệu sinh hoạt đảng
chính thức:*

	
Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN	Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN
.....

Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... Kèm theo..... Ngày...tháng...năm... T.M	Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... Ngày...tháng...năm... T.M
Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... Ngày...tháng...năm... T.M	Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... Ngày...tháng...năm... T.M
Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN CHI ỦY CHI BỘ Giới thiệu cho đồng chí..... được sinh hoạt Đảng. Ngày... tháng...năm.... T.M	Số.....SDV CHI ỦY CHI BỘ Đã nhận và báo cho đồng chí..... được sinh hoạt Đảng kể từ ngày... tháng.... năm.... Ngày... tháng...năm.... T.M CHI ỦY Ghi xong chuyển giấy này lên văn phòng ĐUCS

**2. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời
"Loại 8 ô", có nền hoa văn màu vàng chanh
(Mẫu 2-SHĐ)**

*a) Mặt trước giấy giới thiệu sinh hoạt đảng
tạm thời:*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG BỘ CƠ SỞ.....

CHI BỘ..... **GIẤY GIỚI THIỆU** Số TĐV.....

Số SDV..... **SINH HOẠT ĐẢNG** Số LL.....

TẠM THỜI

Kính gửi :.....

Đề nghị giới thiệu SHĐ cho đồng chí.....Bí danh.....

Sinh ngày... tháng... năm... vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm... đã đóng Đảng phí hết tháng...

được sinh hoạt đảng ở tổ chức cơ sở đảng.....

Hồ sơ kèm theo.....

Số.....GTSHĐ Ngày... tháng... năm...

KÍNH CHUYỂN

T.M CHI ỦY CHI BỘ.....

Đề nghị nhận và GTSHĐ cho

đồng chí:

Ngày... tháng... năm...

T.M ĐẢNG ỦY.....

Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN	Số..... GTSHĐ CHI ỦY CHI BỘ
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....	Đã nhận và báo cho đồng chí
Ngày... tháng... năm... T.M ĐẢNG ỦY.....	Được SHĐ kể từ ngày... tháng... năm... T.M CHI ỦY CHI BỘ.....

b) Mặt sau giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời:

Số SDV.....	Số.....GTSHĐ
CHI ỦY CHI BỘ	KÍNH CHUYỂN
<i>Kính gửi:</i>	Đề nghị nhận và GTSHĐ
Đề nghị giới thiệu đồng chí.....	cho đồng chí.....
Đã đóng đảng phí hết tháng... năm...	Hồ sơ kèm theo.....
Được trở về sinh hoạt đảng ở.....	
Ngày... tháng... năm...	Ngày... tháng... năm...
T.M CHI ỦY CHI BỘ.....	T.M ĐẢNG ỦY.....

Số.....GTSHĐ	Số SDV.....
KÍNH CHUYỂN	CHI ỦY CHI BỘ
Chi ủy chi bộ.....	
Tiếp nhận đồng chí.....	Đề nghị nhận và báo cho
về sinh hoạt đảng.	đồng chí.....
	Được SHĐ kể từ
	ngày... tháng... năm...
Ngày... tháng... năm...	Ngày... tháng... năm...
T.M ĐẢNG ỦY.....	T.M CHI ỦY CHI BỘ.....

<u>Lưu tại văn phòng cấp ủy cơ sở</u>	
Cấp ủy cơ sở nơi đảng viên SHĐ	
tạm thời ghi thời gian gia hạn	

3. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra ngoài nước "Loại 2 ô", có nền hoa văn màu hồng đào (Mẫu 3-SHĐ)

ĐẢNG ỦY	<u>ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM</u>	
NGOÀI NƯỚC		
*	GIẤY GIỚI THIỆU	NN
Số.....GTSHĐ	SINH HOẠT ĐẢNG	Số TĐV.....
	RA NGOÀI NƯỚC	Số LL:.....

ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC

Đã tiếp nhận giấy giới thiệu số...../
GTSHĐ ngày... tháng... năm... (kèm theo hồ sơ
đảng viên) của.....

Giới thiệu đồng chí..... sinh ngày...
tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm... Chính thức
ngày... tháng... năm...

Được sinh hoạt đảng (chính thức, hoặc tạm
thời, hay đơn lẻ): tại:....., từ
ngày... tháng... năm...

Ngày... tháng... năm...

T/M ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC

Số.....GTSHĐ

Kính gửi:.....

Đề nghị tiếp nhận và GTSHĐ cho đồng chí
.....

Đã đóng đảng phí hết tháng... năm... về sinh
hoạt đảng tại tổ chức cơ sở đảng:
kèm theo hồ sơ đảng viên đã niêm phong theo
quy định.

Ngày... tháng... năm...

T/M ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC

Đảng ủy Ngoài nước quản lý .

4. Phiếu công tác chính thức ngoài nước
(dùng cho đảng viên ra ngoài nước từ 12 tháng trở lên) (Mẫu 3A-SHD)

TỈNH ỦY	<u>ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM</u>
(<i>tương đương</i>):	
.....	PHIẾU CÔNG TÁC CHÍNH
HUYỆN ỦY	THỨC NGOÀI NƯỚC
(<i>tương đương</i>):	Số TĐV.....
.....	Số LL:.....
*	

Số.....PCTNN

Kính gửi:

Giới thiệu đồng chí.....
sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm... Chính thức
ngày... tháng... năm...

Số thẻ đảng:

.....

1) Phần thông tin trong nước:

Nghề nghiệp:

Nơi công tác trong nước (tên, địa chỉ, số điện
thoại):

.....

Nơi ở trong nước (địa chỉ, số điện thoại):

.....

Hộp thư điện tử (Email):

Là đảng viên của chi bộ:

Thuộc đảng bộ (địa chỉ, điện thoại):

2) Phần thông tin ngoài nước:

Đi đến nước: thời gian
từ đến

Mục đích ra ngoài nước (công tác, học tập, lao
động):
.....

Địa chỉ nơi làm việc (tên cơ quan, trường học...):
.....

Địa chỉ nơi sinh sống:

Điện thoại:

....., ngày... tháng... năm...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Đảng viên ra nước ngoài trong thời hạn 60 ngày làm việc phải nộp Phiếu công tác chính thức ngoài nước cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại (cấp ủy nước) để được tiếp nhận sinh hoạt đảng. Khi về nước phải có bản kiểm điểm và xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại.

5. Phiếu công tác tạm thời ngoài nước
(dùng cho đảng viên ra ngoài nước từ 3 đến 12 tháng)
(Mẫu 3B-SHD)

ĐẢNG ỦY ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
..... Số TĐV.....
* **PHIẾU CÔNG TÁC** Số LL:.....
Số.....PTTN **TẠM THỜI NGOÀI NƯỚC**

Kính gửi:.....

Giới thiệu đồng chí.....

sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm... Chính thức
ngày... tháng... năm...

Số thẻ đảng:

1) Phần thông tin trong nước:

Nghề nghiệp:

Nơi công tác trong nước (tên, địa chỉ, số điện
thoại):

Nơi ở trong nước (địa chỉ, số điện thoại):
.....

Hộp thư điện tử (Email):

Là đảng viên của chi bộ:
.....

Thuộc đảng bộ (địa chỉ, điện thoại):

2) Phần thông tin ngoài nước:

Đi đến nước: thời
gian từ đến

Mục đích ra ngoài nước (công tác, học tập, lao
động):

Địa chỉ nơi làm việc (tên cơ quan, trường
học...):

Địa chỉ nơi sinh sống:
.....

Điện thoại:

....., ngày... tháng... năm...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Đảng viên ra nước ngoài trong thời hạn 1
tháng phải nộp Phiếu công tác tạm thời ngoài nước cho
cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại (cấp ủy nước)
để được tiếp nhận sinh hoạt đảng. Khi về nước phải có
bản kiểm điểm và xác nhận của cơ quan đại diện Việt
Nam ở nước sở tại.

6. Báo cáo danh sách đảng viên chuyển sinh tại chính thức ra ngoài nước (Mẫu 3C-SHD)

BÁO CÁO

DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN CHUYỂN

SINH HOẠT ĐẢNG CHÍNH THỨC

RA NGOÀI NƯỚC

.....

*

Số..... BC

Kính gửi: Đảng ủy Ngoài nước

[illegible]

....., ngày... tháng... năm...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhân:

- Như trên,
- Lưu BTV.

ĐẢNG ỦY
.....
*
Số..... BC

[illegible]

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhân:

- 207

8. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ "Loại 5 ô", có nền hoa văn màu nôn chuôi (Mẫu 4-SHĐ)

ĐẢNG BỘ CHI BỘ CƠ SỞ **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

Số SDV..... **GIẤY GIỚI THIỆU** Số TĐV....
SINH HOẠT ĐẢNG Số LL.....
NỘI BỘ

Kính gửi:.....

Đề nghị giới thiệu SHĐ cho đồng chí.....Bí danh.....
 Sinh ngày... tháng... năm... vào Đảng ngày... tháng... năm...
 Chính thức ngày... tháng... năm..., đã đóng Đảng phí hết tháng...
 được sinh hoạt đảng ở Chi bộ:.....

Ngày... tháng... năm...
T.M CHI ỦY CHI BỘ.....

Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN	Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....	Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....
Ngày... tháng... năm... T.M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN...	Ngày... tháng... năm... T.M ĐẢNG ỦY CƠ SỞ.....
Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN CHI ỦY CHI BỘ.....	Số SDV..... CHI ỦY CHI BỘ
Đề giới thiệu cho đồng chí..... được sinh hoạt đảng.....	Đã nhận và báo cho đồng chí... được sinh hoạt đảng kể từ ngày...tháng... năm...
Ngày...tháng... năm... T.M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN...	T.M CHI ỦY CHI BỘ..... Ghi xong chuyển giấy này lên văn phòng ĐUCS

9. Giấy giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ ở nơi cư trú "loại 1 ô" do ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương in ấn phát hành (Mẫu 5-SHD)

TỈNH ỦY (Tương đương): **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....
HUYỆN ỦY (Tương đương): ngày... tháng... năm...

.....
ĐẢNG BỘ (CHI BỘ) CƠ SỞ:

.....
*

Số GGT/ĐV

*"Về việc đảng viên thường xuyên
giữ mối liên hệ với chi ủy,
đảng ủy cơ sở nơi cư trú"*

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:.....

.....

Để đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú theo Quy định số 76 QĐ/TW ngày 15 tháng 6 năm 2000 của Bộ Chính trị.

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ.....

Giới thiệu đồng chí..... Nam, nữ.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Kết nạp vào Đảng ngày....., công nhận chính thức ngày.....

Đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ.....
.....

Hiện cư trú tại:.....
.....

Đề nghị các đồng chí tiếp nhận và tạo điều kiện cho đảng viên..... hoàn thành nhiệm vụ.

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

10. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ cơ sở (Mẫu 6-SHD)

ĐẢNG BỘ:..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY:..... ngày... tháng... năm...

*

Số -QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số: ngày... tháng... năm... của, về việc.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Chi bộ.....
và..... đảng viên trực thuộc Đảng
ủy cơ sở (có danh
sách kèm theo) về Đảng bộ cơ sở (chi bộ cơ sở)
.....

Điều 2. Chi ủy chi bộ.....
có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách
và đảng viên của chi bộ nêu trên kèm theo hồ sơ
đảng viên với chi ủy chi bộ nơi nhận.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, Chi bộ
và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VP,

Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

11. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ cơ sở (Mẫu 6A-SHD)

TỈNH ỦY (tương đương):..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

HUYỆN ỦY (tương đương):..... ngày... tháng... năm....

*

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của,
về việc

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Chi bộ.....
và..... đảng viên trực thuộc Đảng
ủy cơ sở
(có danh sách kèm theo) về Đảng bộ cơ sở (chi bộ

cơ sở).....
.....

Điều 2. Đảng ủy cơ sở..... có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách và đảng viên của chi bộ nêu trên kèm theo hồ sơ đảng viên với Đảng ủy cơ sở nơi nhận chi bộ và đảng viên.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, Chi bộ và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Lưu VP,
- Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

12. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ huyện và tương đương (Mẫu 7-SHD)

TỈNH ỦY (tương đương):..... ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HUYỆN ỦY (tương đương):..... ngày... tháng... năm....

*

Số - QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của
về việc.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Đảng bộ (Chi bộ) cơ sở
.....và.....
..... đảng viên trực thuộc Huyện ủy (có danh

sách kèm theo) về Đảng bộ (chi bộ cơ sở).....

Điều 2. Đảng ủy (chi ủy) cơ sở.....
có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách
và đảng viên của đảng bộ (chi bộ) nêu trên kèm
theo hồ sơ đảng viên với Đảng ủy cơ sở nơi nhận.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, Đảng ủy (Chi
ủy)..... và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

- Lưu VP,

Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

13. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ huyện và tương đương (Mẫu 7A-SHD)

TỈNH ỦY (tương đương):..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

*

.....ngày... tháng... năm....

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của
.....,
về việc.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Đảng bộ (Chi bộ) cơ sở
.....và..... đảng viên
trực thuộc Huyện ủy (có danh sách kèm theo)

về.....
.....

Điều 2. Ban tổ chức huyện ủy (và tương đương) có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách và đảng viên của đảng bộ (chi bộ) nêu trên kèm theo hồ sơ đảng viên với Huyện ủy (và tương đương) nơi nhận.

Điều 3. Huyện ủy và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VP,
- Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

14. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện (và tương đương) chia tách hoặc sáp nhập trong phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương (Mẫu 8-SHD)

TỈNH ỦY (tương đương):..... ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

.....ngày... tháng... năm....

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của
về việc.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Đảng bộ huyện (và tương đương)và..... đảng viên (có danh sách kèm theo) về Đảng bộ
.....

Gồm Tổ chức cơ sở đảng và
đảng viên, trong đó có đảng viên dự bị.

Điều 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách và đảng viên của đảng bộ huyện (và tương đương) nêu trên kèm theo hồ sơ đảng viên với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) nơi nhận.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy (tương đương)và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

- Lưu VP,

Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

15. Quyết định chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện (và tương đương) chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương (Mẫu 8A-SHĐ)

TỈNH ỦY (tương đương):..... **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*

.....ngày... tháng... năm....

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của,
về việc.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Đảng bộ huyện (và tương đương).....và.....
đảng viên (có danh sách kèm theo) về Đảng bộ.....
.....

Gồm Tổ chức cơ sở đảng và
đảng viên, trong đó có đảng viên dự bị.

Điều 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách và đảng viên của đảng bộ huyện (và tương đương) nêu trên kèm theo hồ sơ đảng viên với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) nơi nhận.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy (tương đương) và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

- Lưu VP,

Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

16. Quyết định tiếp nhận tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện (và tương đương) chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ trực thuộc Trung ương (Mẫu 8B-SHD)

TỈNH ỦY (tương đương):..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

*

.....ngày... tháng... năm....

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Tiếp nhận tổ chức đảng và đảng viên

Căn cứ Điều 6 Điều lệ Đảng và điểm 13 (13.3.4) Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

Căn cứ Quyết định số:
ngày... tháng... năm... của,
về việc.....
.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tiếp nhận Đảng bộ huyện (và tương đương)và.....
đảng viên (có danh sách kèm theo) về Đảng bộ
.....

Gồm Tổ chức cơ sở đảng
và đảng viên, trong đó có
đảng viên dự bị.

Điều 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) có trách nhiệm lập biên bản bàn giao sổ danh sách và đảng viên của đảng bộ huyện (và tương đương) nêu trên kèm theo hồ sơ đảng viên với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tương đương) nơi chuyển giao.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy (tương đương) và đảng viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

- Lưu VP,

Ban tổ chức.....

T/M BAN CHẤP HÀNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

17. Biên bản giao nhận sổ Danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 9-SHD)

ĐẢNG BỘ BÊN GIAO

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....
ĐẢNG BỘ BÊN NHẬN

....., ngày... tháng... năm....
.....

BIÊN BẢN

Bản giao sổ Danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên

Thực hiện Quyết định số..... QĐ/.....
ngày... tháng... năm... của.....
về việc chuyển giao tổ chức và đảng viên.

- Đại diện Đảng ủy (Chi ủy)
bên giao là đồng chí.....
Chức vụ

- Đại diện Đảng ủy (Chi ủy)
bên nhận là đồng chí.....
Chức vụ.....

Hai bên đã tiến hành kiểm tra, giao nhận sổ
Danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của Đảng
bộ (Chi bộ)
cụ thể như sau:

1. Về sổ Danh sách đảng viên.....

quyền của..... Đảng bộ (Chi bộ).

2. Về hồ sơ đảng viên

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đang sinh hoạt là..... hồ sơ, còn thiếu..... hồ sơ (có danh sách đảng viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ kết nạp của đảng viên dự bị là hồ sơ, còn thiếu..... hồ sơ (có danh sách đảng viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng là..... hồ sơ (kèm theo sổ đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đã từ trần là hồ sơ (kèm theo sổ đảng viên đã từ trần).

3. Những nội dung có liên quan đến việc bàn giao

.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 3 bản, bên giao lưu 1 và bên nhận lưu 2 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, (Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ,

họ và tên)

họ và tên)

**18. Biên bản giao nhận sổ Danh sách
đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức
đảng chia tách hoặc sáp nhập do ban tổ chức
lập (Mẫu 9A-SHD)**

ĐẢNG BỘ BÊN GIAO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
.....
BAN TỔ CHỨC BÊN GIAO
.....
ĐẢNG BỘ BÊN NHẬN , ngày... tháng... năm...
.....

BIÊN BẢN
Bàn giao sổ Danh sách đảng viên và hồ sơ
đảng viên

Thực hiện Quyết định số..... QĐ/.....
ngày... tháng... năm... của.....
về việc chuyển giao tổ chức và đảng viên.

- Đại diện Ban Tổ chức.....
bên giao là đồng chí.....
Chức vụ.....

- Đại diện Ban Tổ chức.....
bên nhận là đồng chí.....
Chức vụ.....

Hai ban tổ chức đã tiến hành kiểm tra, giao
nhận sổ Danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên
của Đảng bộ (Chi bộ).....
cụ thể như sau:

1. Về sổ Danh sách đảng viên.....
quyển của.....tổ chức cơ sở đảng (có
danh sách các tổ chức cơ sở đảng kèm theo).

2. Về hồ sơ đảng viên

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đang sinh hoạt
là..... hồ sơ, còn
thiếu..... hồ sơ (có danh
sách đảng viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ kết nạp của đảng viên dự bị
là..... hồ sơ, còn thiếu
..... hồ sơ (có danh sách đảng
viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên bị đưa ra khỏi
Đảng là..... hồ sơ
(kèm theo sổ đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đã từ trần
là.....hồ sơ (kèm theo sổ đảng
viên đã từ trần).

**3. Những nội dung có liên quan đến việc
bàn giao**

.....
Biên bản này được lập thành 3 bản, bên giao
lưu 1 và bên nhận lưu 2 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, (Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ,

họ và tên)

họ và tên)

19. Sổ giới thiệu sinh hoạt đảng (Mẫu 10-SHD)

a) Mẫu số

SỔ GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG

Số TT	Ngày giới thiệu đảng viên đi, ngày tiếp nhận đảng viên đến	Họ và tên, Ngày sinh	Ngày vào Đảng, ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	GIỚI THIỆU ĐẢNG VIÊN ĐI		
					Tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên đến SHĐ	Cấp ủy trực tiếp giới thiệu đảng viên đi	Cấp ủy trực tiếp nhận và giới thiệu đảng viên
1	2	3	4	5	6	7	8

TIẾP NHẬN ĐẢNG VIÊN ĐẾN				CHUYỂN SINH HOẠT ĐẢNG CHÍNH THỨC							Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời
TCCS Đảng nơi giới thiệu đảng viên chuyển SHĐ đi	Cấp ủy trực tiếp giới thiệu đảng viên đến	Cấp ủy trực tiếp nhận và giới thiệu ĐV	TCCS Đảng nơi đảng viên đến SHĐ	Ngoài tỉnh đến	Trong tỉnh đến	Trong huyện đến	Đi ngoài tỉnh	Đi trong tỉnh	Đi trong huyện	Đi ra ngoài nước	
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

b) Cách ghi

Sổ giới thiệu sinh hoạt đảng (SHĐ) do đảng ủy bộ phận (nếu có), cấp ủy cơ sở, các cấp ủy cấp trên (huyện, tỉnh...) sử dụng quản lý đảng viên chuyển SHĐ. Mẫu sổ giới thiệu SHĐ có 20 cột, mỗi ô ngăn cách giữa hai dòng kẻ đậm viết cho một đảng viên, cụ thể như sau:

- Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo trình tự thời gian giới thiệu hoặc tiếp nhận đảng viên chuyển SHĐ của đảng bộ.

- Cột 2: Ghi ngày làm thủ tục giới thiệu đảng viên đi hoặc tiếp nhận đảng viên chuyển đến SHĐ chính thức hoặc chuyển tạm thời.

- Cột 3 đến cột 12: Ghi như trong giấy giới thiệu SHĐ của đảng viên.

- Cột 13 đến cột 15: Ghi dấu cộng (+) khi tiếp nhận đảng viên đến.

- Cột 16 đến cột 19: Ghi dấu trừ (-) khi giới thiệu đảng viên đi.

- Cột 19: Ghi dấu nhân (x) khi đảng viên chuyển SHĐ ra nước ngoài.

- Cột 20: Dòng 1 ghi dấu trừ (-) khi đảng viên chuyển SHĐ tạm thời đi, dòng 2 ghi dấu cộng (+) khi đảng viên chuyển SHĐ tạm thời trở về SHĐ chính thức ở đảng bộ.

a) Mẫu phiếu

b) Cách ghi

231

chuyển đến; 1 phiếu gửi cấp ủy cơ sở nơi đảng viên chuyển đến).

- Nội dung ghi phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng như sau:

Mục "kính gửi": Ghi tên Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển sinh hoạt đến.

Các mục từ "Họ và tên" đến mục "chuyển sinh hoạt đảng về đảng bộ cơ sở" ghi như các mục tương ứng trong ô số 1 giấy giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng viên.

Mục "ngày, tháng, năm": ghi ngày tháng năm viết phiếu báo.

c) *Quản lý, sử dụng phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng*

- Cán bộ làm công tác giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi ghi phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng; quản lý chặt chẽ cuống phiếu báo; cập nhật vào cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ.

- Cán bộ làm công tác giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi nhận phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng đến, vào sổ theo dõi, sắp xếp, quản lý chặt chẽ phiếu báo; theo dõi đảng viên chuyển đến trong cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ; tổng hợp tình hình đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ở các nơi chuyển đến, báo cáo với cấp ủy theo định kỳ hàng tháng.

21. Công văn giới thiệu đảng viên do yêu cầu phải chuyển sinh hoạt đảng tiếp (Mẫu 12-SHD)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
HUYỆN ỦY.....ngày... .tháng... năm...

*

Số -CV/HU

*“V/v giới thiệu tiếp đảng
viên chuyển sinh hoạt đảng”*

Kính gửi: Ban Thường vụ.....

Ban Thường vụ

Giới thiệu đảng viên.....,
sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm..., chính thức
ngày... tháng... năm...

Đã được cấp ủy.....

Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng đến (số...../
GTSHĐ, ngày... tháng... năm...), nhưng thực tế
đảng viên lại chuyển về tổ chức cơ sở đảng:
..... công tác và sinh hoạt.

Đề nghị các đồng chí xem xét, tiếp nhận sinh
hoạt đảng cho đảng viên theo nội dung tại điểm 9
(9.3c) Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 05-01-2012
của Ban Bí thư về "Một số vấn đề cụ thể thi hành
Điều lệ Đảng".

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP, BTC.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

V. XÓA TÊN ĐẢNG VIÊN VÀ ĐẢNG VIÊN XIN RA KHỎI ĐẢNG

1. Quyết định xóa tên trong Danh sách đảng viên (Mẫu 1-XTĐV)

ĐẢNG BỘ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY..... ngày... tháng... năm...
*
Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH

Xóa tên trong danh sách đảng viên

- Căn cứ Điều 8, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB
ngày... tháng... năm... của Chi bộ.....,
Nghị quyết số.....- NQ/ĐU ngày... tháng...
năm... của Đảng ủy
về việc đề nghị xóa tên đảng viên;
- Xét khuyết điểm của đảng viên.....
.....,
đã vi phạm Điều 8 của Điều lệ Đảng về

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xóa tên đảng viên.....,

sinh ngày... tháng... năm..., kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày... tháng... năm... Quê quán
trong danh sách đảng viên.

Điều 2. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy, Chi bộ..... và người có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu Hồ sơ quản lý.

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

2. Quyết định của huyện ủy, quận ủy, thị ủy cho đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 2-CRKĐ)

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
HUYỆN ỦY.....ngày... tháng... năm...

*

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
Cho ra khỏi Đảng

- Căn cứ Điều 8, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Báo cáo ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Báo cáo số.....-BC/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc cho đảng viên xin ra khỏi Đảng;
- Xét đơn xin ra khỏi Đảng của đảng viên..... với lý do
-

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đồng ý cho đảng viên....., sinh ngày... tháng... năm..., kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày... tháng... năm.... Quê quán

ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 2. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,
Đảng ủy.....,
Chi bộ..... và đồng chí có tên trên
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

BÍ THƯ

- Như Điều 2,

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Lưu Hồ sơ quản lý.

**3. Quyết định của cấp ủy có thẩm quyền
cho đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 2A-CRKH)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
ĐẢNG ỦY..... ngày... tháng... năm...

Số -QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
Cho ra khỏi Đảng

- Căn cứ Điều 8, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Báo cáo ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Báo cáo số.....-BC/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc cho đảng viên xin ra khỏi Đảng;
- Xét đơn xin ra khỏi Đảng của đảng viên..... với lý do

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đồng ý cho đảng viên
....., sinh ngày... tháng... năm..., kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày... tháng... năm... Quê quán

.....
ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 2. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy,
Đảng ủy,
Chi bộ..... và đồng chí có tên
trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Nơi nhận:

BÍ THƯ

- Như Điều 2,

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Lưu Hồ sơ quản lý.

4. Giấy xác nhận tuổi Đảng (Mẫu 4-XNTĐ)

a) Mẫu xác nhận

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

GIẤY XÁC NHẬN TUỔI ĐẢNG
BAN THƯƠNG VỤ

Xác nhận đồng chí Sinh năm

Vào Đảng ngày chính thức ngày

Đã có năm hoạt động phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng

Nay được tổ chức chấp thuận cho ra khỏi Đảng

Ngày tháng năm

T/M Ban thương vụ

Số XNTĐ

b) Cách ghi

- Bên dưới mục Ban Chấp hành Đảng bộ ghi tên cấp ủy có thẩm quyền chấp thuận cho đảng viên xin ra khỏi Đảng.

- Mục số.....XNTĐ ghi theo số trong Quyết định của cấp ủy có thẩm quyền chấp thuận cho đảng viên xin ra khỏi Đảng.

VI. TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG

1. Mẫu Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm



Mẫu Huy hiệu Đảng 90, 85, 75, 65, 55 tương tự các mẫu trên, chỉ thay các chữ số trong mẫu thành 90, 85, 75, 65, 55.

2. Mẫu giấy tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 1-HHĐ)

a) Giấy chứng nhận 80 năm tuổi Đảng



b) Quy cách

Giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng 90, 85, 80, 75, 70, 65, 60, 55, 50, 40, 30 năm tuổi Đảng có kích thước, mẫu và nền hoa văn như nhau, cùng là loại giấy cút xê trắng, $230\text{g}/\text{m}^2$; kích thước cụ thể:

- Khung nền hoa văn: (31,5 x 22,5) cm.
- Kích thước tổng thể: (38,0 x 31,0) cm.

c) Cách ghi:

- Các mục: Đồng chí, quê quán, ngày vào Đảng, ngày chính thức ghi như lý lịch đảng viên.

- Sinh hoạt Đảng tại: Ghi tên Đảng bộ, Chi bộ cơ sở và các cấp ủy cấp trên của cơ sở.

- Hà Nội, ngày, tháng, năm: Ghi ngày, tháng, năm của đợt đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng (trường hợp đợt xuất, thì ghi theo ngày, tháng, năm ban hành Quyết định tặng Huy hiệu Đảng).

3. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 2-HHĐ)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

*

Số -QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH Tặng Huy hiệu Đảng

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

- Xét danh sách đề nghị tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng và truy tặng Huy hiệu Đảng của Ban Thường vụ Huyện ủy.....
.....
và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng và truy tặng Huy hiệu Đảng đợt.....
cho đảng viên, trong đó:

1. Tặng Huy hiệu Đảng cho.....
đảng viên:

- Tặng Huy hiệu Đảng 90 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 85 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 80 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 75 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 70 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 65 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 60 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 55 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 50 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 40 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 30 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

2. Cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất cho..... đảng viên:

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 90 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 85 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 80 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 75 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 70 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 65 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 60 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 55 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 50 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 40 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 30 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

3. Truy tặng Huy hiệu Đảng cho.....
đảng viên:

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 90 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 85 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 80 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 75 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 70 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 65 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 60 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 55 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 50 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 40 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 30 năm cho.....
đảng viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng 90 năm là lần mức lương tối thiểu chung, 85 năm là lần mức lương tối thiểu chung, 80 năm là, 75 năm là, 70 năm là, 65 năm là, 60 năm là, 55 năm là, 50 năm là, 40 năm là, 30 năm là lần mức lương tối thiểu chung.

Được trích từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Đảng bộ.

Điều 3. Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy; các cấp ủy có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đảng viên có tên trong danh sách được tặng Huy hiệu Đảng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VP, BTC.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

4. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn (Mẫu 3-HHĐ)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

....., ngày ... tháng... năm ...

Số - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH
Tặng Huy hiệu Đảng

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";

- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy.....
và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng Huy hiệu..... năm tuổi
Đảng đợt...../...../20..... cho đảng
viên.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Sinh hoạt tại Chi bộ.....

Điều 2. Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu

Đảng là..... lần mức lương tối thiểu chung, trích từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Đảng bộ.

Điều 3: Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

T/M BAN THƯỜNG VỤ

- Đảng viên,

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

- Lưu Hồ sơ đảng viên.

Ghi chú: Số của Quyết định này ghi theo số trong Quyết định tặng HHĐ chung (Mẫu 2-HHĐ).

** Nếu có quyết định kết nạp vào Đảng thì dòng "Vào Đảng ngày... tháng... năm..." thay bằng dòng "Ngày ký quyết định kết nạp".*

**5. Quyết định cấp lại Huy hiệu Đảng bị
mất đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn
(Mẫu 3A-HHĐ)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng... năm ...

Số - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH
Cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";
- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy..... và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp lại Huy hiệu.....
năm tuổi Đảng đợt...../...../20.....cho
đảng viên.....
Sinh ngày... tháng... năm...
Vào Đảng ngày... tháng... năm...
Chính thức ngày... tháng... năm...
Quê quán:.....

Sinh hoạt tại Chi bộ.....

Điều 2. Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đảng viên,
- Lưu Hồ sơ đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Số của Quyết định này ghi theo số trong Quyết định tặng HHĐ chung (Mẫu 2-HHĐ).

**6. Quyết định truy tặng Huy hiệu Đảng
đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn
(Mẫu 3B-HHĐ)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....

....., ngày ... tháng... năm ...

Số - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH
Truy tặng Huy hiệu Đảng

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam
và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm
2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi
hành Điều lệ Đảng";

- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy
và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Truy tặng Huy hiệu.....
năm tuổi Đảng đợt...../...../20..... cho
đảng viên.....

Sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm...

Chính thức ngày... tháng... năm...

Quê quán:.....

Sinh hoạt tại Chi bộ.....

Điều 2. Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng là..... lần mức lương tối thiểu chung, trích từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Đảng bộ.

Điều 3. Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và gia đình đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Gia đình đảng viên,
- Lưu Hồ sơ đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Số của Quyết định này ghi theo số trong Quyết định tặng HHĐ chung (Mẫu 2-HHĐ).

**7. Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy
hiệu Đảng (Mẫu 4-HHĐ)**

a) Mẫu danh sách

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG BỘ:....., ngày ... tháng... năm... Tặng đợt.....
.....

DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN

Đề nghị tặng Huy hiệu năm tuổi Đảng

Số TT	Số HHĐ	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Ngày quyết định kết nạp	Ngày kết nạp vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Nơi để nghị tặng HHĐ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

b) Cách ghi

Cấp ủy huyện và tương đương sử dụng để đề nghị tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên. Mỗi đảng viên ghi vào 2 dòng:

- Cột 1: Ghi số thứ tự theo số đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu Đảng của Đảng bộ.

- Cột 2: Do ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương ghi số Huy hiệu Đảng theo thứ tự từ nhỏ đến lớn trong đoạn số theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

- Cột 3, 4, 5, 6, 7, 8: Ghi như lý lịch đảng viên. Họ tên viết chữ in hoa.

- Cột 9: Ghi số thẻ đảng viên của đảng viên.

- Cột 10: Ghi tên tổ chức cơ sở đảng đề nghị tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

- Cột 11: Ghi những trường hợp đặc biệt như thời gian bị cắt tuổi đảng, kết nạp lại, xét tặng sớm so với quy định v.v..

10. Sổ tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 5-HHĐ)

10.1- Mẫu số

a) Phần: Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng tại đảng bộ

Số TT	Loại HHĐ Số HHĐ	Họ và tên Năm sinh	Ngày quyết định KN Ngày KN vào Đảng Ngày chính thức	Tổ chức cơ sở đảng ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

b) Phần: Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng ở đảng bộ khác chuyển đến:

Số TT	Loại HHĐ Số HHĐ	Họ và tên Năm sinh	Ngày quyết định KN Ngày KN vào Đảng Ngày chính thức	Tổ chức cơ sở đảng ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

10.2- Sử dụng

- Sổ tặng Huy hiệu Đảng do các cấp ủy từ cấp ủy cơ sở trở lên sử dụng để nắm số đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng của Đảng bộ. Do cơ quan tổ chức của cấp ủy quản lý, sử dụng, không để hư hỏng, mất mát, khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản bàn giao chặt chẽ.

- Sổ tặng Huy hiệu Đảng có hai phần: phần thứ nhất viết những đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng tại đảng bộ; phần thứ hai viết những đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng ở đảng bộ khác chuyển đến.

10.3- Cách ghi

a) Nội dung ghi phần thứ nhất

Phần này có 6 cột, mỗi đảng viên ghi vào ba dòng:

- Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ.

- Cột 2: Dòng trên ghi loại Huy hiệu Đảng (30, 40, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90) mà đảng viên được tặng. Dòng dưới ghi số Huy hiệu Đảng của đảng viên.

- Cột 3: Dòng trên ghi họ, tên đảng viên theo kiểu chữ in hoa, ví dụ: VŨ VĂN BIÊN. Dòng dưới ghi ngày, tháng, năm sinh của đảng viên.

- Cột 4: Dòng thứ nhất ghi ngày tháng năm

quyết định kết nạp vào Đảng; dòng thứ hai ghi ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp; dòng thứ ba ghi ngày tháng năm đảng viên được công nhận đảng viên chính thức.

- Cột 5: Dòng trên ghi tên tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng. Dòng dưới do tổ chức đảng hoặc đảng viên nhận Huy hiệu Đảng ký nhận.

- Cột 6: Ghi các trường hợp: đảng viên ra khỏi Đảng, từ trần, mất Huy hiệu Đảng, chuyển sinh hoạt đảng đi đảng bộ huyện, thị..... khác.

b) Nội dung ghi phần thứ hai

Phần này có 6 cột, ghi cụ thể như sau:

- Cột 1: Ghi số thứ tự theo thời gian đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng từ đảng bộ... khác chuyển về.

- Cột 2, 3, 4 và 5: Ghi tương tự như ở phần thứ nhất.

- Cột 6: Ghi tên đảng bộ tỉnh và tương đương nơi ra quyết định tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

Chú ý: Cần ghi liên tục không để cách trang, cách dòng trong một trang.

**11. Tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng
(Mẫu 6-HHĐ)**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỜ KHAI

Đề nghị tặng Huy hiệu Đảng

Kính gửi: Chi bộ.....

Tôi là:....., sinh ngày.....

Ngày vào Đảng
công nhận chính thức ngày.....

Ngày ghi trong quyết định kết nạp

Quê quán.....

Đang sinh hoạt tại.....

Trong quá trình phấn đấu rèn luyện.....
năm trong tổ chức đảng tôi tự nhận thấy có đủ tiêu
chuẩn, điều kiện được tặng Huy hiệu..... năm
tuổi Đảng theo nội dung tại điểm 48.3 Quy định số
45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban
Chấp hành Trung ương "Thi hành Điều lệ Đảng".

Đề nghị Chi bộ và các cấp ủy cấp trên tặng
Huy hiệu..... năm tuổi Đảng cho tôi và xin
hứa tiếp tục rèn luyện giữ vững phẩm chất người
đảng viên cộng sản.

Ghi chú:

(Trong quá trình hoạt động ở trong
Đảng, nếu được kết nạp lại, hoặc có
thời gian gián đoạn không tham gia
sinh hoạt đảng thì đảng viên kê khai
cụ thể ở mục ghi chú này).

....., ngày ... tháng... năm...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

<p>XÉT, ĐỀ NGHỊ CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ</p> <p><i>Kính gửi:.....</i></p> <p>Đề nghị tặng Huy hiệu..... năm tuổi Đảng cho đảng viên.....</p> <p>(có danh sách đề nghị tặng Huy hiệu Đảng kèm theo)</p> <p>....., ngày ... tháng... năm...</p> <p>T/M.....</p> <p>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)</p>	<p>XÉT, ĐỀ NGHỊ CỦA CHI BỘ</p> <p><i>Kính gửi:.....</i></p> <p>Đề nghị tặng Huy hiệu..... năm tuổi Đảng cho đảng viên.....</p> <p>....., ngày ... tháng... năm...</p> <p>T/M CHI BỘ</p> <p>(Ký, ghi rõ họ và tên)</p>
---	---

VII. KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ NGHIỆP VỤ

1. Mẫu cờ (Mẫu 1-KT)

a) Tặng đảng bộ huyện và tương đương theo nhiệm kỳ

<p style="text-align: center;">ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p style="text-align: center;">*</p> <p style="text-align: center;">TẶNG</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">ĐẢNG BỘ.....</p> <p style="text-align: center;">ĐẠT THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG NHIỆM KỲ</p> <p style="text-align: center;"><i>Năm 20..... - 20.....</i></p>
--

b) Tặng TCCSĐ đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh" tiêu biểu 5 năm liền

<p>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">*</p> <p style="text-align: center;">TẶNG</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>ĐẢNG BỘ.....</p> <p>ĐẠT TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TIÊU BIỂU</p> <p style="text-align: center;"><i>Năm 20..... - 20.....</i></p>
--

c) Chất liệu và kích cỡ của Cờ

- Nền cờ: Làm bằng vải xa tanh màu đỏ, có dải tua 2 bên bằng lụa vàng.

- Các chữ và hình búa liềm thêu bằng chỉ vàng.

- Có kích thước như sau:

+ Ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương tặng cho huyện ủy và tương đương là: 90 x 130 cm.

+ Ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương tặng cho tổ chức cơ sở đảng là: 60 x 90 cm.

2. Bằng khen (Mẫu 2-KT)



a) Quy cách

- Kích thước: Tổng thể 44 x 34 cm, khung nền hoa văn 33,8 x 23,8 cm.

- Giấy cút xê trắng, 230g/1m².

b) Sử dụng

Được sử dụng để tặng cho tổ chức đảng và cá nhân có thành tích.

c) Cách ghi

- Bố trí và kiểu chữ ghi nội dung như cách bố trí và kiểu chữ trong Huân, Huy chương của Nhà nước.

- In nội dung trên máy vi tính hoặc ghi bằng tay.

3. Giấy khen (Mẫu 3-KT)



a) Quy cách

- Giấy khen do cấp ủy huyện và tương đương tặng: có kích thước tổng thể 38 x 30 cm, khung nền hoa văn 30 x 21 cm.

- Giấy khen do cấp ủy cơ sở tặng: có kích thước tổng thể 35 x 28 cm, khung nền hoa văn 27 x 20 cm.

- Giấy cót xê trắng, 230g/1m².

b) Cách ghi

- Bố trí và kiểu chữ ghi nội dung như cách bố trí và kiểu chữ trong Huân, Huy chương của Nhà nước.

- In nội dung trên máy vi tính hoặc ghi bằng tay.

4. Sổ theo dõi khen thưởng (Mẫu 4-KT)

a) Mẫu sổ

Số TT	Đơn vị hoặc cá nhân	Trực thuộc đảng bộ	Đã có thành tích	Số Quyết định, ngày, tháng, năm
1	2	3	4	5

Cấp ra quyết định			Hình thức KT			Đối tượng khen		
Trung ương	Tỉnh thành	Huyện quận	Cờ	BK	GK	TCCS Đảng	Chi bộ	Đảng viên
6	7	8	9	10	11	12	13	14

b) Sử dụng

Sổ khen thưởng do cấp ủy cơ sở trở lên sử dụng để ghi nhận truyền thống phấn đấu của đảng bộ và

đảng viên. Do đồng chí cấp ủy phụ trách tổ chức quản lý, khi thay đổi cán bộ quản lý sở khen thưởng phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

c) Cách ghi

- Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng tổ chức đảng và đảng viên được khen thưởng của đảng bộ.

- Cột 2: Ghi tên tổ chức đảng và đảng viên được khen thưởng.

- Cột 3: Ghi tên đảng bộ nơi có tổ chức đảng và đảng viên khen thưởng.

- Từ cột 4 đến cột 11 ghi theo các nội dung trong quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

- Các cột từ 12 đến 14 được tổng hợp theo số lượng.

**5. Quyết định công nhận tổ chức cơ sở
đảng đạt trong sạch, vững mạnh, nền hoa
văn (Mẫu 5-KT)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
HUYỆN ỦY....., ngày... tháng... năm...
Số - QĐ/HU

QUYẾT ĐỊNH
**Công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch,
vững mạnh**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";
- Xét đề nghị của Đảng ủy..... và Ban Tổ chức Huyện ủy;

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận..... đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh năm.....

Điều 2. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VP, BTC.

T.M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**6. Quyết định công nhận chi bộ trực
thuộc đảng ủy cơ sở trong sạch, vững
mạnh, nền hoa văn (Mẫu 6-KT)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
ĐẢNG ỦY....., ngày... tháng... năm...
Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận chi bộ đảng đạt trong sạch,
vững mạnh

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về "Thi hành Điều lệ Đảng";
- Xét đề nghị của Chi bộ.....

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận Chi bộ.....
đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững
mạnh năm.....

Điều 2. Chi bộ.....
có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VP, BTC.

T.M ĐẢNG ỦY

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

ĐẢNG BỘ TỈNH (THÀNH PHỐ)
.....
BAN TỔ CHỨC
Số.....-BC/BTC

BẢO CÁO
Danh sách cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên
(Có đến 31-12-20.....)

TT	Họ và tên	Sinh ngày tháng năm	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Thời gian làm nghiệp vụ			Đơn vị công tác (Ghi huyện, thị... trở lên)	Nhiệm vụ được giao	Bồi dưỡng nghiệp vụ	
					Từ tháng năm	Đến tháng năm	Số tháng			Đã	Chưa
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ghi chú:

1. Số lượng cán bộ nghiệp vụ của Đảng bộ.....đ/c, trong đó:
- Ở ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương..... đ/c theo danh sách trên.
- Ở ban tổ chức huyện ủy và tương đương..... đ/c theo danh sách trên.

2. Nhiệm vụ được giao: ghi nhiệm vụ được giao thực hiện công tác đảng viên
theo nội dung tại điểm 3 (3.1) mục IV, phần thứ nhất của Hướng dẫn này.

....., ngày... tháng... năm...
BAN TỔ CHỨC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC II

HỆ THỐNG BIỂU BÁO CÁO

A. HỆ THỐNG BIỂU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ BẢN

*(Kèm theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW
ngày 17-5-2012)*

Ký hiệu	Tên biểu	Chế độ báo cáo	Đơn vị báo cáo, ban tổ chức
1. BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG			
Biểu số 1-TCTW	Báo cáo tăng, giảm đảng viên	6 tháng; cả năm	- Huyện ủy (và tương đương) - Tỉnh ủy (và tương đương)
Biểu số 2-TCTW	Báo cáo đảng viên mới kết nạp	6 tháng; cả năm	nt
Biểu số 3-TCTW	Báo cáo đội ngũ đảng viên	Năm	nt
Biểu số 4-TCTW	Báo cáo đảng viên là dân tộc thiểu số và trong các tôn giáo	Năm	nt
Biểu số 5-TCTW	Báo cáo tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong các loại cơ sở	Năm	nt
Biểu số 6-TCTW	Báo cáo phân tích đảng viên theo nghề nghiệp và công tác	Năm	nt
Biểu số 7A-TCTW	Báo cáo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng	Năm	nt
Biểu số 7B-TCTW	Báo cáo đánh giá chất lượng đảng viên	Năm	nt

Ký hiệu	Tên biểu	Chế độ báo cáo	Đơn vị báo cáo, ban tổ chức
Biểu số 8-TCTW	Báo cáo khen thưởng đảng viên	Năm	nt
Biểu số 9-TCTW	Báo cáo đảng viên bị xử lý kỷ luật và đảng viên ra khỏi Đảng	Năm	nt
Biểu số 10-TCTW	Báo cáo về nghiệp vụ công tác đảng viên	Năm	nt
Biểu số 11-TCTW	Báo cáo tình hình sử dụng tài liệu, phương tiện quản lý đảng viên	Năm	nt
2. BÁO CÁO CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ BẦU CỬ CẤP ỦY			
Biểu số 12A-TCTW	Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt ở Trung ương	Năm	- Đảng ủy khởi và đảng ủy trực thuộc Trung ương
Biểu số 12B-TCTW	Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành phố	Năm	- Tỉnh ủy (và tương đương)
Biểu số 12C-TCTW	Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp huyện, quận, thị xã	Năm	- Huyện ủy (và tương đương) - Tỉnh ủy (và tương đương)
Biểu số 12D-TCTW	Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn	Năm	nt
Biểu số 12E-TCTW	Báo cáo bầu cử cấp ủy cơ sở.....	Nhiệm kỳ	nt
Biểu số 12G-TCTW	Báo cáo bầu cử cấp ủy.....	Nhiệm kỳ	nt

Ghi chú: - Chế độ báo cáo nêu trong phụ lục này là chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và 1 năm.

- Khi đã có cơ sở dữ liệu các nội dung trên mạng máy vi tính thì chế độ báo cáo được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

B. 17 BIỂU MẪU THỐNG KÊ CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG

1. 11 BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Tỉnh (thành uỷ).....

BÁO CÁO

Biểu số 1-TCTW

Huyện (quận uỷ).....

TÀNG GIẢM ĐẢNG VIÊN

BAN TỔ CHỨC

Năm 20.....

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện

Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
Ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Thực hiện		so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
A - Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo			
B - Đảng viên tăng trong kỳ			
1 - Kết nạp			
2 - Chuyển đến			
a) Tỉnh ủy (và tương đương) khác chuyển đến			
b) Huyện ủy (và tương đương) khác trong tỉnh chuyển đến			
3 - Phục hồi đảng tịch			
C - Đảng viên giảm trong kỳ			
1 - Từ trần			
2 - Khai trừ			
3 - Xoá tên			

4 - Xin ra khỏi Đảng			
5 - Chuyển đi			
a) Đi tỉnh ủy (và tương đương) khác			
b) Đi huyện ủy (và tương đương) khác trong tỉnh			
D - Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo			
E - Chênh lệch (chuyển đi - chuyển đến)			
G - Đảng viên có mặt đến cuối kỳ báo cáo			

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

ĐẢNG VIÊN MỚI

KẾT NẠP

Năm 20.....

Biểu số 2-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
Ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		(%) kỳ này so
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	với cùng kỳ năm trước
1	2	3	4 = 2:3
I - Đảng viên mới kết nạp:			
Trong đó: + Kết nạp lại			
+ Phụ nữ			
+ Dân tộc thiểu số			
+ Tôn giáo			
+ Là Đoàn viên TNCSHCM			
+ Cán bộ, công chức nhà nước			
+ Viên chức hoạt động sự nghiệp			
+ Viên chức kinh doanh			
+ CN, LĐ trong các thành phần kinh tế			
+ Nông dân			
+ Sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an			
+ Sinh viên, học sinh			

II - Phân tích đảng viên mới kết nạp:			
1. Tuổi đời: + 18 đến 30 tuổi			
+ 31 đến 40 tuổi			
+ 41 đến 50 tuổi			
+ 51 tuổi trở lên			
+ Tuổi bình quân			
2. Trình độ học vấn phổ thông:			
+ Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ			
+ Tiểu học			
+ Trung học cơ sở			
+ Trung học phổ thông			
3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:			
+ CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ			
+ Trung học chuyên nghiệp			
+ Cao đẳng			
+ Đại học			
+ Thạc sĩ			
+ Tiến sĩ			
+ Tiến sĩ khoa học			
III - Số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo:			
Chia ra: 1. Số đơn vị cơ sở chưa có TCCSĐ			
2. Số đơn vị cơ sở đã có TCCSĐ			
Trong đó: + Có kết nạp đảng viên			
+ Không còn quần chúng			

ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP
Chia theo dân tộc và trong các tôn giáo

(Tiếp biểu số 2-TCTW)

Đơn vị tính: người

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
I	Đảng viên chia theo dân tộc		100,00
1	Kinh		
2	Tày		
3	Thái		
4	Hoa		
5	Khơme		
6	Mường		
7	Nùng		
8	Mông		
9	Dao		
10	Gia Rai		
11	Ê Đê		
12	Ngái		
13	Ba Na		
14	Xơ Đăng		
15	Sán Chay		
16	Cơ Ho		
17	Chăm		
18	Sán Dìu		
19	HRê		
20	M.Nông		
21	Raglai		
22	XTiêng		

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
23	Bru - Vân Kiều		
24	Thổ		
25	Giáy		
26	Cơ Tu		
27	Giẻ Triêng		
28	Mạ		
29	Khơ Mú		
30	Cơ		
31	Tà ôi		
32	Chơ Ro		
33	Kháng		
34	Xinh Mun		
35	Hà Nhì		
36	Chu Ru		
37	Lào		
38	La Chí		
39	La Ha		
40	Phù Lá		
41	La Hủ		
42	Lự		
43	Lô Lô		
44	Chứt		
45	Mảng		
46	Phà Thẻn		
47	Cơ Lao		
48	Cống		
49	Bố Y		
50	Si La		

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
51	Pu Péo		
52	BRầu		
53	Ơ Đu		
54	Rơ Măm		
55	Quốc tịch gốc nước ngoài		
56	Dân tộc khác		
II	Đảng viên trong các tôn giáo		100,00
1	Đạo Thiên Chúa		
2	Đạo Tin Lành		
3	Đạo Phật		
4	Đạo Cao Đài		
5	Đạo Hoà Hảo		
6	Đạo Hồi		
7	Tôn giáo khác		

Ghi chú: + Dân tộc khác là:, chiếm:.....%

+ Tôn giáo khác là:....., chiếm:.....%

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Có đến 31-12-20.....

Biểu số 3-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		(%) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ b/c:			
Trong đó: + Dự bị			
+ Phụ nữ			
+ Dân tộc thiểu số			
+ Tôn giáo			
+ Đoàn viên TNCSHCM			
+ Quân nhân xuất ngũ			
+ Được miễn công tác - sinh hoạt Đảng			
Phân tích đội ngũ đảng viên:			
1 - Tuổi đời: + 18 đến 30 tuổi			
+ 31 đến 40 tuổi			
+ 41 đến 50 tuổi			

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		(%) kỳ này
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
1	2	3	4 = 2:3
+ 51 đến 60 tuổi			
+ 61 tuổi trở lên			
+ Tuổi bình quân			
2 - Thời gian kết nạp vào Đảng:			
+ Trước tháng 8-1945			
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954			
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975			
+ Từ 1-5-1975 đến nay			
3 - Đảng viên có đủ:			
+ 30 năm tuổi Đảng			
+ 40 năm tuổi Đảng			
+ 50 năm tuổi Đảng			
+ 55 năm tuổi Đảng			
+ 60 năm tuổi Đảng			
+ 65 năm tuổi Đảng			
+ 70 năm tuổi Đảng			
+ 75 năm tuổi Đảng			
+ 80 năm tuổi Đảng			
+ 85 năm tuổi Đảng			
+ 90 năm tuổi Đảng			
4 - Trình độ học vấn phổ thông:			
+ Chưa biết chữ quốc ngữ			
+ Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ			

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		(%) kỳ này
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
1	2	3	4 = 2:3
+ Tiểu học			
+ Trung học cơ sở			
+ Trung học phổ thông			
5 - Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:			
+ CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ			
+ Trung học chuyên nghiệp			
+ Cao đẳng			
+ Đại học			
+ Thạc sĩ			
+ Tiến sĩ			
+ Tiến sĩ khoa học			
6 - Chức danh khoa học			
+ Phó Giáo sư			
+ Giáo sư			
7 - Trình độ lý luận chính trị:			
+ Sơ cấp			
+ Trung cấp			
+ Cao cấp, cử nhân			

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

BÁO CÁO

Biểu số 4-TCTW

Huyện (quận uỷ).....

ĐẢNG VIÊN CHIA THEO

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện

ủy (và tương đương); BTC Tỉnh

ủy (và tương đương).

BAN TỔ CHỨC

DÂN TỘC VÀ TRONG CÁC

- Thời gian báo cáo: Sau

khi kết thúc kỳ báo cáo:

Huyện báo cáo tỉnh: sau 20

ngày; Tỉnh báo cáo Trung

ương: sau 30 ngày.

TÔN GIÁO

Có đến 31-12-20.....

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
I	Đảng viên chia theo dân tộc		100,00
1	Kinh		
2	Tày		
3	Thái		
4	Hoa		
5	Khơme		
6	Mường		
7	Nùng		
8	Mông		
9	Dao		
10	Gia Rai		
11	Ê Đê		
12	Ngái		
13	Ba Na		
14	Xơ Đăng		
15	Sán Chay		
16	Cơ Ho		
17	Chăm		
18	Sán Dìu		

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
19	HRê		
20	M.Nông		
21	Raglai		
22	XTiêng		
23	Bru - Vân Kiều		
24	Thổ		
25	Giáy		
26	Cơ Tu		
27	Giê Triêng		
28	Mạ		
29	Khơ Mú		
30	Co		
31	Tà ôi		
32	Chơ Ro		
33	Kháng		
34	Xinh Mun		
35	Hà Nhi		
36	Chu Ru		
37	Lào		
38	La Chí		
39	La Ha		
40	Phù Lá		
41	La Hủ		
42	Lự		
43	Lô Lô		
44	Chứt		
45	Mảng		
46	Phà Thẻn		

TT	Tên dân tộc, tôn giáo	Tổng số	Tỷ lệ (%)
47	Cơ Lao		
48	Cống		
49	Bố Y		
50	Si La		
51	Pu Páo		
52	BRâu		
53	Ơ Đu		
54	Rơ Măm		
55	Quốc tịch nước ngoài		
56	Dân tộc khác		
II	Đảng viên trong các tôn giáo		100,00
1	Đạo Thiên Chúa		
2	Đạo Tin Lành		
3	Đạo Phật		
4	Đạo Cao Đài		
5	Đạo Hoà Hảo		
6	Đạo Hồi		
7	Tôn giáo khác		

Ghi chú: Đảng viên trong các tôn giáo, so với tổng số đảng viên, chiếm:%

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG

CÁC LOẠI CƠ SỞ

Có đến 31-12-20.....

Biểu số 5-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Loại cơ sở	Tổng số đơn vị cơ sở	Trong đó số đơn vị cơ sở		Tổ chức cơ sở đảng			Tổ chức đảng		Tổng số đảng viên
		chưa có TCCSĐ					trong cơ sở		
		Tổng số	Trong đó số đơn vị cơ sở chưa có đảng viên	Tổng số	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Xã									
2. Phường									
3. Thị trấn									
4. Doanh nghiệp nhà nước									
Chia ra:									
a) Công nghiệp các loại									
b) Giao thông, vận tải, bưu điện									
c) Xây dựng									
d) Nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi									
e) Thương nghiệp, du lịch, dịch vụ									
5. Doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước									
Chia ra:									

a) Công nghiệp các loại								
b) Giao thông, vận tải, bưu điện								
c) Xây dựng								
d) Nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi								
e) Thương nghiệp, dịch vụ, du lịch								
6. Hợp tác xã, tổ hợp								
7. Doanh nghiệp tư nhân								
8. Công ty TNHH								
9. Công ty cổ phần tư nhân								
10. DN có vốn đầu tư nước ngoài								
<i>Trong đó: 100% vốn nước ngoài</i>								
11. Cơ sở sự nghiệp								
<i>Trong đó:</i>								
- Viện, trung tâm NCKH								
- Trường cao đẳng, đại học								
- Trường TH chuyên nghiệp, dạy nghề								
- Trường trung học phổ thông								
- Bệnh viện								
12. Cơ quan hành chính								
13. Quân đội								
14. Công an								
15. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước								
16. Cơ sở khác*								
<i>Cộng (1+...+16)</i>								

Ghi chú: () Tên các cơ sở khác (nếu có)*

.....
.....

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

BÁO CÁO

Biểu số 6-TCTW

Huyện (quận uỷ).....

PHÂN TÍCH ĐẢNG VIÊN

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện

Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh

BAN TỔ CHỨC

THEO NGHỀ NGHIỆP VÀ

Ủy (và tương đương).

CÔNG TÁC

- Thời gian báo cáo: Sau

khi kết thúc kỳ báo cáo:

Huyện báo cáo tỉnh: sau 20

ngày; Tỉnh báo cáo Trung

ương: sau 30 ngày.

Có đến 31-12-20.....

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo			
I - Đảng viên đang làm việc và công tác (I = 1+.....+15)			
1. Cán bộ đảng chuyên trách			
2. Cán bộ đoàn thể chuyên trách			
3. Cán bộ dân cử (bầu cử)			
4. Cán bộ công chức cơ quan nhà nước			
5. Viên chức hoạt động sự nghiệp			
6. Viên chức kinh doanh			
7. Công nhân, lao động các thành phần kinh tế			
Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức			
Chia ra: a) Doanh nghiệp nhà nước			
b) Doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước			
c) Hợp tác xã, tổ hợp			
d) Doanh nghiệp tư nhân			
đ) Công ty TNHH, công ty cổ phần tư nhân			

e) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
g) Lao động cá thể, tiểu thương			
8. Công nhân, nhân viên phục vụ cơ quan			
<i>Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức</i>			
9. Lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi			
<i>Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức</i>			
Chia ra: a) Nông nghiệp			
b) Lâm nghiệp			
c) Ngư nghiệp			
d) Thủy lợi			
10. Lao động trong các hội ngành nghề			
<i>Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức</i>			
11. Sĩ quan, chiến sĩ quân đội			
12. Sĩ quan, chiến sĩ công an			
13. Cán bộ xã, phường, thị trấn			
<i>Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức</i>			
14. Học sinh, sinh viên chuyên nghiệp			
15. Lao động trong các nghề khác			
<i>Trong đó: Đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức</i>			
II - Đảng viên đã nghỉ làm việc, công tác			
1. Nghỉ hưu, mất sức theo chế độ			
2. Được miễn công tác, sinh hoạt đảng			
3. Nghỉ làm việc, công tác			

Người lập biểu ngày... tháng... năm 20...
 BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

Báo cáo

Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng

Năm 20.....

Biểu số 7A-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện ủy (và tương đương); BTC Tỉnh ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau khi kết thúc kỳ báo cáo: Huyện báo cáo tính: sau 20 ngày; Tỉnh báo cáo Trung ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

CHIA THEO CÁC LOẠI HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG														
CHI TIẾT	Tổng số	Tỷ lệ (%)	DN có vốn đầu tư NN										Loại hình khác	
			Xã	Phường, thị trấn	DN nhà nước	DN cổ phần	DN tư nhân	Trong đó		Cơ quan hành chính	Cơ sở sự nghiệp	Quân đội, Công an		
								Tổng số	100% vốn NN					
1	2= 4+...+14	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
A. Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối năm (A = 1+2)		x												
1. Số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng		100,00												
Kết quả đánh giá:														
a) Trong sạch vững mạnh													
Trong đó: Trong sạch vững mạnh tiêu biểu														

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

KHEN THƯỞNG

ĐẢNG VIÊN

Năm 20.....

Biểu số 8-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
Ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Có đến cuối kỳ báo cáo
1	2	3
I - Các danh hiệu		
1. Danh hiệu anh hùng		
a) Anh hùng Lực lượng vũ trang		
b) Anh hùng Lao động		
c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
2. Cán bộ lão thành cách mạng		
3. Cán bộ tiền khởi nghĩa		
4. Nghệ sĩ nhân dân		
5. Nhà giáo nhân dân		
6. Thầy thuốc nhân dân		
7. Gia đình có công với cách mạng		
8. Gia đình liệt sĩ		
II - Được khen thưởng		
1. Huân chương các loại:		
a) Huân chương bậc cao:		
+ Hạng Nhất		
+ Hạng Nhì		
+ Hạng Ba		

Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Có đến cuối kỳ báo cáo
1	2	3
b) Huân chương Kháng chiến		
c) Huân chương Chiến công		
d) Huân chương Chiến sĩ vẻ vang		
2. Huy chương các loại:		
+ Hạng Nhất		
+ Hạng Nhì		
+ Hạng Ba		
3. Huy hiệu Đảng các loại:		
+ Huy hiệu Đảng 90 năm		
+ Huy hiệu Đảng 85 năm		
+ Huy hiệu Đảng 80 năm		
+ Huy hiệu Đảng 75 năm		
+ Huy hiệu Đảng 70 năm		
+ Huy hiệu Đảng 65 năm		
+ Huy hiệu Đảng 60 năm		
+ Huy hiệu Đảng 55 năm		
+ Huy hiệu Đảng 50 năm		
+ Huy hiệu Đảng 40 năm		
+ Huy hiệu Đảng 30 năm		
4. Bằng khen		
5. Các hình thức khen thưởng khác		
+ Giấy khen các loại		
+ Kỷ niệm chương		

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

BÁO CÁO

Biểu số 9-TCTW

Huyện (quận uỷ).....

ĐẢNG VIÊN BỊ XỬ LÝ

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
ủy (và tương đương).

BAN TỔ CHỨC

KỶ LUẬT VÀ ĐẢNG VIÊN

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

RA KHỎI ĐẢNG

Năm 20.....

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Đã giải quyết		(%) năm báo cáo so với năm trước
	Trong năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
Tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật và đảng viên ra khỏi Đảng			
<u>Phân tích</u>			
<i>A. Tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật</i>			
1. Theo 4 hình thức:			
- Khiển trách			
- Cảnh cáo			
- Cách chức			
- Khai trừ			
2. Theo nội dung vi phạm:			
- Về lịch sử chính trị			
- Về đường lối, chính sách, pháp luật			
- Về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng			
- Về đạo đức lối sống			
- Về trách nhiệm lãnh đạo, quản lý			

Chỉ tiêu	Đã giải quyết		(%) năm báo cáo so với năm trước
	Trong năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
- Vi phạm từ 2 nội dung trở lên			
3. Cấp ủy viên vi phạm			
- Ủy viên Trung ương Đảng			
- Tỉnh, thành ủy viên			
- Huyện, quận, thị ủy viên			
- Thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng			
- Ủy viên cấp cơ sở			
- Ủy viên cấp dưới cơ sở			
4. Đảng viên bị xử lý theo pháp luật			
- Cảnh cáo pháp luật			
- Tù án treo			
- Tù giam			
B. Tổng số đảng viên ra khỏi Đảng			
1. Khai trừ			
2. Xoá tên			
Trong đó: Tự ý bỏ sinh hoạt đảng			
3. Xin ra			
Trong đó: Số đảng viên xin giấy xác nhận tuổi Đảng			

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

VỀ NGHIỆP VỤ

CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

Năm 20.....

Biểu số 10-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
Ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
I - Tổ chức đảng và đảng viên			
1. Số đảng bộ huyện (tương đương):			
- Huyện			
- Quận			
- Thị xã			
- Thành phố trực thuộc tỉnh			
- Tương đương cấp huyện			
2. Tổng số đơn vị cơ sở:			
Trong đó: - Số đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng			
- Số đơn vị cơ sở đã có tổ chức cơ sở đảng			
a - Đảng bộ cơ sở:			
Trong đó: + Đảng bộ bộ phận			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
+ Chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở			
b - Chi bộ cơ sở:			
3. Số đơn vị trực thuộc đơn vị cơ sở chưa có đảng viên			
-Thôn, bản, làng, ấp, khu phố			
-Trường tiểu học, trung học cơ sở, mẫu giáo, mầm non			
- Phân xưởng, đội sản xuất, HTX tiểu thủ công nghiệp...			
II - Kết nạp đảng viên trong năm			
1. Số đảng viên được công nhận chính thức			
2. Số đ/v dự bị không được công nhận chính thức			
3. Một số nội dung liên quan:			
- Số tổ chức cơ sở đảng không có kết nạp đảng viên			
- Số đảng bộ cơ sở được giao quyền kết nạp			
- Số quần chúng ưu tú được xét là cảm tình Đảng			
- Số cảm tình Đảng dự lớp nhận thức về Đảng			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
III - Phát thẻ đảng viên trong năm			
1. Đảng viên chính thức đã có thẻ đảng viên			
2. Đảng viên chính thức chưa có thẻ đảng viên			
3. Đảng viên bị mất thẻ đảng viên			
<i>Trong đó: chưa cấp lại</i>			
4. Đảng viên bị hỏng thẻ đảng viên			
<i>Trong đó: chưa được làm lại</i>			
IV - Quản lý hồ sơ đảng viên			
1. Tổng số hồ sơ đảng viên			
- Do tổ chức cơ sở đảng quản lý			
- Do huyện (tương đương) quản lý			
2. Số tổ chức cơ sở đảng quản lý hồ sơ đảng viên			
3. Số tổ chức cơ sở đảng chưa quản lý hồ sơ đảng viên			
4. Tình hình quản lý hồ sơ đảng viên ở huyện ủy và tương đương			
- Hồ sơ kết nạp Đảng của đảng viên dự bị			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
- Hồ sơ của đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng			
- Hồ sơ của đảng viên từ trần			
5. Một số nội dung liên quan đến hồ sơ đảng viên			
- Số đảng viên chưa có hồ sơ đảng viên			
- Số HSĐV bị hư hỏng mất mất trong năm			
- Số HSĐV phát hiện giả mạo trong năm			
- Số huyện (tương đương) đối khớp danh sách đảng viên với cấp ủy cơ sở (6 tháng, 1 năm) trong năm			
V - Giới thiệu sinh hoạt Đảng trong năm			
1. Số lượt đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời			
- Giới thiệu chuyển đi			
- Tiếp nhận chuyển đến			
2. Số lượt đ/v chuyển sinh hoạt đảng chính thức			
- Giới thiệu chuyển đi			
- Tiếp nhận chuyển đến			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
3. Một số nội dung liên quan đến giới thiệu SHĐ			
- Số đ/v nơi khác chuyển SHĐ đến chưa đúng quy định			
- Số đ/v giới thiệu SHĐ đi chưa đúng quy định			
- Số trường hợp phát hiện giả mạo qua giới thiệu SHĐ			
VI - Khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên trong năm			
1. Khen thưởng tổ chức đảng			
a) Số huyện và tương đương được khen (nếu có)			
- Tặng cờ			
- Tặng bằng khen			
b) Số tổ chức cơ sở đảng được khen			
- Tặng cờ			
- Tặng bằng khen			
- Tặng giấy khen			
c) Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở được khen			
- Tặng bằng khen			
- Tặng giấy khen			
2. Khen thưởng đảng viên:			
a) Tặng Huy hiệu Đảng:			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
- Huy hiệu Đảng 90 năm			
- Huy hiệu Đảng 85 năm			
- Huy hiệu Đảng 80 năm			
- Huy hiệu Đảng 75 năm			
- Huy hiệu Đảng 70 năm			
- Huy hiệu Đảng 65 năm			
- Huy hiệu Đảng 60 năm			
- Huy hiệu Đảng 55 năm			
- Huy hiệu Đảng 50 năm			
- Huy hiệu Đảng 40 năm			
- Huy hiệu Đảng 30 năm			
b) Số đảng viên được khen thưởng			
- Tặng bằng khen			
- Tặng giấy khen			
VII- Một số nội dung liên quan đến nghiệp vụ công tác đảng viên			
1. Số đảng viên bị kỷ luật Đảng trong năm:			
- Khiển trách			
- Cảnh cáo			
- Cách chức			
- Khai trừ ra khỏi Đảng			
2. Số đảng viên bị xóa tên trong năm			

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) so năm báo cáo với năm trước
	Năm báo cáo	Năm trước	
1	2	3	4 = 2:3
- Đảng viên dự bị không đủ điều kiện			
- Đảng viên xin ra khỏi Đảng			
- Đảng viên bị xoá tên theo Điều 8, Điều lệ Đảng			
3. Số cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên chuyên trách ở:			
- Ban Tổ chức tỉnh, thành uỷ...			
- Ban Tổ chức huyện, thị...			

..... , ngày... tháng... năm 20...
 Người lập biểu BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành uỷ).....

Huyện (quận uỷ).....

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN

Năm 20.....

Biểu số 11-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC Huyện
Ủy (và tương đương); BTC Tỉnh
Ủy (và tương đương).

- Thời gian báo cáo: Sau
khi kết thúc kỳ báo cáo:
Huyện báo cáo tỉnh: sau 20
ngày; Tỉnh báo cáo Trung
ương: sau 30 ngày.

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Tài liệu - phương tiện	Đơn vị tính	Số có trong năm	Trong năm			Xin cấp tiếp	Duyệt cấp
			Đã sử dụng	Không sử dụng được	Còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8
I - THẺ ĐẢNG VIÊN							
1. Thẻ đảng viên	cái						
2. Thẻ đảng viên không số	"						
3. Máy đóng dấu nổi của Ban Chấp hành đảng bộ trực thuộc Trung ương	"						
4. Dấu kiểm tra kỹ thuật TĐV	"						
5. Kim cắt ảnh	"						
6. Máy ép Plastic	"						
II - GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG							
1. Giấy GTSHĐ chính thức	tờ						
2. Giấy GTSHĐ tạm thời	"						
3. Giấy GTSHĐ không ký hiệu	"						
4. Giấy GTSHĐ nội bộ	"						

....., ngày... tháng... năm 20...

Người lập biểu

BAN TỔ CHỨC.....

**2. 6 BIỂU MẪU BÁO CÁO
CÁN BỘ CHỦ CHỐT
VÀ BẦU CỬ CẤP ỦY**

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỨC DANH CÁN BỘ
CHỦ CHỐT Ở TRUNG ƯƠNG

Năm 20.....

Biểu số 12A-TCTW

- Đem vị báo cáo:** Bộ, ban, ngành ở Trung ương; đảng ủy khối trực thuộc Trung ương.
- Thời gian báo cáo:** Sau khi kết thúc kỳ báo cáo: Bộ, ban, ngành báo cáo đảng ủy sau 20 ngày; đảng ủy khối trực thuộc Trung ương báo cáo Ban Tổ chức Trung ương sau 30 ngày

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

[illegible]

Chỉ tiêu	Các ban đảng và tương đương		Các bộ và tương đương		Cục, vụ, viện và tương đương	Các DNNN thuộc TW quản lý		
						Công tác chính quyền		
	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Trưởng	Chủ tịch HĐQT	Tổng GD	Phó tổng GD
+ Thành phần xuất thân là công nhân								
+ Nghỉ hưu trí trong năm								
Phân tích tổng số theo :								
1. Thời gian kết nạp đảng:								
+ Trước tháng 8-1945								
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954								
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975								
+ Từ 1-5-1975 đến nay								
2. Tuổi đời: + Từ 18 đến 35 tuổi								
+ Từ 36 đến 45 tuổi								
+ Từ 46 đến 55 tuổi								

Chỉ tiêu	Các ban đảng và tương đương		Các bộ và tương đương		Cục, vụ, viện và tương đương		Các DNNN thuộc TW quản lý		
	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Chủ tịch HĐQT	Tổng GD	Phó tổng GD
+ Từ 56 đến 60 tuổi									
+ Từ 61 tuổi trở lên									
+ Tuổi bình quân									
3. Trình độ giáo dục phổ thông:									
+ Tiểu học									
+ Trung học cơ sở									
+ Trung học phổ thông									
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:									
+ Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ									
+ Trung học chuyên nghiệp									
+ Cao đẳng									

Chỉ tiêu	Các ban đảng và tương đương		Các bộ và tương đương		Cục, vụ, viện và tương đương		Các DNNN thuộc TW quản lý			
	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Công tác chính quyền			Bí thư đảng uỷ
							Chủ tịch HĐQT	Tổng GD	Phó tổng GD	
+ Đại học										
+ Thạc sĩ										
+ Tiến sĩ										
+ Tiến sĩ khoa học										
5. Chức danh khoa học:										
+ Phó giáo sư										
+ Giáo sư										
6. Trình độ lý luận chính trị:										
+ Sơ cấp										
+ Trung cấp										
+ Cao cấp, cử nhân										
7. Bị xử lý kỷ luật Đảng, pháp luật:										

Chỉ tiêu	Các ban đảng và tương đương		Các bộ và tương đương		Cục, vụ, viện và tương đương	Các DNNN thuộc TW quản lý			
						Công tác chính quyền			Bí thư đảng ủy ủy
	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Trưởng	Phó	Chủ tịch HĐQT	Tổng GD	Phó tổng GD
a) Xử lý kỷ luật Đảng:									
+ Khiển trách									
+ Cảnh cáo									
+ Cách chức									
+ Khai trừ									
b) Xử lý theo pháp luật:									
+ Cảnh cáo									
+ Tù án treo									
+ Tù giam									

Người lập biểu

..... ngày... tháng... năm 20...
BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành ủy).....
Huyện (quận ủy).....
BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ
CHỐT CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

Năm 20.....

Biểu số 12B-TC TW

- Đơn vị báo cáo: Ban TC tỉnh, thành ủy.
- Thời gian báo cáo: Sau khi kết thúc năm báo cáo (sau 30 ngày)

Đơn vị tính: người

Số điện thoại:.....

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đảng bộ	Tỉnh, thành ủy		Tỉnh, thành phố				Các ban Đảng, đoàn thể		Giám đốc sở, ngành		Các doanh nghiệp trực thuộc		
		Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Trưởng ban	Phó ban	Giám đốc	Phó G. đốc	Giám đốc	Phó G. đốc	Bí thư Đ.ủy
TỔNG SỐ														
Trong đó: + Đảng viên														
+ Phụ nữ														
+ Dân tộc thiểu số														
+ Thành phần xuất thân là công nhân														
+ Nghỉ hưu trí trong năm														

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đảng bộ	Tỉnh, thành uỷ		Tỉnh, thành phố			Các ban Đảng, đoàn thể		Giám đốc sở, ngành		Các doanh nghiệp trực thuộc		
		Bí thư	Phó	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Trưởng ban	Phó ban	Giám đốc	Phó G. đốc	Giám đốc	Phó G. đốc	Bí thư Đ. uỷ
<i>Phân tích tổng số theo:</i>													
1. Thời gian kết nạp đảng:													
+ Trước tháng 8-1945													
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954													
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975													
+ Từ 1-5-1975 đến nay													
2. Tuổi đời: + Từ 18 đến 35 tuổi													
+ Từ 36 đến 45 tuổi													
+ Từ 46 đến 55 tuổi													
+ Từ 56 đến 60 tuổi													
+ Từ 61 tuổi trở lên													
+ Tuổi bình quân													
3. Trình độ giáo dục phổ thông:													
+ Tiểu học													
+ Trung học cơ sở													

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đảng bộ	Tỉnh, thành uỷ		Tỉnh, thành phố			Các ban Đảng, đoàn thể		Giám đốc sở, ngành		Các doanh nghiệp trực thuộc		
		Bí thư	Phó	Chủ tịch	Phó chủ tịch	UBND	Chủ tịch	Phó chủ tịch	UBND	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Giám đốc	Phó Giám đốc
+ Trung học phổ thông													
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:													
+ Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ													
+ Trung học chuyên nghiệp													
+ Cao đẳng													
+ Đại học													
+ Thạc sĩ													
+ Tiến sĩ													
+ Tiến sĩ khoa học													
5. Chức danh khoa học:													
+ Phó giáo sư													
+ Giáo sư													
6. Trình độ lý luận chính trị:													
+ Sơ cấp													

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đảng bộ	Tỉnh, thành uỷ		Tỉnh, thành phố				Các ban Đảng, đoàn thể		Giám đốc sở, ngành		Các doanh nghiệp trực thuộc			
		Bi thư	Phó bi thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Trưởng ban	Phó ban	Giám đốc	Phó G. đốc	Giám đốc	Phó G. đốc	Bi thư	Đ. uỷ
+ Trung cấp															
+ Cao cấp, cử nhân															
7. Bi xử lý kỷ luật Đảng, pháp luật:															
a) Xử lý kỷ luật Đảng:															
+ Khiển trách															
+ Cảnh cáo															
+ Cách chức															
+ Khai trừ															
b) Xử lý theo pháp luật:															
+ Cảnh cáo															
+ Tù án treo															
+ Tù giam															

Người lập biểu

....., ngày... tháng... năm 20...
BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành ủy) ...

Huyện (quận ủy) ..

.....
BAN TỔ CHỨC

BẢO CÁO
MỘT SỐ CHỨC DANH
CÁN BỘ CHỦ CHỐT
CẤP HUYỆN, QUẬN,
THỊ XÃ

Năm 20.....

Biểu số 12C-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC
huyện (và tương đương);
BTC tỉnh (và tương đương)
- Thời gian báo cáo: Sau khi
kết thúc kỳ báo cáo; huyện
báo cáo tỉnh sau 20 ngày; tỉnh
báo cáo Trung ương sau 30
ngày

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đăng bộ	Trong đó					
		Bí thư		HĐND		UBND	
		Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch
TỔNG SỐ							
Trong đó: + Đảng viên							
+ Phụ nữ							
+ Dân tộc thiểu số							
+ Thành phần xuất thân là công nhân							
+ Nghỉ hưu trí trong năm							
Phân tích tổng số theo:							
1. Thời gian kết nạp đảng:							
+ Trước tháng 8-1945							
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954							
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4- 1975							
+ Từ 1-5-1975 đến nay							
2. Tuổi đời: + Từ 18 đến 35 tuổi							
+ Từ 36 đến 45 tuổi							

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đăng bộ	Trong đó					
		<i>Bí thư</i>		<i>HĐND</i>		<i>UBND</i>	
		<i>Bí thư</i>	<i>Phó bí thư</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>
+ Từ 46 đến 55 tuổi							
+ Từ 56 đến 60 tuổi							
+ Từ 61 tuổi trở lên							
+ Tuổi bình quân							
3. Trình độ giáo dục phổ thông:							
+ Tiểu học							
+ Trung học cơ sở							
+ Trung học phổ thông							
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:							
+ Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ							
+ Trung học chuyên nghiệp							
+ Cao đẳng							
+ Đại học							
+ Thạc sĩ							
+ Tiến sĩ							
+ Tiến sĩ khoa học							
5. Chức danh khoa học:							
+ Phó giáo sư							
+ Giáo sư							
6. Trình độ lý luận chính trị:							
+ Sơ cấp							
+ Trung cấp							
+ Cao cấp, cử nhân							
7. Bị xử lý kỷ luật Đảng, pháp luật:							

Chỉ tiêu	Ủy viên BCH đảng bộ	Trong đó					
		<i>Bí thư</i>		<i>HĐND</i>		<i>UBND</i>	
		<i>Bí thư</i>	<i>Phó bí thư</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>
a) Xử lý kỷ luật Đảng:							
+ Khiển trách							
+ Cảnh cáo							
+ Cách chức							
+ Khai trừ							
b) Xử lý theo pháp luật:							
+ Cảnh cáo							
+ Tù án treo							
+ Tù giam							

..... , ngày... tháng... năm 20...
 Người lập biểu BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành ủy)

Huyện (quận ủy)..

.....
BAN TỔ CHỨC

BẢO CÁO
MỘT SỐ CHỨC DANH
CÁN BỘ CHỦ CHỐT
CẤP XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN
Năm 20.....

Biểu số 12D-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC huyện (và tương đương); BTC tỉnh (và tương đương)
- Thời gian báo cáo: Sau khi kết thúc kỳ báo cáo; huyện BC tỉnh sau 20 ngày; tỉnh BC Trung ương sau 30 ngày

Số điện thoại:.....

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên	Trong đó					
		Bí thư		HĐND		UBND	
		Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch
TỔNG SỐ							
Trong đó: + Đảng viên							
+ Phụ nữ							
+ Dân tộc thiểu số							
+ Thành phần xuất thân là công nhân							
+ Nghỉ hưu trí trong năm							
<i>Phân tích tổng số theo:</i>							
1. Thời gian kết nạp đảng:							
+ Trước tháng 8-1945							
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954							
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975							
+ Từ 1-5-1975 đến nay							
2. Tuổi đời: + Từ 18 đến 35 tuổi							
+ Từ 36 đến 45 tuổi							
+ Từ 46 đến 55 tuổi							

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên	Trong đó					
		Bí thư		HĐND		UBND	
		Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch
+ Từ 56 đến 60 tuổi							
+ Từ 61 tuổi trở lên							
+ Tuổi bình quân							
3. Trình độ giáo dục phổ thông:							
+ Tiểu học							
+ Trung học cơ sở							
+ Trung học phổ thông							
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:							
+ Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ							
+ Trung học chuyên nghiệp							
+ Cao đẳng							
+ Đại học							
+ Thạc sĩ							
+ Tiến sĩ							
+ Tiến sĩ khoa học							
5. Chức danh khoa học:							
+ Phó giáo sư							
+ Giáo sư							
6. Trình độ lý luận chính trị:							
+ Sơ cấp							
+ Trung cấp							
+ Cao cấp, cử nhân							
7. Bị xử lý kỷ luật Đảng, pháp luật:							

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên	Trong đó					
		<i>Bí thư</i>		<i>HĐND</i>		<i>UBND</i>	
		<i>Bí thư</i>	<i>Phó bí thư</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>
a) Xử lý kỷ luật Đảng:							
+ Khiển trách							
+ Cảnh cáo							
+ Cách chức							
+ Khai trừ							
b) Xử lý theo pháp luật:							
+ Cảnh cáo							
+ Tù án treo							
+ Tù giam							

Người lập biểu

....., ngày... tháng... năm 20...
BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành ủy)

BÁO CÁO

Biểu số 12E-TCTW

Huyện (quận ủy)..

BẦU CỬ CẤP ỦY CƠ SỞ^(*)

- Đơn vị báo cáo: BTC huyện (và tương đương); BTC tỉnh (và tương đương)
- Thời gian báo cáo: Sau khi bầu; huyện báo cáo tỉnh sau 10 ngày; tỉnh báo cáo Trung ương sau 20 ngày

BAN TỔ CHỨC

Nhiệm kỳ.....

Số điện thoại:.....

I. CẤP ỦY KHOÁ TRƯỚC KHÔNG THAM GIA KHOÁ NÀY

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên	Trong đó	
		Ủy viên Ban thường vụ	Trong đó: Bí thư
1. Tổng số:			
Trong đó:			
+ Được giới thiệu tái cử khoá này, nhưng không trúng cử			
+ Nữ			
+ Dân tộc thiểu số			
+ Trực tiếp sản xuất			
+ Cán bộ hưu trí			
+ Thủ trưởng đơn vị			
+ Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn			
+ Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn			
+ Bí thư chi bộ			

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên	Trong đó	
		Ủy viên Ban thường vụ	Trong đó: Bí thư
2. Phân tích lý do không tham gia:			
+ Bị xử lý kỷ luật Đảng, hành chính, pháp luật			
+ Năng lực yếu			
+ Tín nhiệm thấp			
+ Tuổi cao, sức khoẻ yếu			
+ Lý do khác			

Ghi chú: (*) Khi tổng hợp biểu số 12E, các huyện (và tương đương) lập biểu tổng hợp riêng cho từng loại cấp uỷ:

1. Xã, phường, thị trấn.
2. Doanh nghiệp nhà nước.
3. Cơ quan hành chính.
4. Đơn vị sự nghiệp.
5. Lực lượng vũ trang.

Chú ý: a) Các chỉ tiêu có liên quan giữa 2 trang trong biểu số 12E (cần xem kỹ hướng dẫn cách ghi biểu để thống kê cho đúng).

b) Khi tổng hợp báo cáo khoá này, cần xem xét lại số liệu khoá trước, trước khi vào biểu.

- c) Tổng số đơn vị cơ sở cơ sở.
 Trong đó: Đơn vị cơ sở đã đại hội cơ sở.
 Trong đó: Đơn vị đã có báo cáo..... cơ sở.

II. SO SÁNH CẤP ỦY KHÓA TRƯỚC VỚI KHÓA NÀY

Chỉ tiêu	Tổng số cấp ủy viên			Trong đó				
	Khoá trước	Khoá này		Ủy viên BTV		Trong đó: Bí thư		
		Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Khoá này
TỔNG SỐ								
<i>Trong đó:</i>								
+ Phụ nữ								
+ Dân tộc thiểu số								
+ Thành phần xuất thân là công nhân								
+ Trực tiếp sản xuất								
+ Cán bộ hưu trí								
<i>Phân tích tổng số:</i>								
1. Thời gian kết nạp đảng:								
+ Trước tháng 8-1945								
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954								
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975								
+ Từ 1-5-1975 đến nay								
2. Tuổi đời:								
+ Từ 18 đến 35 tuổi								
+ Từ 36 đến 45 tuổi								
+ Từ 46 đến 55 tuổi								
+ Từ 56 đến 60 tuổi								
+ Từ 61 tuổi trở lên								
+ Tuổi bình quân								

Chỉ tiêu	Tổng số cấp ủy viên			Trong đó					
	Khoá trước	Khoá này		Ủy viên BTV			Trong đó: Bí thư		
		Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Khoá này		Khoá trước	Khoá này	
					Tổng số	Trong đó mới trúng cử		Tổng số	Trong đó mới trúng cử
3. Trình độ học vấn phổ thông:									
+ Tiểu học									
+ Trung học cơ sở									
+ Trung học phổ thông									
4. Trình độ chuyên môn kỹ thuật:									
+ C.nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ									
+ Trung học chuyên nghiệp									
+ Cao đẳng									
+ Đại học									
+ Thạc sĩ									
+ Tiến sĩ									
+ Tiến sĩ khoa học									
5. Chức danh khoa học:									
+ Phó giáo sư									
+ Giáo sư									
6. Trình độ lý luận chính trị:									
+ Sơ cấp									
+ Trung cấp									
+ Cao cấp, cử nhân									

Người lập biểu

....., ngày... tháng... năm 20...
BAN TỔ CHỨC.....

Tỉnh (thành ủy) ...

Huyện (quận ủy) ..

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO BẦU CỬ CẤP ỦY^(*)

Nhiệm kỳ.....

Biểu số 12G-TCTW

- Đơn vị báo cáo: BTC huyện (và tương đương); BTC tỉnh (và tương đương)
- Thời gian báo cáo: Sau khi bầu; huyện báo cáo tỉnh sau 10 ngày; tỉnh báo cáo Trung ương sau 20 ngày

Số điện thoại:.....

I. CẤP ỦY KHOÁ TRƯỚC KHÔNG THAM GIA KHOÁ NÀY

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Ủy viên ban chấp hành	Trong đó	
		Ủy viên ban thường vụ	Trong đó: Bí thư
1. Tổng số:			
Trong đó: + Được giới thiệu tái cử khoá này, nhưng không trúng cử			
+ Nữ			
+ Dân tộc thiểu số			
+ Trực tiếp sản xuất			
+ Thủ trưởng đơn vị			
+ Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn			
+ Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn			
+ Bí thư chi bộ			
2. Phân tích lý do không tham gia:			
+ Bị xử lý kỷ luật Đảng, hành chính, pháp luật			
+ Năng lực yếu			
+ Tín nhiệm thấp			
+ Tuổi cao, sức khỏe yếu			
+ Lý do khác			

II. PHÂN CÔNG CẤP ỦY SAU KHI BẦU

Chỉ tiêu	Ủy viên ban chấp hành	Trong đó: Ủy viên ban thường vụ
TỔNG SỐ		
<i>Phân công:</i> 1- Công tác đảng:		
+ Bí thư		
+ Phó bí thư		
+ Trưởng các ban Đảng		
2- Công tác dân vận		
+ Trưởng các đoàn thể		
+ Ủy viên BCH các đoàn thể		
3- Công tác chính quyền		
+ Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND		
+ Chủ tịch, phó chủ tịch UBND		
+ Giám đốc sở và tương đương		
+ Phó giám đốc sở		
4- Công tác trong doanh nghiệp		
+ Giám đốc doanh nghiệp		
+ Phó giám đốc doanh nghiệp		
5- Công tác trong đơn vị sự nghiệp		
6- Công tác an ninh, quốc phòng		

III. SO SÁNH CẤP ỦY KHOÁ TRƯỚC VỚI KHOÁ NÀY

Chỉ tiêu	Ủy viên Ban chấp hành			Trong đó				
	<i>Khoá này</i>			<i>Ủy viên BTV</i>		<i>Trong đó: Bí thư</i>		
	Khoá trước	Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Tổng số
TỔNG SỐ								
<i>Trong đó:</i>								
+ Phụ nữ								
+ Dân tộc thiểu số								
+ Thành phần xuất thân là C.nhân								
+ Trực tiếp sản xuất								
<i>Phân tích tổng số:</i>								
1. Thời gian kết nạp đảng:								
+ Trước tháng 8/1945								
+ Từ 8-1945 đến 20-7-1954								
+ Từ 21-7-1954 đến 30-4-1975								
+ Từ 1-5-1975 đến nay								
2. Tuổi đời:								
+ Từ 18 đến 35 tuổi								
+ Từ 36 đến 45 tuổi								
+ Từ 46 đến 55 tuổi								
+ Từ 56 đến 60 tuổi								
+ Từ 61 tuổi trở lên								
+ Tuổi bình quân								
3. Trình độ học vấn phổ thông:								
+ Tiểu học								

Chỉ tiêu	Ủy viên Ban chấp hành			Trong đó					
	Khoá trước	Khoá này		Ủy viên BTV			Trong đó: Bí thư		
		Tổng số	Trong đó mới trúng cử	Khoá trước	Khoá này		Khoá trước	Tổng số	Trong đó mới trúng cử
					Tổng số	Trong đó mới trúng cử			
+ Trung học cơ sở									
+ Trung học phổ thông									
4. Trình độ chuyên môn kỹ thuật:									
+ C.nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ									
+ Trung học chuyên nghiệp									
+ Cao đẳng									
+ Đại học									
+ Thạc sĩ									
+ Tiến sĩ									
+ Tiến sĩ khoa học									
5. Chức danh khoa học:									
+ Phó giáo sư									
+ Giáo sư									
6. Trình độ lý luận chính trị:									
+ Sơ cấp									
+ Trung cấp									
+ Cao cấp, cử nhân									

..... , ngày... tháng... năm 20...
 Người lập biểu BAN TỔ CHỨC.....

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ hai</i>	
BIỂU THỐNG KÊ CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG	7
I. Những vấn đề chung	7
II. Hướng dẫn lập các biểu thống kê	10
Phụ lục I: Các mẫu tài liệu về công tác đảng viên	65
I. Các tài liệu trong hồ sơ kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức	73
II. Phát thẻ đảng viên	140
III. Quản lý hồ sơ đảng viên	169
IV. Giới thiệu sinh hoạt đảng	195
V. Xóa tên đảng viên và đảng viên xin ra khỏi Đảng	234
VI. Tặng Huy hiệu Đảng	241
VII. Khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ nghiệp vụ	264
Phụ lục II: Hệ thống biểu báo cáo	273
	333

A. Hệ thống biểu báo cáo thống kê cơ bản	273
B. 17 biểu mẫu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng	275
1. 11 biểu mẫu báo cáo đảng viên và tổ chức cơ sở đảng	275
2. 6 biểu mẫu báo cáo cán bộ chủ chốt và bầu cử cấp ủy	309

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

Biên tập nội dung: ĐÀO QUỲNH HOA

Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: QUỲNH HOA

TÌM ĐỌC

**Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách
xã, phường, thị trấn**

- HỎI - ĐÁP VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN
CỦA CHI BỘ
- HỎI - ĐÁP VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

Nguyễn Đức Hà

- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG HIỆN NAY

